

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Vũ ĐƯỢC CỦA

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU
NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ
TP HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

HẢI DƯƠNG - NĂM 2025

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Vũ ĐƯỢC CỦA

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU
NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ
TP HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

Ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 8310110

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học:

- PGS.TS. Phạm Văn Hùng*
- TS. Phạm Thị Thu Trang*

HẢI DƯƠNG - NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan rằng tất cả kiến thức, thông tin và số liệu được sử dụng trong Đề án này đều là kết quả của quá trình nghiên cứu độc lập của tôi dựa trên các tài liệu tham khảo. Các số liệu và kết quả nghiên cứu đều chính xác và được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS. **Phạm Văn Hùng** và TS. **Phạm Thị Thu Trang**.*

Tôi xin khẳng định rằng tất cả các số liệu, kết luận nghiên cứu được trình bày trong Đề án đều hợp lý và được phép sử dụng. Chúng hoàn toàn xuất phát từ quá trình nghiên cứu độc lập của tôi.

Tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác và trung thực của nội dung Đề án trước Phòng Sau Đại học - Trường Đại học Hải Dương

Tác giả

Vũ Được Cửa

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện Đề án Thạc sĩ với đề tài “*Hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh*” ngoài sự nỗ lực của bản thân, tôi còn nhận được rất nhiều sự giúp đỡ tận tình của thầy cô, từ ban lãnh đạo Chi cục Thuế TP Hạ Long.

Đầu tiên, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới **PGS.TS. Phạm Văn Hùng và TS. Phạm Thị Thu Trang** đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo, giúp đỡ trong suốt quá trình thực hiện Đề án.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô, nhà khoa học đang công tác tại Đại học Hải Dương đã tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ các tài liệu học tập cho tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi xin gửi lời cảm ơn Ban lãnh đạo Chi cục Thuế thành phố Hạ Long, Lãnh đạo, công chức các Đội chuyên môn, đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho tôi trong việc thu thập số liệu để làm Đề án.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến gia đình, bạn bè, các anh/chị cùng lớp cao học M6.QLKT1 vì đã luôn động viên, quan tâm giúp đỡ trong quá trình học tập và thực hiện Đề án.

Do hạn chế về kiến thức, kinh nghiệm, thời gian tìm hiểu và thực hiện nên Đề án chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Tôi rất mong sẽ nhận được nhiều ý kiến đóng góp của thầy, cô và các bạn để tôi có được cái nhìn sâu sắc hơn về vấn đề này.

Xin chân thành cảm ơn!

Hải Dương, Ngày tháng năm 2025

Tác giả Đề án

Vũ Được Của

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC BẢNG BIỂU	vii
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	viii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do lựa chọn đề tài đề án	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	2
2.1. Mục đích nghiên cứu	2
2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	2
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề án	3
3.1. Đối tượng nghiên cứu	3
3.2. Phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
4.1. Phương pháp thu thập số liệu	3
4.2. Phương pháp phân tích số liệu	4
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án	4
6. Kết cấu của đề án	4
7. Tổng quan tình hình nghiên cứu	4
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÁC CHI CỤC THUẾ	8
1.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp	8
1.1.1. Khái niệm thuế thu nhập doanh nghiệp	8
1.1.2. Đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp	9
1.1.3. Vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp	10
1.1.4. Nội dung cơ bản của thuế thu nhập doanh nghiệp	11
1.2. Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp	16
1.2.1. Khái niệm quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp	16
1.2.2. Mục tiêu quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp	16
1.2.3. Nguyên tắc quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp	18
1.2.4. Vai trò của Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp	24
1.3. Nội dung Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp	24

1.3.1. Lập dự toán thu thuế	25
1.3.2. Quản lý công tác kê khai – kế toán thuế	26
1.3.3. Quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế	27
1.3.4. Công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về thuế	28
1.3.5. Tuyên truyền, hỗ trợ đối tượng nộp thuế	29
1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp	30
1.4.1. Nhân tố chủ quan	30
1.4.2. Nhân tố khách quan	31
1.5. Chỉ tiêu đánh giá công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp	33
1.5.1. Các tiêu chí định lượng	33
1.5.2. Các tiêu chí định tính	34
1.6. Kinh nghiệm về quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại các Chi cục Thuế	36
1.6.1. Kinh nghiệm về quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại các Cục Thuế TP Hải Phòng ..	36
1.6.2. Kinh nghiệm về quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại các Cục Thuế TP Đà Nẵng	37
1.6.3. Bài học rút ra từ kinh nghiệm	38
Tiểu kết chương 1	39
Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	
TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HẠ LONG TỈNH QUẢNG NINH GIAI ĐOẠN	
2022-2024	40
2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.....	40
2.1.1. Đặc điểm tự nhiên	40
2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội	42
2.2. Giới thiệu tổng quan về Chi cục Thuế TP Hạ Long	44
2.2.1. Giới thiệu khái quát	44
2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn	45
2.2.3. Mô hình bộ máy tổ chức	47
2.2.4. Tình hình hoạt động của Chi cục thuế	48
2.3. Thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp của Chi cục thuế TP Hạ	
Long tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022- 2024	52
2.3.1. Tình hình quản lý các doanh nghiệp theo loại hình kinh tế	52
2.3.2. Thực trạng Công tác lập và thực hiện dự toán thu thuế TNDN	53
2.3.3. Thực trạng Công tác quản lý đăng ký, kê khai thuế, quyết toán thuế	56
2.3.4. Thực trạng Quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế	61
2.3.5. Thực trạng Công tác thanh tra, kiểm tra thuế	63
2.3.6. Thực trạng Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế	69

2.4. Đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp của Chi cục thuế TP	
Hạ Long tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022- 2024	72
2.4.1. Những kết quả đạt được	75
2.4.2. Những tồn tại, hạn chế	72
2.4.3. Nguyên nhân của hạn chế	77
Tiểu kết chương 2	79
Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP	
DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HẠ LONG TỈNH QUẢNG NINH .	82
3.1. Mục tiêu định hướng hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN của Chi cục thuế TP Hạ	
Long tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030	82
3.1.1. Mục tiêu của công tác quản lý thuế TNDN	82
3.1.2. Định hướng hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN	82
3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN của Chi cục thuế TP Hạ Long	
tỉnh Quảng Ninh	86
3.2.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy và tăng cường đào tạo đội ngũ công chức	
ngành thuế	86
3.2.2. Hiện đại hoá công nghệ thông tin ngành thuế	87
3.2.3. Hoàn thiện công tác lập và thực hiện dự toán thu thuế TNDN	88
3.2.4. Hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp	89
3.3. Kiến nghị	92
3.3.1. Kiến nghị với Tổng cục thuế	92
3.3.2. Kiến nghị Cục thuế tỉnh Quảng Ninh và Chi cục Thuế TP Hạ Long	98
Tiểu kết chương 3	99
KẾT LUẬN	101
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	103

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Giải nghĩa
NSNN	Ngân sách nhà nước
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
NNT	Người nộp thuế
CQT	Cơ quan thuế
TSCĐ	Tài sản cố định
UBND	Ủy ban nhân dân
MST	Mã số thuế
DN	Doanh nghiệp
KTT	Kiểm tra thuế
HSKT	Hồ sơ khai thuế
KK	Kê khai
TP	Thành phố
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
CP	Cổ phần
HTX	Hợp tác xã

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU

<i>Số hiệu</i>	<i>Tên bảng</i>	<i>Trang</i>
2.1	Bảng thống kê cán bộ, công chức	51
2.2	Số lượng Doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh thuộc quản lý của Chi cục Thuế TP Hạ Long giai đoạn 2022 - 2024	52
2.3	Bảng giao dự toán thu thuế TNDN năm 2022 - 2024	54
2.4	Kết quả thu thuế TNDN năm 2022 - 2024	55
2.5	Kết quả thu thuế TNDN theo loại hình kinh tế năm 2022 – 2024	55
2.6	Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp ở thành phố Hạ Long giai đoạn 2022 - 2024	57
2.7	Tình hình DN nộp hồ sơ kê khai nộp thuế giai đoạn giai đoạn 2022 – 2024	59
2.8	Công tác kê khai quyết toán thuế TNDN giai đoạn 2022 - 2024	59
2.9	Tình hình nợ thuế của doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Thành phố Hạ Long giai đoạn 2022-2024	62
2.10	Kết quả kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế	64
2.11	Thực hiện kế hoạch kiểm tra các doanh nghiệp	69

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Số hiệu	Tên sơ đồ	Trang
2.1	Quản lý thuế theo chức năng của Chi cục Thuế TP Hà Long	47
2.2	Lựa chọn doanh nghiệp kiểm tra thuế	66

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài đề án

Trong các nguồn thu của ngân sách nhà nước (NSNN), Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước (NSNN) và là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Thuế chiếm khoảng 80% tổng thu NSNN, còn lại là phí và lệ phí và các khoản thu khác ngoài thuế phí và lệ phí. Mục tiêu quan trọng của nước ta là xây dựng một hệ thống thuế có hiệu lực và hiệu quả cao. Công tác quản lý thuế không những giúp cho hoạt động quản lý thuế đạt được các mục tiêu đã đề ra mà còn giúp Nhà nước phát hiện những hạn chế của chính sách, điều chỉnh kịp thời chính sách, chế độ về thuế, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế và góp phần ngăn chặn tình trạng trốn thuế, gian lận thuế, chống thất thu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo nguồn thu ngân sách nhất là trong bối cảnh nền kinh tế đang trên đà tăng trưởng, sự phát triển của lực lượng doanh nghiệp đã và đang đóng góp tích cực vào nguồn thu NSNN. Cùng với nỗ lực cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp, đối tượng nộp thuế đã lợi dụng chính sách thông thoáng, hỗ trợ của Nhà nước để thực hiện các hành vi gian lận, khai thiếu thuế, trốn thuế. Tình trạng này đang có chiều hướng gia tăng với hành vi ngày càng tinh vi, phức tạp. Đây là thách thức lớn đặt ra cho công tác quản lý thuế. Thực trạng này đã và đang xảy ra đối với toàn ngành thuế nói chung và Chi cục Thuế thành phố Hạ Long nói riêng. Cùng với ngành thuế cả nước, Chi cục Thuế thành phố Hạ Long có nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn thành phố. Chi cục Thuế thành phố hiện có hơn 4.430 doanh nghiệp đang hoạt động đóng góp nguồn ngân sách chủ yếu cho địa bàn, trong đó doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm hơn 90% số doanh nghiệp tại thành phố. Là đối tượng phát sinh nhiều vấn đề phức tạp. Để thực hiện tốt Luật quản lý thuế nhằm chống thất thu, ngăn chặn và xử lý kịp thời

những vi phạm về thuế, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ thu ngân sách Nhà nước.

Trong những năm qua, kinh tế thành phố Hạ Long có tốc độ tăng trưởng đều và chuyển dịch cơ cấu theo đúng định hướng, hoạt động xúc tiến đầu tư có nhiều chuyển biến tích cực. Thành phố Hạ Long phát triển mạnh về du lịch không chỉ về số lượng và cả quy mô sản xuất, kinh doanh của DN trên địa bàn thành phố. Nhưng công tác quản lý thuế TNDN còn nhiều hạn chế nhất định.

Bên cạnh đó, hiện nay nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, nhiều loại thuế đã đang và sẽ cắt giảm theo cam kết quốc tế làm cho ngân sách các cấp, trong đó có ngân sách sẽ hụt thu từ các khoản thuế này, vì vậy việc hoàn thiện công tác quản lý thu thuế TNDN để hạn chế các khoản hụt thu ngân sách càng trở nên cấp thiết.

Việc đi sâu nghiên cứu công tác quản lý thuế TNDN sẽ góp phần tăng thu cho NSNN, lành mạnh hóa môi trường kinh doanh cho DN, sự cạnh tranh công bằng và tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của chính sách thuế. Xuất phát từ những thực tế và trên cơ sở kết hợp với những kiến thức có được nên em quyết định chọn nghiên cứu đề tài ***“Hoàn thiện quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh”***.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Phân tích thực trạng công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh, rút ra các kết quả đạt được, những hạn chế về công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tế về công tác quản lý thuế TNDN.
- Phân tích thực trạng công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành

phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh, từ đó đánh giá những kết quả đạt được cũng như những hạn chế trong công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Tại Chi cục Thuế thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh.

- Về thời gian: Đề tài sử dụng số liệu của Chi cục Thuế thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh từ 2022 - 2024.

- Về nội dung: Các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập số liệu

Tác giả đã sử dụng rất nhiều các biện pháp khác nhau nhằm mục đích làm rõ thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn 2022 - 2024. Các phương pháp chủ yếu như: Phương pháp nghiên cứu dữ liệu; Phương pháp phân tích, dữ liệu thông qua các bảng, các biểu đồ để so sánh, đánh giá; Phương pháp tổng hợp, thống kê; Phương pháp phân tích, mô tả;....

4.2. Phương pháp phân tích số liệu

Các dữ liệu sau khi thu thập sẽ được tổng hợp và xử lý thông qua phần mềm Excel. Trên cơ sở các số liệu thực tế tổng hợp được, đề án sử dụng các phương pháp thống kê, đối chiếu, so sánh để phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh, những kết quả đạt được, hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án

- **Ý nghĩa về lý luận:** Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp.

- **Ý nghĩa về thực tiễn:** Phân tích thực trạng công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh; Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới.

6. Kết cấu của đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo cấu trúc của đề án được kết cấu thành 3 chương cụ thể là:

Chương 1: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại các Chi cục thuế

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế TP Hạ Long tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022-2024

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế TP Hạ Long tỉnh Quảng Ninh

7. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Tính đến thời điểm hiện tại, có khá nhiều công trình khoa học liên quan đến quản lý thu thuế nói chung và quản lý thu thuế doanh nghiệp nói riêng. Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề án tốt nghiệp của mình, tác giả nhận thấy đây là một vấn đề đã được khá nhiều tác giả nghiên cứu với số lượng công trình phong phú. Một số công trình nghiên cứu liên quan như:

Âu Đình Hoài Phương (2024) với đề tài “*Tăng cường quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng*”. Đề án gồm ba nội dung chính: cơ sở lý thuyết, thực trạng, và giải pháp. Phần cơ sở lý thuyết làm sáng tỏ được các vấn đề lý luận về quản lý thuế TNDN, cùng với các yếu tố ảnh hưởng đến việc quản lý thuế TNDN tại cơ quan thuế cấp huyện. Phần thực trạng vận dụng cơ sở lý thuyết phân tích được thực trạng quản lý thuế TNDN

và đánh giá các kết quả đạt được trong việc quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021-2023, những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân của những tồn tại, đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng trong thời gian tới.

Đặng Thị Cẩm Dung (2024) với đề tài *“Một số giải pháp nâng cao sự tuân thủ pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục Thuế TP Hải Phòng”*. Bằng phương pháp định tính với những lý luận cơ bản, Đề án nêu lên được những khái niệm, nội dung, tiêu chí đánh giá sự tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hai phía là người nộp thuế và hệ thống kiểm soát thuế kết hợp việc phân tích những nhân tố tác động đến sự tuân thủ thuế. Đề án cũng đánh giá thực trạng tuân thủ pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp qua việc trình bày số liệu thực tế tại Cục Thuế TP Hải Phòng. Sau đó kiểm chứng lại bằng phương pháp định lượng thông qua việc phát phiếu khảo sát điều tra những nhân tố tác động đến sự tuân thủ thuế. Sau khi tổng hợp phân tích đánh giá kết quả, tác giả đưa ra những giải pháp nhằm tăng cường sự tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với người nộp thuế và hệ thống kiểm soát thuế, góp phần nâng cao công tác quản lý thuế tại Cục Thuế TP Hải Phòng

Lê Hữu Trí (2023) với nghiên cứu *“Pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam”*. Đề tài nghiên cứu, đánh giá các quy định pháp luật về ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam đối với nền kinh tế nước ta, đồng thời nghiên cứu chính sách pháp luật ưu đãi thuế TNDN nhỏ và vừa của các quốc gia khác từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật ưu đãi của thuế TNDN.

Hà Phạm Phương Ngân (2023) với nghiên cứu *“Xác định thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp và thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh”*. Đề tài nghiên cứu phân tích sâu những quan điểm, một số khía cạnh lý luận pháp luật cơ bản về thuế TNDN; góp phần nâng cao

nhận thức cho DN về tác dụng của thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng, đưa các khuyến nghị phù hợp nhằm hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực này.

Trần Thị Dung (2022) với nghiên cứu *“Hoàn thiện công tác quản lý thu thuế TNDN trên địa bàn quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng”*. Tác giả đã có những đánh giá, phân tích thực trạng công tác quản lý thu thuế TNDN trên địa bàn quận Liên Chiểu, thành phố trong 3 năm 2020 - 2022. Sử dụng chủ yếu các phương pháp nghiên cứu: thống kê, so sánh, phân tích và tổng hợp để giải quyết vấn đề đặt ra. Đề tài đã hệ thống hóa lý luận về công tác quản lý thu thuế TNDN, đánh giá thực trạng tại địa bàn quận Liên Chiểu trong những năm vừa qua, từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN trên địa bàn quận Liên Chiểu.

Nguyễn Bảo Trang (2021) với đề tài *“Một số giải pháp về quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Cục Thuế tỉnh Hưng Yên”*. Đề án tập trung phân tích, đánh giá thực trạng, đề xuất những giải pháp và kiến nghị nhằm góp phần tăng cường công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh nhằm tăng thu cho ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Nguyễn Văn Tâm (2020) với nghiên cứu *“Quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội”*. Đề tài nghiên cứu tập trung vào các nội dung chủ yếu của công tác quản lý thu thuế TNDN đó là, quản lý đăng ký thuế, quản lý thu thuế, công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế, công tác kiểm tra, quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế.

Lê Thị Minh Phượng (2019) với nghiên cứu *“Hoàn thiện thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay”*. Đề án đã nghiên cứu tác động của thuế TNDN đối với việc thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế. Tuy nhiên, nghiên cứu chủ yếu xem xét ở góc độ vĩ mô, do vậy hạn chế của luận án là chưa chỉ ra hướng nghiên cứu ở góc độ vi mô là phân tích tác động của thuế TNDN tới hoạt động sản xuất kinh doanh của DN. Bên cạnh đó, mặc dù nghiên cứu sử

dụng mô hình kinh tế lượng dạng cấu trúc nhưng các kênh tác động của thuế TNDN trong mô hình là khá hạn chế và chủ yếu là các phương trình dạng hồi quy

Bùi Ngọc Toàn (2018) với nghiên cứu “*Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của doanh nghiệp - Nghiên cứu thực nghiệm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*”. Nghiên cứu đã chỉ ra 7 nhân tố tác động đến hành vi tuân thủ thuế TNDN, bao gồm: (1) đặc điểm của cơ quan thuế; (2) pháp luật và chính sách về thuế; (3) Đặc điểm tâm lý của chủ/người quản lý doanh nghiệp; (4) đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp; (5) đặc điểm ngành; (6) nhân tố kinh tế; (7) nhân tố xã hội.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên, có thể thấy một số vấn đề lý luận liên quan đến quản lý thu thuế TNDN đã được hệ thống khá đầy đủ và được vận dụng để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp cụ thể hoàn thiện quy trình quản lý thu thuế và quản lý thu thuế TNDN đối với vấn đề quản lý thu thuế tại một số địa phương trên cả nước. Tuy nhiên, nội dung của các đề tài đã được nghiên cứu, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống và trực tiếp về quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh. Do đó tác giả đã tích cực tìm hiểu, tiến hành thu thập thông tin, tham khảo các công trình nghiên cứu, Đề án khoa học vận dụng vào tìm hiểu thực tế tại thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh. Do vậy, đề án “***Hoàn thiện quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh***” là cần thiết, có ý nghĩa khoa học và không trùng lặp với các đề tài trước đó

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÁC CHI CỤC THUẾ

1.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm thuế thu nhập doanh nghiệp

Có nhiều cách hiểu khác nhau về thuế. Đứng trên các góc độ khác nhau, các nhà kinh tế có định nghĩa về thuế khác nhau.

Nhà kinh tế học Gaston Jeze trong cuốn "Tài chính công" đưa ra một định nghĩa tương đối cổ điển về thuế: "Thuế là một khoản trích nộp bằng tiền, có tính chất xác định, không hoàn trả trực tiếp do các công dân đóng góp cho nhà nước thông qua con đường quyền lực nhằm bù đắp những chi tiêu của Nhà nước".

Trên góc độ phân phối thu nhập: "Thuế là hình thức phân phối và phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân nhằm hình thành các quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước để đáp ứng các nhu cầu về chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước".

Thuế TNDN là loại thuế thu trên thu nhập của các cơ sở kinh doanh độc lập một phần thu nhập của họ vào ngân sách nhà nước. Ngoài ra, nhà nước cũng có thể sử dụng loại thuế này để điều tiết vĩ mô nền kinh tế thông qua việc động viên công bằng giữa các thành phần kinh tế, khuyến khích ưu đãi đầu tư nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển.

Thuế TNDN là một loại thuế đánh vào thu nhập phát sinh của cơ sở sản xuất kinh doanh trong một khoảng trong một khoảng thời gian nhất định thường là một kỳ kinh doanh và phần thu nhập chịu thuế là phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi các chi phí liên quan đến quá trình sản xuất kinh doanh.

Thuế TNDN là sắc thuế được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng. Anh và Nhật Bản là nước đầu tiên áp dụng sắc thuế này từ những năm khoảng giữa và cuối thế kỷ XIX, một số nước khác áp dụng vào khoảng đầu thế kỷ XX

như Pháp, Thụy Sĩ, Liên Xô cũ, Trung Quốc...

Ở Việt Nam, Thuế TNDN có xuất xứ từ khoản trích nộp lợi nhuận áp dụng đối với khu vực kinh tế quốc doanh và thuế Lợi tức doanh nghiệp áp dụng đối với khu vực kinh tế ngoài quốc doanh trong giai đoạn từ trước năm 1953 đến trước ngày 01/01/1990. Giai đoạn từ 01/01/1990 đến trước ngày 01/01/1999 thuế Lợi tức được áp dụng thống nhất cho mọi thành phần kinh tế. Năm 1997 Luật thuế TNDN đầu tiên được ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/1999. Kể từ khi ban hành đến nay, Luật thuế TNDN đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần nhằm tháo gỡ kịp thời các vướng mắc phát sinh phù hợp với thực tiễn nước ta và thông lệ quốc tế”.

1.1.2. Đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN là một loại thuế trực thu đánh trực tiếp vào phần thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp. Tính chất trực thu của loại thuế này được biểu hiện ở sự đồng nhất giữa đối tượng nộp thuế và đối tượng chịu thuế.

Thuế TNDN đánh vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác theo quy định của pháp luật sau khi đã trừ đi các khoản chi phí hợp lý, hợp pháp liên quan đến thu nhập của doanh nghiệp, bởi vậy mức đóng góp vào NSNN đối với các loại thuế này phụ thuộc rất lớn vào hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Thuế TNDN là công cụ để điều chỉnh sự phân bổ hiệu quả của các nguồn lực trong nền kinh tế, thúc đẩy hoặc ngăn chặn sự phát triển của một số ngành hàng hoặc một số loại hàng hoá. Đây cũng là công cụ để điều chỉnh, phân phối lại thu nhập xã hội, giúp giảm bớt khoảng cách giàu nghèo bằng cách áp dụng các loại thuế có tính chất tiến (thu nhập cao đóng góp tỷ lệ cao hơn) hoặc các loại miễn giảm thuế cho các đối tượng nộp thuế có thu nhập thấp hoặc gặp khó khăn.

1.1.3. Vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế TNDN là khoản thu quan trọng của NSNN. Ở Việt Nam, tỷ trọng thuế TNDN trong tổng số thu Ngân sách nhà nước hằng năm (trừ dầu thô) chiếm khoảng 20%. Tuy nhiên, cùng với xu hướng tăng trưởng kinh tế, quy mô của các hoạt động kinh tế ngày càng được mở rộng, hiệu quả kinh doanh ngày càng cao sẽ tạo ra nguồn thu về thuế TNDN lớn đối với NSNN

- Thuế TNDN là công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Nhà nước ban hành một hệ thống pháp luật về thuế TNDN áp dụng chung cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, tạo sự bình đẳng trong cạnh tranh, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Như vậy, với các doanh nghiệp cùng sản xuất một mặt hàng như nhau, cùng bán giá bán trên thị trường như nhau, nếu cơ sở sản xuất nào càng hạ thấp được giá thành sản phẩm, càng thu được nhiều lợi nhuận thì càng phát triển mạnh, và ngược lại thì dễ dẫn tới bị phá sản.

Thông qua việc xác định phạm vi thu thuế và không thu thuế, Nhà nước thể hiện sự ưu đãi của mình đối với một số đối tượng trong xã hội không phải nộp thuế hoặc thể hiện sự khuyến khích của Nhà nước đối với việc phát triển của một lĩnh vực ở một vùng nào đó.

Ngoài việc quy định thuế suất cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, Nhà nước cũng đưa ra thuế suất ưu đãi để áp dụng đối với từng ngành nghề, mặt hàng, lĩnh vực thể hiện mức độ khuyến khích hay không khuyến khích của Nhà nước đối với những ngành nghề, mặt hàng, lĩnh vực đó trong nền kinh tế.

Không những chỉ khuyến khích đầu tư bằng việc định ra một thuế suất hợp lý, mà thuế TNDN còn được sử dụng là một biện pháp khuyến khích bỏ vốn đầu tư vào các ngành nghề, mặt hàng, các vùng mà Nhà nước cần tập trung khuyến khích đẩy mạnh sản xuất, khai thác tiềm năng về vốn trong dân cư và của các nhà đầu tư nước ngoài, hỗ trợ các doanh nghiệp khắc phục khó

khăn, rủi ro để phát triển sản xuất bằng việc sử dụng biện pháp miễn, giảm thuế TNDN theo mức độ khác nhau.

- Thuế TNDN là một công cụ của Nhà nước thực hiện chính sách công bằng xã hội. Một trong những mục tiêu của thuế TNDN là điều tiết thu nhập, đảm bảo sự công bằng trong phân phối thu nhập xã hội. Thuế TNDN được áp dụng cho các loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, không những đảm bảo bình đẳng công bằng về chiều ngang mà còn cả công bằng về chiều dọc. Về chiều ngang, bất kể một doanh nghiệp nào kinh doanh bất cứ hình thức nào nếu có thu nhập chịu thuế thì phải nộp thuế TNDN. Về chiều dọc, cùng một ngành nghề không phân biệt quy mô kinh doanh nếu có thu nhập chịu thuế thì đều phải nộp thuế TNDN. Với mức thuế suất thống nhất, doanh nghiệp nào có thu nhập cao thì phải nộp thuế nhiều hơn doanh nghiệp có thu nhập thấp.

1.1.4. Nội dung cơ bản của thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Người nộp thuế

Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (sau đây gọi là doanh nghiệp) bao gồm:

Các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật đầu tư nước ngoài và luật hợp tác xã.

Các công ty nước ngoài và các tổ chức cá nhân nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trực tiếp kê khai nộp thuế.

Các đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập, nhà khách, nhà nghỉ, và các tổ chức kinh tế khác của cơ quan nhà nước, Đảng, đoàn thể, hội, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Trung ương, địa phương và hộ kinh doanh có sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế trong tất cả các lĩnh vực.

Tổ chức khác ngoài các tổ chức nêu trên có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa hoặc dịch vụ và có thu nhập chịu thuế theo quy định của luật thuế TNDN”[6]

b. Căn cứ tính thuế

Căn cứ theo quy định tại Điều 11, Văn bản hợp nhất (số 14/VBHN-VPQH) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành ngày 15/7/2020 quy định cách tính thuế TNDN như sau:

“Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ tính thuế được tính bằng thu nhập tính thuế nhân với thuế suất; trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế thu nhập ở ngoài Việt Nam thì được trừ số thuế thu nhập đã nộp nhưng tối đa không quá số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định của Luật này”, được tính theo công thức sau:

Thuế TNDN phải nộp = (Thu nhập tính thuế - Phần trích lập quỹ KH&CN (nếu có)) x Thuế suất thuế TNDN

Trong đó

1. Cách xác định thu nhập tính thuế

Căn cứ theo Điều 7, Văn bản hợp nhất (số 14/VBHN-VPQH) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp thu nhập tính thuế được xác định như sau:

“1. Thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế được xác định bằng thu nhập chịu thuế trừ thu nhập được miễn thuế và các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước.

2. Thu nhập chịu thuế bằng doanh thu trừ các khoản chi được trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh cộng thu nhập khác, kể cả thu nhập nhận được ở ngoài Việt Nam”

Như vậy, công thức tính thu nhập tính thuế như sau:

Thu nhập tính thuế = (Doanh thu + các khoản thu nhập khác) – (Chi phí sản xuất, kinh doanh + thu nhập được miễn thuế + các khoản lỗ được kết chuyển từ năm trước)

Lưu ý:

- Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải xác định riêng để kê khai nộp thuế.

- Thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư (trừ dự án thăm dò, khai thác khoáng sản), thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư (trừ chuyển nhượng quyền tham gia dự án thăm dò, khai thác khoáng sản), thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản nếu lỗ thì số lỗ này được bù trừ với lãi của hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.

(2) Cách xác định thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ theo Điều 10, Văn bản hợp nhất (số 14/VBHN-VPQH) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp thuế suất thuế TNDN được xác định như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% từ 1/1/2016
- Trường hợp thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu, khí và tài nguyên quý hiếm khác tại Việt Nam từ 32% đến 50% phù hợp với từng dự án, từng cơ sở kinh doanh.

Lưu ý các trường hợp được ưu đãi về thuế suất (Quy định tại Điều 13), ưu đãi về thời gian miễn thuế giảm thuế (quy định tại Điều 14), các trường hợp giảm thuế khác (quy định tại Điều 15) theo Văn bản hợp nhất (số 14/VBHN-VPQH) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Các loại thu nhập được miễn thuế

Theo quy định tại Căn cứ theo Điều 4, Văn bản hợp nhất (số 14/VBHN-VPQH) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có 11 loại thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể gồm:

Các khoản thu nhập được miễn thuế của doanh nghiệp:

1. Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã...
2. Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp.
3. Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam.
4. Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp có từ 30% số lao động bình quân trong năm trở lên là người khuyết tật, người sau cai nghiện, người nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) và có số lao động bình quân trong năm từ hai mươi người trở lên, không bao gồm doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh bất động sản.
5. Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tệ nạn xã hội.
6. Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp trong nước, sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này.
7. Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam.
8. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải (CERs) của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giảm phát thải.
9. Thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng xuất khẩu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam...

10. Phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hóa khác để lại; phần thu nhập hình thành tài sản không chia của hợp tác xã.

11. Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

a. Kỳ tính thuế

Kỳ tính thuế được xác định theo năm dương lịch

Trường hợp DN áp dụng năm tài chính khác năm dương thì kỳ tính thuế xác định theo năm tài chính áp dụng. Kỳ tính thuế đầu tiên đối với DN mới thành lập và kỳ tính thuế cuối cùng đối với DN chuyển đổi loại hình DN, chuyển đổi hình thức sở hữu, sát nhập, chia, tách, giải thể, phá sản được xác định phù hợp với kỳ kế toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

Trường hợp kỳ tính thuế đầu tiên đối với DN mới thành lập và kỳ tính thuế cuối cùng đối với DN chuyển đổi loại hình DN, chuyển đổi hình thức sở hữu, sát nhập, chia, tách, giải thể, phá sản có thời gian ngắn hơn 3 tháng thì được cộng với kỳ tính thuế năm tiếp theo (đối với DN mới thành lập) hoặc kỳ tính thuế năm trước đó (đối với DN chuyển đổi loại hình DN, chuyển đổi hình thức sở hữu, sát nhập, chia, tách, giải thể, phá sản) để hình thành một kỳ tính thuế.

Kỳ tính thuế TNDN năm đầu tiên và kỳ tính thuế TNDN năm cuối cùng của năm dương lịch và không vượt quá 15 tháng đối với DN thành lập vào 3 tháng cuối năm liền kề trước.

b. Thuế suất

Mức thuế suất thuế TNDN được quy định theo pháp luật và có nhiều mức thuế suất áp dụng khác nhau.

- Mức thuế suất được áp dụng phổ biến nhất là 20%;
- Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò,

khai thác dầu khí thì áp dụng mức thuế suất từ 32 - 50%. Mức thuế suất còn được căn cứ vào vị trí khai thác, điều kiện khai thác và trữ lượng mỏ có dự án, phải gửi hồ sơ dự án đầu tư đến Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức thuế suất cụ thể;

- Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác các mỏ tài nguyên quý hiếm thì mức thuế suất áp dụng là 50%. Trong trường hợp mỏ tài nguyên quý hiếm chiếm từ 70% diện tích trở lên ở địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc địa bàn có ưu đãi thuế TNDN thì áp dụng mức thuế suất 40%.

1.2. Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp

“Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp là quá trình hoạt động, tổ chức, lãnh đạo, quản lý của nhà nước và cơ quan thuế nhằm đảm bảo NNT chấp hành pháp luật về thuế TNDN vào NSNN theo quy định của pháp luật.

Quá trình trên được hiểu là việc hoạch định ra hệ thống tổ chức quản lý thuế TDND. Tiếp đó phân công trách nhiệm cho tổ chức đó và xác lập mối quan hệ giữa các tổ chức với nhau, kết hợp với quá trình lãnh đạo và quản lý hệ thống quản lý thuế TNDN nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra. Thông qua quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNDN nói riêng giúp cho cơ quan nhà nước xây dựng chính sách thuế phù hợp với thực trạng SXKD của DN. Điều chỉnh kịp thời nhằm khuyến khích tiêu dùng, sản xuất kinh doanh và nuôi dưỡng nguồn thu NSNN trong thời gian dài, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội ổn định qua từng thời kỳ.

1.2.2. Mục tiêu quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp

Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp là quá trình hoạt động, tổ chức, lãnh đạo, quản lý của nhà nước và cơ quan Thuế nhằm đảm bảo NNT chấp hành pháp luật về thuế TNDN vào NSNN theo quy định của pháp luật.

Thứ nhất, đảm bảo thực hiện tốt nhất dự toán thuế thu thuế TNDN. Dự toán

thuế do chính sách những cơ quan sử dụng trực tiếp ngân sách nhà nước lập dự toán thuế, được lập cùng thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước và được thực hiện cùng thời gian của năm ngân sách.

Hàng năm, Chi cục Thuế có các khoản thu được cấp tỉnh giao theo dự toán hàng năm bao gồm: Thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và hoạt động xổ số kiến thiết); thuế TNDN (trừ các đơn vị hạch toán toàn ngành và hoạt động xổ số kiến thiết); thuế thu nhập cá nhân; thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài; Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước; Thuế bảo vệ môi trường.

Do đó, mục tiêu quan trọng hướng đến đầu tiên của cấp Chi cục Thuế phải thực hiện tốt dự toán các sắc thuế được giao trong đó bao gồm thuế TNDN.

Thứ hai, quản lý thu thuế TNDN phải đảm bảo thi hành nghiêm pháp luật về thuế và phát huy được vai trò tích cực của thuế.

Các nhà quản lý thuế ở cấp thành phố trực thuộc tỉnh phải thực hiện đúng quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm được quy định trong luật Quản lý thuế. Cùng với đó, các doanh nghiệp phải tuân thủ theo những gì pháp luật quy định, làm theo trình tự, thủ tục nộp thuế.

Chi cục Thuế phải quản lý chặt chẽ nguồn thu theo các sắc thuế (trong đó bao gồm thuế TNDN) đối với các DN, ổn định ngân sách, thực hiện các mục tiêu đầu tư nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động kinh doanh trên địa bàn thành phố về các mặt: Thu nhập, giá cả mặt hàng, hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau. Để từ đó có được số thu thuế ổn định nộp vào NSNN, hướng tới mục tiêu đầu tư cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương.

Thứ ba, chống thất thu thuế TNDN đối với các doanh nghiệp trên địa bàn. Với đặc thù của doanh nghiệp ở địa bàn thành phố đều là các doanh

ng nghiệp có quy mô nhỏ, vốn thấp và các doanh nghiệp này luôn tìm mọi cách để trốn, tránh, lách thuế..., không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước.

Đây cũng là đối tượng làm thất thu lớn đối với ngân sách Nhà nước hàng năm. Do đó nhiệm vụ, mục tiêu quan trọng của cơ quan quản lý thuế là phải chống thất thu thuế có hiệu quả, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các trường hợp làm thất thu thuế, đảm bảo môi trường công bằng cho các doanh nghiệp phát triển, cạnh tranh lành mạnh. Phát huy vai trò tích cực của hệ thống thuế TNDN trong đời sống kinh tế xã hội”.

1.2.3. Nguyên tắc quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp

Quá trình trên được hiểu là việc hoạch định ra một hệ thống tổ chức quản lý thuế TDND; sau đó phân công trách nhiệm cho tổ chức đó và xác lập mối quan hệ giữa các tổ chức với nhau; kết hợp với đó là quá trình lãnh đạo và quản lý hệ thống quản lý thuế TNDN nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra. Thông qua quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNDN nói riêng giúp cho cơ quan nhà nước xây dựng chính sách thuế phù hợp với thực trạng SXKD của DN; điều chỉnh kịp thời nhằm khuyến khích tiêu dùng, sản xuất và nuôi dưỡng nguồn thu NSNN trong thời gian dài, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ”.

Việc quản lý thuế đối với doanh nghiệp cần phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:

Một là, bảo đảm đúng pháp luật. Trước hết, phải tuân thủ quản lý theo Luật Quản lý thuế. Việc quản lý đối với các sắc thuế đều phải theo trình tự, thủ tục các nội dung của quản lý thuế theo luật định gồm:

- Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế.
- Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế.
- Xoá nợ tiền thuế, tiền phạt.
- Quản lý thông tin về người nộp thuế.

- Kiểm tra thuế, thanh tra thuế.
- Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.
- Xử lý vi phạm pháp luật về thuế.
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế. Ngoài những quy định chung của Luật, cần thực hiện những quy định do ngành thuế ban hành.

Về cơ bản, mỗi nội dung quản lý thuế đều được quy định chi tiết bằng các quy trình và bất cứ cơ quan Thuế nào cũng phải thực hiện đúng quy định của quy trình. Các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế hiện nay bao gồm:

- Quy trình quản lý đăng ký thuế.
- Quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế.
- Quy trình hoàn thuế.
- Quy trình miễn thuế, giảm thuế.
- Quy trình quản lý thu nợ thuế
- Quy trình kiểm tra thuế.
- Quy trình thanh tra thuế.

Hai là, bảo đảm tăng nguồn thu cho NSNN, đồng thời nuôi dưỡng nguồn thu.

Mục đích đầu tiên của quản lý thuế là thu cho NSNN để bảo đảm nguồn tài chính duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước. Mặt khác, thu thuế không phải một lần, hay một kỳ nào đó mà nó được lặp đi lặp lại cùng với sự tồn tại và phát triển của người nộp thuế. Vì thế, nếu không nuôi dưỡng nguồn thu thì vô hình chung làm cạn kiệt nguồn thu và Nhà nước khó có thể đảm bảo nguồn thu từ thuế và như vậy thì khó có thể trang trải được các nhu cầu chi tiêu để duy trì bộ máy nhà nước và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. Để nuôi dưỡng nguồn thu, quản lý thuế phải giải quyết được đúng các yêu cầu thu đúng, thu đủ, đồng thời giải quyết tốt mọi chính sách ưu đãi, miễn, giảm, hoàn thuế, tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện cho người nộp thuế duy trì tốc độ tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ba là, bảo đảm tính khoa học và khách quan trong quản lý thuế.

Tính khoa học thể hiện ở chỗ là phải dựa vào nền tảng lý luận vững chắc, phù hợp với quy luật khách quan. Tính khoa học trong quản lý thuế cần được tuân thủ từ khâu xây dựng hệ thống tổ chức quản lý thuế cho đến hoạt động quản lý thuế. Khi xây dựng hệ thống tổ chức quản lý thuế, trước tiên cần phải nghiên cứu đến những nhân tố tác động như: trình độ phát triển của nền sản xuất (bao gồm cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất), tính chất và đặc điểm của ngành thuế; mối quan hệ giữa quản lý tập trung thống nhất và phân cấp quản lý trong ngành thuế, quan hệ song trùng lãnh đạo giữa ngành dọc và ngành ngang đối với hệ thống tổ chức quản lý thuế, trình độ trang bị công nghệ, cơ sở vật chất cho hoạt động quản lý và trình độ của cán bộ quản lý thuế. Sau đó, phải bảo đảm những yêu cầu có tính nguyên tắc như: số lượng cấp quản lý tối ưu nhằm bảo đảm tính linh động và phù hợp với thực tế (hiện nay có 3 cấp tương ứng với 3 cấp quản lý hành chính nhà nước là Trung ương, tỉnh và huyện); loại trừ hiện tượng chồng chéo, trùng lặp hoặc không có người phụ trách tức là tuân thủ nguyên tắc một bộ phận của hệ thống tổ chức có thể đảm nhiệm một hoặc một số chức năng nhiệm vụ, song mỗi chức năng nhiệm vụ không thể bố trí cho hai hoặc nhiều bộ phận khác nhau của hệ thống quản lý thuế.

Về hoạt động quản lý thuế cụ thể, phải luôn luôn tìm ra những điều đã phù hợp, những điều chưa phù hợp trong quy định để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp. Tính khoa học thể hiện rõ nhất ở sự vận động, hiện đại hoá và hoàn thiện của quản lý thuế, bằng hoạt động quản lý thuế cụ thể hàng ngày, người ta kiểm nghiệm lại quy định của luật pháp, của các quy trình nghiệp vụ và cả hệ thống tổ chức bộ máy để tiến hành cải cách và hiện đại hoá, với xu hướng áp dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống thuế điện tử trong một hệ thống hoàn hảo của chính phủ điện tử, quốc gia điện tử.

Tính khách quan thể hiện ở chỗ người quản lý phải tự giác tuân thủ mọi quy định về quản lý thuế, đối xử công bằng với mọi đối tượng của quản lý thuế, tránh áp đặt, chủ quan, duy ý chí.

Bốn là, bảo đảm tính hiệu lực và hiệu quả trong quản lý thuế.

Bảo đảm tính hiệu lực thể hiện ở chỗ kết quả quản lý thuế so với mục tiêu đề ra phải cao. Theo đó, mọi DN đều tuân thủ và tiền thuế được nộp vào NSNN đúng, đủ, kịp thời. Bảo đảm tính hiệu quả nghĩa là bảo đảm tỉ lệ giữa chi phí quản lý thuế so với kết quả thuế thu được là hợp nhất. Suy rộng ra, chi phí quản lý thuế bao gồm chi phí xã hội, tức là bao gồm cả chi phí của DN và chi phí của Nhà nước cho cơ quan Thuế. Để quản lý thuế có hiệu quả thì phải cải cách các thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá, dễ thực hiện và cơ quan Thuế phải tổ chức phù hợp để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho DN chi phí cho việc đăng ký, kê khai, nộp thuế là ít nhất, đồng thời tránh mọi hành vi đặt thêm thủ tục trái với quy định, sách nhiễu, gây phiền hà cho DN.

Những nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế

+ Hệ thống chính sách, pháp luật thuế Hệ thống chính sách, pháp luật thuế được áp dụng thống nhất đối với mọi thành phần kinh tế phải đảm bảo được sự động viên đóng góp bình đẳng và thực hiện công bằng xã hội. Hệ thống thuế phải thực sự khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi ngành nghề kinh doanh, các tổ chức và cá nhân bỏ vốn, lao động, đầu tư trang thiết bị và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cho sản xuất kinh doanh theo quỹ đạo của kế hoạch nhà nước.

Hệ thống thuế mang tính chập vá, chồng chéo, thiếu căn cứ kinh tế, có thể vừa gây lạm thu, vừa gây thất thu lớn cho ngân sách nhà nước.

Ngược lại, hệ thống chính sách thuế khoa học, đơn giản, dễ hiểu và ổn định trong thời gian dài tạo điều kiện nâng cao hiểu biết và nhận thức về nghĩa vụ công dân đối với thuế, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ rộng rãi của các tầng lớp dân cư và tự giác chấp hành luật thuế, từ đó tác dụng thúc

đẩy hạch toán kinh tế, thực hiện nghiêm chế độ kế toán, hoá đơn chứng từ.

+ Tổ chức bộ máy quản lý thuế: Yếu tố này có vai trò quan trọng mang tính quyết định cho việc thực thi chủ trương, chính sách, bảo đảm thắng lợi cho công cuộc cải cách thuế. Hệ thống bộ máy quản lý thuế phải được kiện toàn, củng cố để có đủ điều kiện. Phẩm chất cách mạng và năng lực toàn diện của các cán bộ quản lý thuế phải được nâng cao về quan điểm, lập trường, đạo đức, về trình độ nghiệp vụ thuế, về khả năng tổ chức quản lý, thông thạo về kế toán, kiểm toán, có trình độ ngoại ngữ, biết sử dụng vi tính phù hợp với sự phát triển của ngành và đáp ứng được yêu cầu quản lý ngày càng cao trong tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày càng đa dạng và phức tạp.

+ Quy trình quản lý thu nộp thuế Đây chính là cơ chế vận hành hết sức quan trọng trong quá trình tổ chức quản lý, hành thu. Cần thiết phải xây dựng một quy trình quản lý, thu nộp thuế, quyết toán thuế chặt chẽ từ khâu quản lý đối tượng nộp thuế, lập bộ thuế và thông báo thuế, tổ chức thu nộp qua hệ thống kho bạc, theo dõi chấm bộ thuế, quyết toán và xử lý nợ đọng, xem xét miễn giảm thuế, báo cáo cung cấp thông tin trong hệ thống. Mỗi đối tượng quản lý thuế, chẳng hạn đối tượng thực hiện thu theo phương pháp khấu trừ, phương pháp kê khai hay khoán thuế hoặc theo từng sắc thuế như thuế GTGT, TNDN, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp... đều phải xây dựng một quy trình cụ thể, chặt chẽ theo nguyên tắc “khép kín”, có sự độc lập của từng khâu, kiểm tra giám sát lẫn nhau.

+ Công tác tin học khối lượng công việc quản lý hành thu thuế là rất lớn, chi phí rất cao và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thu NSNN. Phương pháp càng tiên bộ thì kết quả quản lý thu thuế càng cao. Do vậy, việc ứng dụng công nghệ tin học là một khả năng tốt nhất có tác dụng mạnh trong việc đẩy mạnh cải cách thuế và phát huy những tiến bộ của ngành thuế trong công tác quản lý và hành thu thuế hiện nay.

Đặc điểm của công tác quản lý thuế là phải quản lý trực tiếp đến từng đối tượng nộp thuế theo nhiều loại sắc thuế với số lượng đối tượng nộp thuế rất lớn mà theo quy định thì tất cả các chứng từ hoạt động kinh doanh, kê khai nộp thuế, căn cứ tính thuế, thông báo thuế phải lưu giữ là nguyên tắc bắt buộc. Do vậy, nếu làm bằng phương pháp thủ công thì sẽ cần rất nhiều nhân lực và chi phí cao. Mặt khác, sự sai sót, chậm trễ trong việc tính thuế và cung cấp thông tin để chỉ đạo điều hành thu sẽ có nhiều khả năng tạo ra kẽ hở để thất thu thuế, tiêu cực trong công tác quản lý thu thuế. Nếu ứng dụng tốt công tác tin học sẽ tự động hoá các khâu công việc trên và theo một quy trình chặt chẽ sẽ nâng cao tính pháp lý và hiệu quả sẽ rất tốt trong công tác quản lý hành thu thuế hiện nay.

+ Công tác tuyên truyền chính sách thuế: Các chính sách chế độ, luật, pháp lệnh về thuế chỉ có thể thực thi một cách đầy đủ, thống nhất khi công tác phổ biến giáo dục được triển khai sâu rộng trong quảng đại quần chúng. Mọi tổ chức, cá nhân cần phải biết đầy đủ các quy định, những việc phải làm và mức độ sẽ bị xử lý đối với từng hành vi trốn lậu thuế, không chấp hành nghiêm việc kê khai, đăng ký thuế; vi phạm về sử dụng hoá đơn chứng từ, sổ sách kế toán, dây dưa nợ đọng trốn thuế. Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về thuế còn có ý nghĩa nâng cao tính tự giác, ý thức về nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước và sự kiểm tra giám sát của xã hội đối với việc thực thi các chính sách, pháp luật về thuế, đảm bảo tính công khai, công bằng xã hội.

+ Sự phối hợp giữa các ban ngành chức năng Thuế là một trong những chính sách lớn của Đảng, Nhà nước. Là công cụ quan trọng để Nhà nước quản lý kinh tế, quản lý xã hội hay nói một cách khác thuế là một phạm trù kinh tế - chính trị tổng hợp, do đó thực hiện chính sách thuế không phải là công việc đơn phương của ngành thuế. Cần có sự phối hợp với các đoàn thể và cơ quan có liên quan để triển khai đồng bộ việc thi hành chính sách thuế với các chính

sách khác và quản lý kinh tế- xã hội trên địa bàn. Cần phát huy chức năng của các toà án hành chính kinh tế trong việc giải quyết các tranh chấp giữa cơ quan Thuế và người nộp thuế bảo đảm tính khách quan trong việc thực hiện đầy đủ các quy định về thuế của nhà nước.

+ Trình độ nhận thức và ý thức chấp hành luật thuế của nhân dân: Nhà nước đưa được công tác thuế vào quần chúng nhân dân là công việc rất quan trọng góp phần phát huy tác dụng của chính sách thuế; nâng cao tính pháp lý của hệ thống chính sách thuế; giáo dục tính tự giác về nghĩa vụ nộp thuế và quyền lợi được hưởng về thuế, tạo điều kiện giúp thuế trở thành công cụ mạnh mẽ trong điều khiển kinh tế quốc gia. Nếu trình độ nhận thức và ý thức chấp hành thuế của quần chúng nhân dân cao sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý thuế đồng thời qua sự phản hồi những vấn đề bất hợp lý sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về thuế. Tóm lại, công tác quản lý thu thuế có nhiều nhân tố tác động, chúng ta cần chú trọng đến những nhân tố cơ bản nhất, nhưng cũng không nên bỏ qua những yếu tố khác về kinh tế-xã hội và tác động của môi trường.

1.2.4. Vai trò của Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Thực hiện tốt công tác quản lý thuế TNDN sẽ góp phần tăng thu cho NSNN, lành mạnh hóa môi trường kinh doanh cho DN, sự cạnh tranh công bằng góp phần khuyến khích, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển theo chiều hướng kế hoạch, chiến lược, phát triển toàn diện của Nhà nước và tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của chính sách thuế

1.3. Nội dung Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

“Theo mô hình quản lý theo chức năng thì quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNDN nói riêng được thực hiện theo quy trình sau:

Quản lý xây dựng chính sách thu nhập doanh nghiệp nói riêng của ngành Tài chính trong thời gian qua đã thực hiện khá hiệu quả khâu tham vấn, lấy ý kiến để có những chính sách không chỉ đúng luật mà còn phù hợp với thực tế

phát sinh tại từng địa phương. Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh cũng được Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế chỉ đạo trong việc lấy ý kiến xây dựng pháp luật về thuế nói chung, thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng. Khi có văn bản yêu cầu tham vấn, lấy ý kiến của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế chuyển xuống, Lãnh đạo Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh chỉ đạo cho Phòng Tổng hợp nghiệp vụ dự toán lấy ý kiến của các Phòng cũng như các Chi cục Thuế. Sau đó, Phòng Tổng hợp nghiệp vụ dự toán có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến tham gia chuyển Lãnh đạo Cục phê duyệt để chuyển Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính”.

1.3.1. Lập dự toán thu thuế

“Lập kế hoạch dự toán thu thuế là căn cứ xác định kế hoạch phát triển của các doanh nghiệp, phát triển chính trị, kinh tế và xã hội trên địa bàn, căn cứ các Luật thuế hiện hành để ước tính, dự báo số thu ngân sách năm sau theo từng sắc thuế (bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp), theo từng loại hình doanh nghiệp.

Hàng năm Cục thuế phối hợp UBND cùng cấp xây dựng dự toán NSNN năm kế hoạch theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế dựa trên cơ sở dữ liệu về tình hình thực hiện dự toán thu thuế năm trước, tình hình thực hiện dự toán thu thuế năm thực hiện; Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước; Các chính sách thuế như: chính sách ưu đãi thuế TNDN, chính sách miễn, giảm thuế TNDN; gia hạn nộp thuế TNDN...; Các nhân tố dự kiến ảnh hưởng đến đột biến (tăng, giảm) thu ngân sách năm kế hoạch (thuế TNDN do thanh lý TSCĐ có giá trị lớn của các doanh nghiệp, do vốn hóa các doanh nghiệp Nhà nước...), để lập kế hoạch dự toán thu thuế.

Dự toán thu thuế do Cục Thuế xây dựng được gửi cho Tổng cục Thuế, UBND tỉnh và Sở Tài chính. Trên cơ sở dự toán thu thuế do Cục Thuế xây dựng, Cục Thuế các tỉnh, thành phối hợp với UBND cùng cấp tiến hành bảo vệ dự toán thu thuế năm kế hoạch trước Tổng cục Thuế.

Căn cứ vào số liệu đã được thảo luận, Tổng cục Thuế giao kế hoạch thu NSNN cho các Cục Thuế tỉnh, Thành phố thực hiện. Tuy nhiên, không phải khi nào giữa Cục Thuế và Tổng cục Thuế cũng thống nhất được số liệu dự toán. Tổng cục Thuế giao dự toán dựa vào các căn cứ như trên và không được thấp hơn số thực hiện dự toán năm trước theo một tỷ lệ phần trăm tùy vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của từng năm sau khi trừ các khoản giảm trừ do ảnh hưởng của chế độ chính sách thay đổi. Đây là cách tính đơn giản, dễ so sánh, song lại gây nhiều áp lực cho công tác xây dựng dự toán ở CQT cấp dưới, phần nhiều mang tính chất chủ quan vì khó có thể đưa ra những căn cứ chính xác để tính toán phần trăm tăng năm sau so với năm trước”.

1.3.2. Quản lý công tác kê khai – kế toán thuế

Khâu kê khai và kế toán thuế được thực hiện trên nguyên tắc cơ quan Thuế giả thiết rằng các đối tượng nộp thuế đều tự giác và thực hiện tốt nghĩa vụ kê khai, nộp thuế. Khi đối tượng nộp thuế đã tự tính thuế, tự nộp tờ khai và nộp thuế theo quy định của Luật thuế, cơ quan Thuế sẽ xử lý ngay các tờ khai và chứng từ nộp thuế nhận được. Trong cơ chế tự khai, tự nộp thuế, công tác xử lý tờ khai, chứng từ nộp thuế và kế toán thuế phải đáp ứng được các yêu cầu:

- Nhận và xử lý các tờ khai thuế, chứng từ nộp thuế nhanh chóng, chính xác với sự trợ giúp hiệu quả của công nghệ thông tin như kê khai và nộp thuế qua mạng, đảm bảo chi phí nguồn lực thấp nhất, giảm thiểu thời gian kê khai thuế cho người nộp thuế, không gây phiền hà cho người nộp thuế.

- Thu thập được dữ liệu để theo dõi tình hình thực hiện và cung cấp thông tin cho các khâu quản lý tiếp theo: phải theo dõi được tờ khai thuế của người nộp thuế từ tờ khai đầu tiên, qua các tờ khai điều chỉnh (nếu có) đến tờ khai cuối cùng, các lỗi người nộp thuế đã mắc, qua đó, cơ quan Thuế có thể có biện pháp xử lý phù hợp như: hướng dẫn người nộp thuế tránh các lỗi đã mắc trong kê khai nếu việc mắc lỗi là do chưa hiểu rõ; hoặc xem xét sửa đổi

mẫu tờ khai nếu tờ khai chưa phù hợp; hoặc đó là dấu hiệu để xem xét, lựa chọn các trường hợp thanh tra nếu việc mắc lỗi mang tính lặp đi lặp lại một cách cố ý.

- Hạch toán đầy đủ, trung thực, chính xác, kịp thời nghĩa vụ thuế của người nộp thuế và theo dõi thanh toán thuế nhằm tăng cường đôn đốc người nộp thuế kê khai, nộp thuế vào NSNN, đảm bảo tính nợ thuế của người nộp thuế theo từng khoản thuế phải nộp.

1.3.3. Quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế

Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế là một trong những chức năng quan trọng của công tác quản lý thuế trong cơ chế tự khai, tự nộp thuế. Một trong những tiêu thức để đánh giá hiệu quả bộ máy quản lý là thông qua số thuế nợ thu được. Cơ quan Thuế phải đảm bảo về cơ sở pháp lý (có đầy đủ thẩm quyền và sự phối hợp của các cơ quan có liên quan) để thực hiện chức năng cưỡng chế thu nợ thuế, phải có bộ máy chuyên trách thực hiện chức năng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

Cơ quan Thuế phải theo dõi được số nợ cho số thuế phát sinh và số nộp cho nợ tồn đọng của đối tượng nộp thuế theo từng loại thuế. Qua đó xác định được tính chất, mức nợ, tuổi nợ của từng món nợ thuế để có biện pháp thu nợ phù hợp nhằm giảm các khoản nợ có mức nợ và tuổi nợ cao. Công tác thu nợ được thực hiện khoa học với sự hỗ trợ của hệ thống máy tính, theo quy trình được chuẩn hoá, như lập hồ sơ thu nợ đối với từng trường hợp, lựa chọn đối tượng để thu trên cơ sở phân tích mức độ rủi ro. Có thể áp dụng từ những biện pháp thu nợ đơn giản như gọi điện thoại, gửi thông báo nhắc nhở đối tượng nộp thuế, đến các biện pháp cưỡng chế nặng hơn như khấu trừ tiền trong tài khoản ngân hàng, phong toả tài khoản, cấm xuất nhập cảnh yêu cầu cơ quan Hải quan phong toả hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, kê biên và bán đấu giá tài sản...

Tại Trung ương, bộ phận quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế bao gồm các

nhóm chính với nhiệm vụ như nghiên cứu trình trạng nợ đọng thuế, xây dựng kế hoạch thu, xây dựng chiến lược quy trình cưỡng chế thu, xây dựng sổ tay nghiệp vụ, chương trình đào tạo; chỉ đạo hướng dẫn, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện của các Cục Thuế và Chi cục Thuế.

Tại các địa phương, các Cục Thuế có nhiệm vụ triển khai các kế hoạch thu nợ do Trung ương đề ra tới các phòng và Chi cục Thuế. Công tác thu nợ được thực hiện theo quy trình được chuẩn hoá, như lập các hồ sơ thu nợ đối với từng trường hợp (hồ sơ thu nợ bao gồm các thông tin về tình trạng nợ thuế, tình hình tài chính, kinh doanh, các đối tác giao dịch chính của người nộp thuế...). Trên cơ sở đó, tiến hành phân loại người nộp thuế theo mức độ rủi ro để lựa chọn trường hợp thu nợ theo thứ tự ưu tiên đảm bảo cân đối với nguồn lực của cơ quan Thuế.

Giữa các chức năng của cơ quan Thuế trong điều kiện áp dụng cơ chế tự tự tính và tự nộp thuế có quan hệ chặt chẽ với nhau, được hoàn thiện theo hướng tăng cường tính tự giác, ý thức tự tuân thủ pháp luật thuế của đối tượng nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào NSNN.

1.3.4. Công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về thuế

Trong cơ chế tự khai, tự nộp thuế, đồng thời với việc tập trung nguồn lực đảm bảo tuyên truyền, hướng dẫn cho đối tượng nộp thuế, cơ quan Thuế tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc kê khai, nộp thuế nhằm phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh những hành vi gian lận, trốn thuế về đảm bảo công bằng về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trong nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra thuế, cơ quan Thuế tiến hành thanh tra, kiểm tra trên cơ sở thu nhập được đủ các thông tin cần thiết về người nộp thuế để phân tích, đánh giá rủi ro, từ đó lựa chọn đúng đối tượng cần thanh tra, kiểm tra, xác định đúng vấn đề, phạm vi cần kiểm tra.

Để thực hiện quản lý thuế theo kỹ thuật phân tích rủi ro, cơ quan Thuế cần phải có đầy đủ thông tin về người nộp thuế trong một khoảng thời gian

nhất định. Các thông tin đầy đủ, kịp thời và tin cậy, được chuẩn hoá, thống nhất trong toàn ngành, được xử lý tập trung ở Trung ương và cơ quan Thuế các cấp ở địa phương đều có thể cùng khai thác, sử dụng để đáp ứng yêu cầu lập kế hoạch, giám sát chỉ đạo cấp trung ương đối với hoạt động quản lý thuế của toàn ngành, cũng như hoạt động quản lý trực tiếp người nộp thuế của cơ quan Thuế địa phương. Bộ phận thanh tra tại Tổng Cục Thuế chịu trách nhiệm xây dựng các chuẩn mực phương pháp thanh tra, xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro và các tiêu chí lựa chọn đối tượng để thanh tra và lập kế hoạch thanh tra trên toàn quốc. Bộ phận thanh tra tại các Cục Thuế địa phương có nhiệm vụ triển khai kế hoạch thanh tra do Tổng Cục Thuế đề ra. Bộ phận kiểm tra tại Chi cục Thuế phải thực hiện kiểm tra theo đúng các quy định của Tổng cục Thuế.

1.3.5. Tuyên truyền, hỗ trợ đối tượng nộp thuế

Trong cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế, cơ quan Thuế chuyển đổi từ việc chủ yếu sử dụng quyền lực để quản lý sang hỗ trợ, phục vụ để người nộp thuế thực hiện đúng nghĩa vụ thuế. Cơ quan Thuế nhìn nhận người nộp thuế như khách hàng, các đối tượng phục vụ của mình. Do đó, trên cơ sở chủ động nắm bắt nhu cầu của người nộp thuế, cơ quan Thuế tổ chức tuyên truyền, hỗ trợ sát với yêu cầu, đặc điểm của từng nhóm đối tượng nộp thuế (chẳng hạn như theo thành phần kinh tế, theo ngành kinh tế, theo quy mô) với những hình thức hỗ trợ phong phú, đa dạng phù hợp và chất lượng tốt.

Để nâng cao chất lượng hỗ trợ người nộp thuế, việc thực hiện công tác hỗ trợ phải đảm bảo sự thống nhất về nội dung, cách thức hỗ trợ trong cả nước.

Do đó, cơ quan Thuế trung ương (Tổng cục Thuế) có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hàng năm về công tác hỗ trợ, xây dựng các quy trình, sổ tay nghiệp vụ. Tổng Cục Thuế có nhiệm vụ xây dựng và phát hành các tài liệu, ấn phẩm hướng dẫn và hỗ trợ sử dụng trên toàn quốc để đảm bảo tính thống nhất khi

giải đáp, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân nộp thuế ở các địa phương khác nhau.

Đồng thời, để tăng cường chất lượng công tác hỗ trợ, cần phải xây dựng được các tiêu chuẩn phục vụ người nộp thuế như tiêu chuẩn về thời gian trả lời điện thoại, thời gian trả lời văn bản, mức độ chính xác của nội dung trả lời...

Tại các Cục Thuế địa phương, bộ phận hỗ trợ có nhiệm vụ triển khai các chương trình kế hoạch do Trung ương đề ra tới các phòng, các Chi cục Thuế, thực hiện việc tuyên truyền hỗ trợ cho người nộp thuế trên cơ sở các tài liệu do Trung ương xây dựng phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Các điểm hỗ trợ, tiếp xúc người nộp thuế ở các Chi cục Thuế phải thuận tiện và thống nhất về mô hình trên toàn quốc.

1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

1.4.1. Nhân tố chủ quan

Thứ nhất, cơ quan thuế và công chức thuế:

- Các công cụ phương tiện tiến hành quản lý thuế: Hoạt động thanh tra, kiểm tra - một trong những hoạt động quan trọng nhất của quy trình quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNDN nói riêng có những đặc thù riêng, vì phải tiếp xúc với mặt trái, mặt tiêu cực của xã hội, thường phải đối mặt với những hành vi, vi phạm, những âm mưu thủ đoạn tinh vi. Do đó đòi hỏi cán bộ thuế phải hết sức cẩn thận phải có điều kiện làm việc thích hợp như: Cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống thanh tra, kiểm tra thuế phải được trang bị đồng bộ về hệ thống máy tính, mỗi cán bộ thuế cần một máy tính, khai thác mạng nội bộ, kết nối internet, kết nối với hệ thống mạng của các cơ quan liên quan (Hải quan, công an, ban quản lý các dự án, Kho bạc...) kết nối mạng toàn ngành thuế đảm bảo cho việc thu thập thông tin nhanh chóng, chính xác kịp thời để phục vụ tốt công tác thanh tra, kiểm tra”.

- Trình độ, năng lực của cán bộ thuế: Để công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNDN nói riêng đạt hiệu quả cao thì nhất thiết cán bộ thuế phải được tuyển chọn và đào tạo một cách chuyên sâu, có những phẩm chất, tư cách vững vàng, kiên định, có trình độ chuyên môn và năng lực công tác, phải đáp ứng được yêu cầu quản lý phù hợp, với nền kinh tế - xã hội, biết vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, biết tận dụng những thành tựu đạt được và kinh nghiệm của các nước. Nếu như ngược lại thì chất lượng của công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNDN nói riêng sẽ bị hạn chế rất nhiều, gặp khó khăn trong việc phát hiện và sẽ không có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận trong việc kê khai thuế...

Thứ hai, đối tượng người nộp thuế:

- Thói quen của người tiêu dùng: Người dân Việt Nam nói chung có thói quen không đòi hỏi hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ của người tiêu dùng do không cần thiết. Đó chính là điều kiện cho một số doanh nghiệp khai thiếu doanh thu dẫn tới thất thu về thuế GTGT cũng như thuế TNDN.

- Ý thức của người nộp thuế: Theo cơ chế tự khai tự nộp nhưng hiện nay thì ý thức chấp hành pháp luật thuế của NNT được đặt lên hàng đầu trong việc quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNDN nói riêng. Bởi NNT chính là đối tượng nộp thuế vào ngân sách nhà nước. Sự hiểu biết và chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế của NNT cũng phần nào đóng góp vào công tác quản lý thuế của CQT. Trong khi phần lớn NNT có ý thức tuân thủ pháp luật thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng thì vẫn còn một bộ phận không nhỏ NNT chưa có ý thức nộp thuế, còn có biểu hiện cố ý chậm nộp thuế, thậm chí trốn thuế.

1.4.2. Nhân tố khách quan

Thứ nhất, điều kiện kinh tế - xã hội:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp được thu từ thu nhập của các doanh nghiệp trên địa bàn, do đó, nếu số lượng doanh nghiệp ngày càng lớn, các

doanh nghiệp kinh doanh ngày càng phát triển, lợi nhuận ngày càng cao thì số thu ngày càng nhiều. Do đó, những yếu tố ảnh hưởng tới sự hình thành, phát triển và kinh doanh của doanh nghiệp sẽ có ảnh hưởng lớn tới công tác thu thuế thu nhập doanh nghiệp tại địa phương.

- Mặt khác, các đặc điểm kinh tế, xã hội của địa phương cũng ảnh hưởng lớn tới mức độ phức tạp của các quan hệ kinh tế và sự tuân thủ pháp luật thuế. Chẳng hạn, các địa phương có biên giới với giao dịch tiểu ngạch lớn thì công tác quản lý thuế sẽ phức tạp hơn nhiều, hiện tượng buôn lậu, trốn thuế, kê khai sổ sách kế toán cũng không trung thực có xu hướng phổ biến hơn.

Thứ hai, cơ chế chính sách:

- Quản lý thuế TNDN phải dựa trên các văn bản pháp luật thuế của Quốc Hội các nghị định của Chính phủ, các Thông tư của Bộ tài chính như: Luật số 78/2006/QH11 của Quốc hội khóa XI ngày 29/11/2006 về quản lý thuế; Luật thuế số 14/2008/QH12 của Quốc hội khóa XII ngày 03/6/2008 về Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật số: 32/2013/QH13 của Quốc hội khóa XIII ngày 19/6/2013, thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 16/8/2014 hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Thông tư số 119/2014 ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014 ngày 10/10/2014 của Bộ tài chính; Thông tư số 96/2015 ngày 22/06/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015 ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014... Do đó, chính sách pháp luật của thuế nói chung và pháp luật thuế TNDN nói riêng có ảnh hưởng trực tiếp tới quản lý thuế TNDN. Muốn thực hiện tốt thì trước hết nội dung chính sách, pháp luật thuế phải rõ ràng, dễ hiểu, thống nhất và chặt chẽ, tránh hiện tượng lợi dụng

chính sách pháp luật để lách thuế, trốn thuế. Yếu tố chính sách pháp luật bao giờ cũng là yếu tố quan trọng nhất để làm nền tảng cho mọi hoạt động quản lý nói chung và hoạt động quản lý thuế TNDN nói riêng.

- Thuế TNDN được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (bao gồm yếu tố doanh thu và chi phí) và thuế suất thuế TNDN. Tuy nhiên hai yếu tố doanh thu và chi phí thường biến động và phụ thuộc vào quá trình sản xuất, kinh doanh của đơn vị. Do vậy, ở góc độ kế toán thuế và kế toán kinh doanh có sự khác biệt. Đối với kế toán kinh doanh thì tất cả chi phí và số thu đều phải kết sổ để tính thực lãi của đơn vị, có sự chênh lệch về thời điểm xác định doanh thu so với thực tế. Một số chi phí không phù hợp với quy định của pháp luật thuế TNDN cũng không được thừa nhận để khấu trừ. Do vậy các Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN cần phải thống nhất, rõ ràng, dễ hiểu để doanh nghiệp xác định đúng nghĩa vụ thuế TNDN với Nhà nước. Hạn chế tình trạng kế toán hiểu sai, khai sai, gây tổn thất cho doanh nghiệp khi CQT thanh tra, kiểm tra phát hiện sai phạm, hoặc doanh nghiệp lợi dụng kẽ hở của pháp luật do không có sự rõ ràng để có tình gian lận thuế gây thất thu cho NSNN.

1.5. Chỉ tiêu đánh giá công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Để đảm bảo mục tiêu thu đúng, thu đủ vào NSNN, giảm tối đa tình trạng gian lận, nợ đọng tiền thuế ta có các chỉ tiêu đánh giá công tác quản lý thuế TNDN

1.5.1. Các tiêu chí định lượng

Chỉ tiêu đánh giá về thanh tra, kiểm tra thuế

Tình hình hoàn thành kế hoạch thanh, kiểm tra được đánh giá qua “Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra”:

$$\text{Tỷ lệ HTKT thanh tra, kiểm tra} = \frac{\text{Số cuộc thực hiện thanh tra, kiểm tra}}{\text{Số cuộc kế hoạch thanh tra, kiểm tra}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này càng cao phản ánh công tác quản lý thu thuế TNDN ngày càng được chú trọng và đạt hiệu quả trong việc kiểm soát, quản lý doanh nghiệp tốt hơn.

Chỉ tiêu đánh giá về nợ thuế

Tỷ lệ nợ thuế TNDN: Là tỷ số giữa Tổng số tiền nợ thuế TNDN trong kỳ và Tổng số tiền phải thu thuế TNDN trong kỳ.

$$\text{Tỷ lệ nợ thuế TNDN} = \frac{\text{Tổng số tiền nợ thuế TNDN trong kỳ}}{\text{Tổng số tiền phải thu thuế TNDN trong kỳ}} \times 100\%$$

Kỳ tính toán có thể là tháng, quý, năm, và được tính vào thời điểm cuối kỳ, chỉ tiêu này càng nhỏ thì càng thể hiện được hiệu quả của công tác quản lý thu thuế TNDN.

1.5.2. Các tiêu chí định tính

Xác định chính xác căn cứ tính thuế là rất quan trọng để xác định số thuế phải nộp.

Số thuế TNDN được tính từ công thức số (1.1) trang 07, ta có thu nhập tính thuế tính như sau:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left[\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right]$$

$$\begin{array}{c} \text{Thu} \\ \text{nhập chịu} \\ \text{thuế} \end{array} \left| \begin{array}{c} \text{Doanh} \\ \text{thu} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Chi phí} \\ \text{được trừ} \end{array} \right| + \begin{array}{c} \text{Các khoản} \\ \text{thu nhập khác} \end{array}$$

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Để quản lý chống thất thu được thuế TNDN thì cần phải quan tâm các chỉ tiêu sau:

a) Chỉ tiêu Kế khai doanh thu tính thuế của doanh nghiệp

“Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng hóa, tiền gia công, tiền cung cấp dịch vụ bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền”.

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế là doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng là doanh thu bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.

- Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh dịch vụ mà khách hàng trả tiền trước cho nhiều năm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước hoặc được xác định theo doanh thu trả tiền một lần. Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế việc xác định số thuế được ưu đãi phải căn cứ vào tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của số năm thu tiền trước chia (:) cho số năm thu tiền trước.

$$K_{DT} = \frac{(\text{Doanh thu thực tế} - \text{Doanh thu kê khai})}{\text{Doanh thu kê khai}} \cdot 100\%$$

Thường các doanh nghiệp sẽ kê khai sai hoặc thiếu doanh thu để trốn thuế:

$K_{DT} = 0$: Doanh thu doanh nghiệp kê khai đúng với doanh thu thực tế, điều này cho thấy không xảy ra hiện tượng thất thu.

$K_{DT} > 0$: Doanh thu doanh nghiệp kê khai có chênh lệch thấp hơn so với doanh thu thực tế, xảy ra thất thu.

b) Chỉ tiêu Kê khai chi phí được trừ của doanh nghiệp

Doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

+ Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

$$K_{CP} = \frac{(Chi\ phí\ kê\ khai - Chi\ phí\ thực\ tế)}{Chi\ phí\ thực\ tế} \cdot 100\%$$

$K_{CP} = 0$: Chi phí doanh nghiệp kê khai đúng với chi phí thực tế, điều này cho thấy không xảy ra hiện tượng thất thu.

$K_{CP} > 0$: Chi phí doanh nghiệp kê khai có chênh lệch cao hơn so với chi phí thực tế, xảy ra thất thu.

1.6. Kinh nghiệm về quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại các Chi cục Thuế

1.6.1. Kinh nghiệm quản lý thuế đối với doanh nghiệp tại Cục Thuế thành phố Hải Phòng

Cục Thuế thành phố Hải Phòng với số thu lớn, chiếm khoảng 30% tổng số thu của cả nước. Cục Thuế tích cực thực hiện cải cách thủ tục hành chính với mục tiêu đơn giản, dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nộp

thuế. Một số công việc cụ thể được Cục Thuế thành phố Hải Phòng thực hiện như sau:

- Một trong những thành công của ngành Thuế TP trong việc quản lý thuế TNCN thời gian qua là công tác kiểm tra quyết toán thuế tại các văn phòng đại diện (VPDD) của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Trong quy chế hoạt động của các VPDD không cho phép các đơn vị này tham gia vào hoạt động kinh doanh sinh lợi trực tiếp tại Việt Nam. Hơn nữa các VPDD không phải đăng ký kinh doanh, không phải lập sổ sách và báo cáo tài chính năm nên rất khó kiểm soát được thu nhập của các VPDD.

- Thiết lập các đường dây nóng, tổ chức đối thoại với các DN, kịp thời giải đáp, xử lý những vướng mắc; giải đáp thắc mắc qua điện thoại, qua 27 phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng Internet. Cục Thuế này là đơn vị tiên phong của ngành thuế trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế.

- Thực hiện cơ chế “một cửa” trong quản lý thuế.

- Thực hiện tiêu chuẩn hoá quản lý thuế theo ISO 9009:2000.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế.

Những biện pháp đó đã góp phần làm cho Cục Thuế thành phố Hải Phòng luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, đảm bảo hoàn thành dự toán được Bộ Tài chính giao.

1.6.2. Kinh nghiệm quản lý thuế đối với doanh nghiệp tại Cục Thuế thành phố Đà Nẵng

Nhằm thực hiện thắng lợi chương trình cải cách hiện đại ngành thuế, chống thất thu cho NSNN, các Chi cục Thuế trực thuộc Cục Thuế TP Đà Nẵng đã tiến hành nhiều hoạt động đẩy mạnh cải cách hành chính hỗ trợ người nộp thuế Thông qua việc thực hiện mô hình “Một cửa”, “Một cửa liên thông”; Đề án 30 của Chính phủ về “Chung tay cải cách hành chính”, Cuộc vận động “3 hơn” (Nhanh hơn - Hợp lý hơn - Thân thiện hơn) của thành phố

đã tạo sự chuyển biến rõ nét về công tác cải cách hành chính của ngành Thuế Đà Nẵng.

Hàng loạt chương trình tạo điều kiện thuận lợi cho Người nộp thuế được ngành triển khai như phối hợp với các Chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn triển khai nộp thuế điện tử cho các doanh nghiệp; triển khai thí điểm ủy nhiệm thu thuế hộ kinh doanh cá thể qua bưu điện trên địa bàn quận Hải Châu, Thanh Khê, Ngũ Hành Sơn và huyện Hòa Vang.

1.6.3. Bài học rút ra từ kinh nghiệm

Từ thực tế quản lý thuế các cục Thuế trong nước, có thể rút ra một số bài học đối với Chi cục Thuế thành phố Hạ Long trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp như sau:

Một là, tổ chức thực hiện tốt các nội dung quản lý thuế, có chế tài đủ mạnh để xử lý các vi phạm. Nhờ đó, các đối tượng nộp thuế nghiêm chỉnh thực hiện nghĩa vụ của mình, còn các cơ quan Thuế tập trung thực hiện tốt các chức năng của mình.

Hai là, hiện đại hoá hệ thống quản lý thuế, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin. Việc hiện đại hoá hệ thống quản lý thuế có tác dụng nâng cao năng lực quản lý thuế, đồng thời tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế nhờ cung cấp thông tin kịp thời, nắm sát đối tượng nộp thuế, chuẩn hoá các quy trình quản lý thuế.

Ba là, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, giảm thiểu tối đa thời gian kê khai nộp thuế, thực hiện cơ chế “một cửa”. Việc cải cách thủ tục hành chính theo hướng đổi mới bộ máy, đổi mới cán bộ, đổi mới các quy trình, quy định, theo hướng công khai, minh bạch vừa nâng cao được hiệu lực, hiệu quả quản lý, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế.

Bốn là, bố trí, sắp xếp lực lượng cán bộ thuế. Khi chuyển sang quản lý theo cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế, lực lượng cán bộ thuế chủ yếu tập trung

thực hiện vào hai chức năng chính là hỗ trợ đối tượng nộp thuế và chức năng thanh tra, kiểm tra thuế. Do vậy, để thực hiện cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế có hiệu quả, ngành thuế cũng cần xây dựng kế hoạch cụ thể về việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy và phân bổ cán bộ để tương ứng với cách thức quản lý thuế mới. Đồng thời với việc tổ chức lại bộ máy quản lý thuế theo chức năng và sắp xếp lại cán bộ làm việc theo chức năng, các vị trí công việc và tiến hành đào tạo lại cán bộ chuyên sâu theo chức năng.

Tiểu kết chương 1

Ngành thuế đang triển khai mô hình quản lý mới, tinh gọn bộ máy, ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và hỗ trợ người nộp thuế. Chuyển đổi mô hình quản lý từ “quản lý theo chức năng kết hợp với đối tượng” sang quản lý theo đối tượng kết hợp với chức năng”, việc chuyển đổi sẽ giúp ngành Thuế hoạt động hiệu quả hơn và cải thiện chất lượng phục vụ người nộp thuế. Do đó, mỗi cán bộ, công chức cần nâng cao năng lực, tăng cường trách nhiệm, đảm bảo mỗi nhiệm vụ, công việc đều hoàn thành với chất lượng cao nhất, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn chuyển đổi quan trọng của Ngành.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HẠ LONG TỈNH QUẢNG NINH GIAI ĐOẠN 2022-2024

2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Thành phố Hạ Long được thành lập ngày 27 tháng 12 năm 1993 trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của Thị xã Hồng Gai cũ. Đến năm 2013, thành phố được công nhận là đô thị loại 1.

Vị trí địa lý:

Hạ Long là thành phố nằm ở trung tâm của Tỉnh Quảng Ninh. Sau khi được sáp nhập với huyện Hoàn Bồ, vị trí địa lý Hạ Long đã thay đổi. Phía Đông giáp thành phố Cẩm Phả, phía Tây giáp thành phố Uông Bí và thị xã Quảng Yên, phía bắc giáp với tỉnh Bắc Giang và huyện Ba Chẽ, phía Nam giáp với huyện Cát Hải, TP Hải Phòng và Vịnh Hạ Long.

Hạ Long nằm chính giữa QL 18 nối từ sân bay quốc tế Nội Bài tới cửa khẩu Móng Cái đã và đang liên tục được nâng cấp, mở rộng do nhu cầu đi lại tăng rất nhanh. Điểm đầu của tuyến QL 279 nằm tại Ngã tư Ao Cá thuộc thành phố Hạ Long.

Hiện nay đã xây dựng xong các tuyến đường cao tốc Hạ Long – Hải Phòng, Hạ Long – Vân Đồn, Vân Đồn – Móng Cái, Hạ Long – Nội Bài (Hà Nội); nâng cấp và mở rộng QL 18 đoạn Hạ Long – Mông Dương.

Đầu năm 2020, thành phố Hạ Long chính thức sáp nhập với Huyện Hoàn Bồ, thành lập phường Hoàn Bồ trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số thị trấn Trới. Nâng tổng số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc lên 33 bao gồm 21 phường và 12 xã.

Dân số: 300.267 người (số liệu năm 2019)

Mật độ: 268 người/km²

Điều kiện tự nhiên:

Thành phố Hạ Long có địa hình đa dạng và phức tạp, đây cũng là một trong những khu vực hình thành lâu đời nhất trên lãnh thổ Việt Nam, địa hình ở đây bao gồm cả đồi núi, thung lũng, vùng ven biển và hải đảo, được chia thành 3 vùng rõ rệt gồm có: Vùng đồi núi bao bọc phía bắc và đông bắc, vùng ven biển ở phía nam quốc lộ 18A cuối cùng là vùng hải đảo.

Trong đó, vùng đồi núi bao bọc phía bắc và đông bắc, với độ cao trung bình từ 150 mét đến 250 mét, chạy dài từ Yên Lập đến Hà Tu, đỉnh cao nhất là 504 mét. Dãy đồi núi này thấp dần về phía biển, độ dốc trung bình từ 15-20%, xen giữa là các thung lũng nhỏ hẹp. thứ hai là vùng ven biển ở phía nam quốc lộ 18A, độ cao trung bình từ 0.5 đến 5 mét. cuối cùng là vùng hải đảo bao gồm toàn bộ vùng vịnh, với gần hòn đảo lớn nhỏ, chủ yếu là đảo đá. Kết cấu địa chất của thành phố Hạ Long chủ yếu là đất sỏi sạn, cuội sỏi, sa thạch, cát sét... ổn định và có cường độ chịu tải cao, từ 2.5 đến 4.5 kg/cm², thuận lợi cho việc xây dựng các công trình. Khoáng sản chủ yếu là than đá và nguyên vật liệu xây dựng

Điều kiện khí hậu:

Thành phố Hạ Long thuộc vùng khí hậu ven biển, với 2 mùa rõ rệt là mùa đông (mùa khô) và mùa hè (mùa mưa). Nhiệt độ trung bình hằng năm là 23.7 °C. Độ ẩm trung bình là 84%. Thời tiết ở Hạ Long tương đối giống với Thủ đô Hà Nội, bao gồm cả hai giai đoạn giao thoa giữa mùa mưa với mùa khô, giúp hình thành thêm 2 mùa đặc trưng của miền Bắc là mùa xuân và mùa thu.

Mùa đông Hạ Long thường bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, nhiệt độ trung bình là 16.7 °C. Vào mùa đông thời tiết khô, ít mưa, vì thế du khách hoàn toàn thoải mái đến du lịch tại đây. Du khách hãy nhớ trang bị thêm áo khoác ấm để bảo vệ sức khỏe khi gặp không khí lạnh tăng cường.

Vào đông bạn sẽ thấy không khí ẩm đậm hơn, trời có màu xám trắng giống như ảnh dưới được mình chụp vào tháng 2.

Mùa hè bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, nhiệt độ trung bình vào mùa hè là 28.6 °C, nóng nhất có thể lên đến 38 °C. Vì có độ ẩm tương đối cao nên vào mùa hè những ngày nóng đỉnh điểm thường gây nên cảm giác khó chịu cho cơ thể.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Cơ cấu kinh tế của thành phố được xác định là: Công nghiệp - du lịch, Dịch vụ, Thương mại, Nông - lâm nghiệp và hải sản. heo quy hoạch, thành phố Hạ Long hình thành 5 vùng kinh tế:

- **Vùng 1: Thương mại, dịch vụ** gồm các phường Yết Kiêu, Trần Hưng Đạo, Hồng Gai, Bạch Đằng, Hồng Hải, Hồng Hà, Cao Xanh, Cao Thắng
- **Vùng 2: Công nghiệp, lâm nghiệp** gồm các phường Hà Trung, Hà Tu, Hà Khánh, Hà Lâm, Hà Phong
- **Vùng 3: Khu công nghiệp, cảng biển** gồm phường Bãi Cháy, Việt Hưng, Hà Khẩu, Giếng Đáy
- **Vùng 4: Du lịch, thương mại** gồm phường Bãi Cháy, Hùng Thắng, Tuần Châu
- **Vùng 5: Nông, lâm, ngư nghiệp** gồm phường Đại Yên và Việt Hưng

Thành phố có 1470 cơ sở sản xuất Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp bao gồm các ngành khai thác chế biến than, vật liệu xây dựng, cơ khí, chế biến gỗ, lương thực thực phẩm, may mặc. Có 3 khu công nghiệp tập trung là Cái Lân, Việt Hưng và Hà Khánh, 4 cảng lớn là Cửa Dứa, Cái Lân, Hồng Gai, B12 và 11 cảng nhỏ.

Khai thác than được xem một thế mạnh của thành phố với nhiều mỏ lớn như Hà Tu, Hà Lâm, Tân Lập, Núi Béo, với lượng than khai thác mỗi năm

ước đạt trên 10 triệu tấn. Gắn liền với các mỏ là các nhà máy sàng tuyển, cơ khí các xí nghiệp vận tải và bến cảng. Hạ Long phát triển mạnh công nghiệp đóng tàu, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm hải sản. Nhà máy đóng tàu Hạ Long có thiết kế đóng tàu dưới 53.000 tấn, nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh có tổng công suất 1.200 MW. Hạ Long còn có nhiều mỏ đất sét rất tốt, với khoảng 6 nhà máy sản xuất gạch ngói chất lượng cao, cung cấp cho trong và ngoài tỉnh, có một phần xuất khẩu. Cảng quốc gia Cái Lân là cảng nước sâu của thành phố. Nhiều thương hiệu nổi tiếng trong nước như: Viglacera Hạ Long, Công ty Dầu thực vật Cái Lân (Neptune, Cái Lân), Bột mì Vima Flour (Hoa Ngọc Lan), và Bia Hạ Long.

Ngư nghiệp là một thế mạnh với nhiều chủng loại hải sản, và yêu cầu tiêu thụ lớn, nhất là phục vụ cho khách du lịch và cho xuất khẩu. Thành phố đã và đang đóng mới nhiều tàu thuyền lớn để chuyển ra đánh bắt tuyến ngoài khơi. Hàng xuất khẩu chủ yếu là than và hải sản, hàng nhập khẩu là xăng dầu, máy móc, sắt thép, phương tiện vận tải. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2002 đạt 160 triệu USD.

Phần lớn nguồn thu ngân sách của thành phố Hạ Long là từ xuất và nhập khẩu. Trong năm 2015, hơn 70% thu ngân sách từ thuế nhập và xuất khẩu. Bởi thế, nền kinh tế của Hạ Long phụ thuộc nhiều vào nền kinh tế toàn cầu và chịu ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế vĩ mô trong khu vực và toàn cầu. Thu nhập bình quân của lao động thành phố Hạ Long tăng mạnh (khoảng 21%/năm) trong giai đoạn 2015-2018, đạt đỉnh điểm ở mức khoảng 53 triệu đồng vào năm 2015. Do kinh tế tăng trưởng nhanh, bình quân từ 13 đến 15%/năm nên "Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hạ Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" xác định thu nhập bình quân đầu người ở thành phố Hạ Long (theo giá hiện hành) năm 2025 ước đạt 12.000 - 13.000 USD/năm.

2.2. Giới thiệu tổng quan về Chi cục Thuế TP Hạ Long

2.2.1. Giới thiệu khái quát

Tên cơ quan: **CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HẠ LONG**



Mã số thuế: 5700252900-001

Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động (đã được cấp GCN ĐKT)

Địa chỉ: Số 01, phố Đông Hồ, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày cấp giấy phép: 13/10/2004

Ngày bắt đầu hoạt động: 01/01/1990

• Điện thoại: 0203.825.282;

• Email: ccthlo.qni@gdt.gov.vn;

Chi cục Thuế TP Hạ Long trực thuộc Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh.

2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

Căn cứ Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế trực thuộc Bộ Tài chính; Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế [26];

Ngày 14/01/2019 Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 110/QĐ-BTC quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã, thành phố và Chi cục Thuế khu vực trực thuộc Cục Thuế tỉnh, thành phố [27]. Như vậy, Chi cục Thuế TP Hạ Long cũng có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định nêu trên trong địa giới hành chính của tỉnh Quảng Ninh.

a. Chức năng

Chi cục Thuế TP Hạ Long là là tổ chức trực thuộc Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh, có chức năng tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác của ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là thuế) thuộc phạm vi nhiệm vụ của cơ quan Thuế quản lý thu trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

b. Nhiệm vụ và quyền hạn

- “Chi cục Thuế thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật Quản lý thuế, các luật thuế, các định pháp luật khác có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:
 - Tổ chức triển khai thực hiện thống nhất các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, quản lý thuế và các văn bản quy định của pháp luật khác có liên quan; quy trình, biện pháp nghiệp vụ quản lý thuế trên địa bàn.
 - Tổ chức thực hiện dự toán thu thuế hàng năm được giao; tổng hợp, phân tích, đánh giá công tác quản lý thuế; tham mưu với cấp ủy, chính quyền

địa phương về công tác lập và chấp hành dự toán thu ngân sách nhà nước, về công tác quản lý thuế trên địa bàn; chủ trì và phối hợp chặt chẽ với các ngành, cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giải thích chính sách thuế của Nhà nước; hỗ trợ người nộp thuế trên địa bàn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật.

- Kiến nghị với Cục trưởng Cục Thuế những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, các quy trình chuyên môn nghiệp vụ, các quy định quản lý nội bộ và những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thuế.

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thuế: đăng ký thuế; khai thuế; tính thuế; thông báo thuế; nộp thuế; hoàn thuế; khấu trừ thuế; miễn thuế, giảm thuế; xoá nợ tiền thuế, tiền phạt; kế toán thuế đối với người nộp thuế; đôn đốc người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước.

- Quản lý thông tin về người nộp thuế; xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin về người nộp thuế trên địa bàn. Tổ chức các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ quản lý rủi ro trong hoạt động quản lý thuế.

- Kiểm tra, giám sát việc kê khai thuế, hoàn thuế, khấu trừ thuế, miễn thuế, giảm thuế, nộp thuế và chấp hành chính sách, pháp luật thuế đối với người nộp thuế và các tổ chức, cá nhân được ủy nhiệm thu thuế theo phân cấp và thẩm quyền quản lý của Chi cục trưởng Chi cục Thuế.

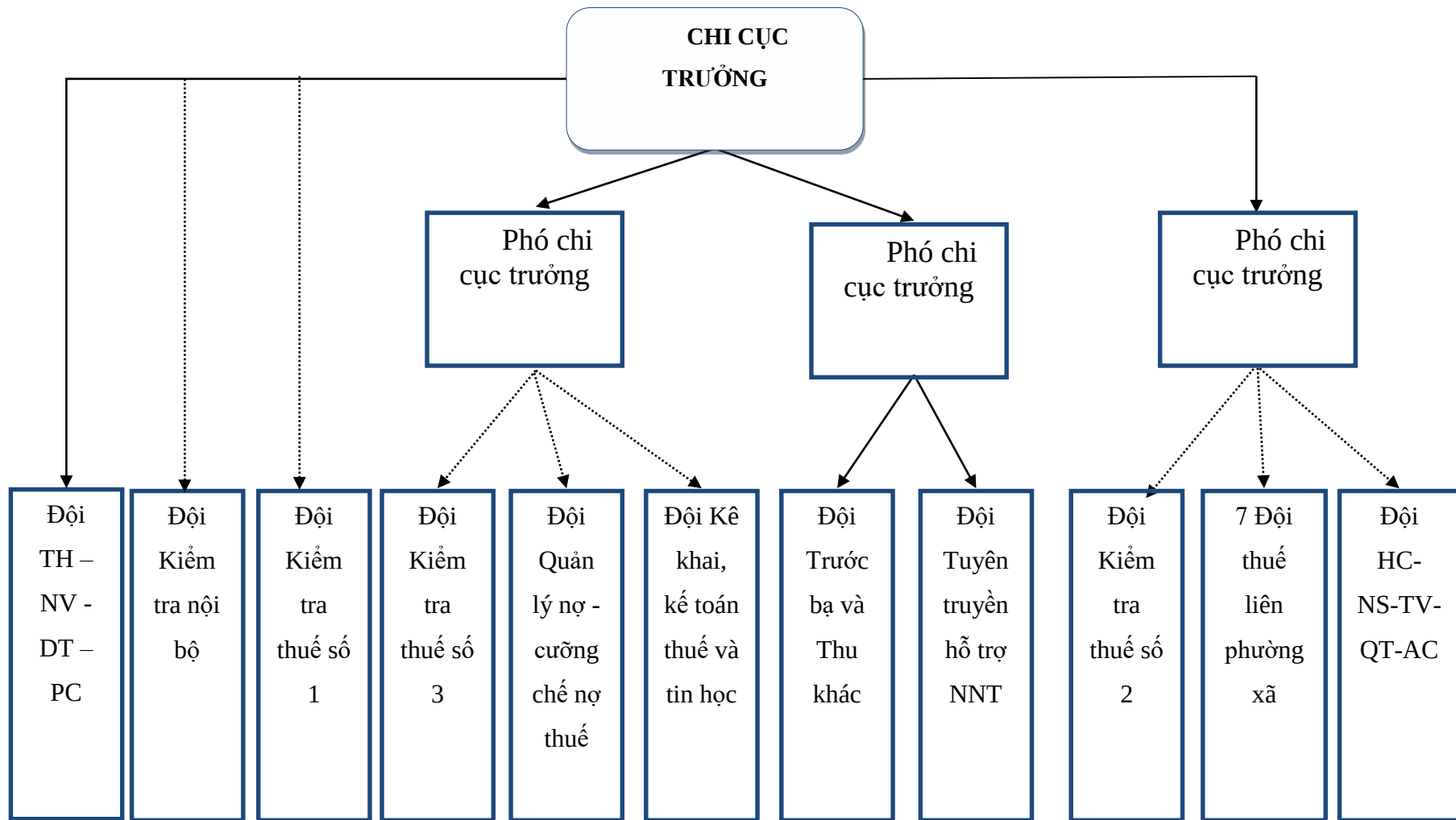
- Quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định miễn thuế, giảm thuế; hoàn thuế; gia hạn nộp hồ sơ khai thuế, gia hạn nộp thuế; xoá nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp; miễn xử phạt tiền thuế theo quy định của pháp luật.

- Được quyền yêu cầu người nộp thuế, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết phục vụ

cho công tác quản lý thu thuế; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các tổ chức, cá nhân không thực hiện trách nhiệm trong việc phối hợp với cơ quan Thuế để thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng Cục Thuế giao.

2.2.3. Mô hình bộ máy tổ chức (Hình 2.1: Quản lý thuế theo chức năng của Chi cục Thuế TP Hạ Long)



Nguồn: Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Quản trị - Ấn chỉ, Chi cục Thuế TP Hạ Long

2.2.4. Tình hình hoạt động của Chi cục thuế

Chi cục Thuế TP Hạ Long có cơ cấu tổ chức bộ máy mô hình quản lý thuế theo chức năng, nhiệm vụ rõ ràng được quy định tại Quyết định số 245/QĐ-TCT của Tổng cục Thuế ngày 25/3/2019 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ của các Đội thuộc Chi cục Thuế.

Hiện nay tổ chức bộ máy Chi cục Thuế TP Hạ Long gồm có:

- Ban lãnh đạo: Ban lãnh đạo Chi cục Thuế TP Hạ Long hiện nay gồm 04 đồng chí, trong đó có 1 đồng chí Chi cục trưởng và 03 đồng chí Phó Chi cục trưởng.

+ Đồng chí Chi cục trưởng: Chịu trách nhiệm và phụ trách toàn diện các lĩnh vực công tác trong phạm vi ngành Thuế TP Hạ Long; Lãnh đạo, điều hành hoạt động của Chi cục Thuế và trực tiếp giải quyết một số công việc; đồng thời phân công các Phó chi cục trưởng phụ trách những mặt công tác nhất định. Chi cục trưởng chịu trách nhiệm về các quyết định của các Phó chi cục trưởng trong khi thực hiện các nhiệm vụ được Chi cục trưởng phân công.

+ 03 đồng chí Phó chi cục trưởng: Chỉ đạo các đơn vị xây dựng các đề án, quyết định, công văn để triển khai thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước, của ngành. Tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra thực hiện chủ trương chính sách thuộc lĩnh vực phụ trách; phát hiện đề xuất những vấn đề cần đổi mới, sửa đổi về chính sách, chế độ, cơ chế điều hành, được giao phụ trách, điều hành mọi hoạt động của Chi cục Thuế, giải quyết công việc thay Chi cục trưởng và phải chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng về các quyết định của mình”.

- Cơ quan văn phòng Chi cục Thuế: có 10 đội chức năng, cụ thể:

* Đội Tuyên truyền - Hỗ trợ NNT

Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về thuế cho người nộp thuế, người dân, các cơ

quan, tổ chức trên địa bàn trong phạm vi Chi cục Thuế quản lý, Phụ trách Bộ phận một cửa.

*** Đội Tổng hợp - Nghiệp vụ - Dự toán - Pháp chế:**

Giúp Chi Cục trưởng Chi cục Thuế hướng dẫn về nghiệp vụ quản lý thuế, chính sách, pháp luật thuế cho công chức thuế trong Chi cục Thuế; thực hiện công tác pháp chế về thuế thuộc phạm vi Chi cục Thuế quản lý; xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước và tổ chức thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước được giao của Chi cục Thuế.

*** Đội Kế khai, Kế toán thuế và tin học:**

Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế tổ chức thực hiện công tác đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, kế toán thuế, thông kê thuế trong phạm vi Cục Thuế quản lý và xử lý công tác tin học trong chi cục.

*** Đội Quản lý nợ - Cường chế nợ thuế**

Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế tổ chức thực hiện công tác quản lý nợ thuế, đơn đốc thu tiền thuế nợ và cưỡng chế thu tiền thuế nợ, tiền phạt trong phạm vi quản lý.

*** Đội Kiểm tra thuế số 1, số 2, số 3**

Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế kiểm tra, giám sát kê khai thuế; chịu trách nhiệm thực hiện dự toán thu đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của Chi cục Thuế.

*** Đội Trước bạ và thu khác**

“Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế tổ chức triển khai thực hiện thống nhất chính sách thuế thu nhập cá nhân; kiểm tra, giám sát kê khai thuế thu nhập cá nhân; tổ chức thực hiện dự toán thu thuế thu nhập cá nhân đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thuế. Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế quản lý thu lệ phí trước bạ, thuế chuyển quyền sử dụng đất, tiền cấp quyền sử dụng đất, các khoản đấu giá về đất, tài sản, tiền thuê đất, thuế tài

sản (sau này), phí, lệ phí và các khoản thu khác (sau đây gọi chung là các khoản thu về đất bao gồm cả thuế TNCN đối với chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng, lệ phí trước bạ và thu khác) phát sinh trên địa bàn thuộc phạm vi Chi cục Thuế quản lý.

*** Đội Kiểm tra nội bộ**

Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, tính liêm chính của cơ quan Thuế, công chức thuế; giải quyết khiếu nại (bao gồm cả khiếu nại các quyết định xử lý về thuế của cơ quan Thuế và khiếu nại liên quan trong nội bộ cơ quan Thuế, công chức thuế), tố cáo liên quan đến việc chấp hành công vụ và bảo vệ sự liêm chính của cơ quan Thuế, công chức thuế trong phạm vi quản lý của Chi cục trưởng Chi cục Thuế”[CCTHL].

*** Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Quản trị - Ấn chỉ**

Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện về công tác tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ, biên chế, tiền lương, đào tạo cán bộ và thực hiện công tác thi đua khen thưởng trong nội bộ, các công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; công tác quản lý tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản trị, quản lý ấn chỉ thuế trong toàn Chi cục Thuế.

Ngoài ra có 07 đội quản lý thuế liên xã, phường đặt tại UBND các phường, xã trên địa bàn thành phố Hạ Long, cụ thể:

*** Đội quản lý thuế liên phường, xã số 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7.**

Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế quản lý thu thuế các tổ chức (nếu có), cá nhân nộp thuế trên địa bàn xã, phường được phân công (bao gồm các hộ sản xuất kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ, kể cả hộ nộp thuế thu nhập cá nhân; thuế nhà đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế tài nguyên ...).

Tình hình phân bổ cán bộ công chức tại Chi cục Thuế thành phố Hạ Long

Từ khi thành lập, Chi cục Thuế thành phố Hạ Long đã tiếp quản và phát huy nhiệm vụ quản lý thu thuế trên địa bàn ngày một khoa học và đạt hiệu quả cao. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ công chức cũng được đào tạo đầy đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ thực thi tốt vai trò quản lý dưới sự điều hành và kiểm tra sát sao của Ban lãnh đạo Chi cục Thuế cùng với sự hỗ trợ và giám sát của Ủy ban nhân dân các cấp. Đến ngày 31/12/2023 đội ngũ cán bộ Chi cục Thuế thành phố được thống kê như sau:

Bảng 2.1: Bảng Thống kê cán bộ Công chức

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
I	Tổng số cán bộ công chức	142	100	156	100	164	100
II	Theo giới tính	142	100	156	100	164	100
1	Nam	80	56,34	84	53,85	86	52,44
2	Nữ	62	43,66	72	46,15	78	47,56
III	Theo nhiệm vụ	142	100	156	100	164	100
1	Lãnh đạo	4	2,82	4	2,56	4	2,44
2	Cán bộ đội thuế VP	82	57,75	92	58,97	100	60,97
3	Cán bộ đội thuế xã, phường	56	39,43	60	38,47	60	36,59

(Nguồn: Đội Hành chính-Nhân sự-Tài vụ-An chỉ Chi cục Thuế thành phố Hạ Long)

Để phù hợp với chương trình cải cách hệ thống thuế và quản lý thuế theo mô hình chức năng, chủ trương của ngành thuế là trẻ hóa đội ngũ cán bộ công chức. Đa số đều chấp hành tốt sự phân công của lãnh đạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, một số cán bộ trẻ bước đầu đã phát huy được năng lực

đào tạo.

Hiện nay, đơn vị tiếp tục triển khai tích cực công tác bố trí cán bộ vừa đảm bảo xây dựng lực lượng theo đúng định hướng, chủ trương của ngành Thuế vừa đảm bảo hoàn thành tốt các mặt công tác, nhiệm vụ của ngành và địa phương.

Năm 2022 tổng số lao động của Chi cục Thuế là 142 cán bộ biên chế, đến năm 2023, Chi cục Thuế thực hiện việc luân phiên, luân chuyển cán bộ theo đúng tinh thần mà ngành Thuế quy định, và tuyển dụng theo đúng quy định do đó số lượng công chức lên đến 156 người. Năm 2024, Chi cục Thuế TP Hạ Long có 164 công chức, người lao động.

2.3. Thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp của Chi cục thuế TP Hạ Long tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022- 2024

2.3.1. Tình hình quản lý các doanh nghiệp theo loại hình kinh tế

Bảng 2.2. Số lượng Doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh thuộc quản lý của Chi cục Thuế TP Hạ Long giai đoạn 2022 - 2024

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	So sánh 2023/2022		So sánh 2024/2023	
					(+/-)	%	(+/-)	%
1	DNTN	90	95	118	5	105,56	23	124,21
2	Công ty cổ phần	1.289	1.433	1.594	144	111,17	161	111,24
3	Công ty TNHH	2.572	3.008	3.478	436	116,95	470	115,63
4	Hợp tác xã	76	84	95	8	110,53	11	113,10
Tổng cộng		4.027	4.620	5.285	593		665	

(Nguồn: Chi cục Thuế Thành Phố Hạ Long)

So với các địa phương khác trong tỉnh, Chi cục Thuế TP Hạ Long là đơn vị quản lý nhiều đối tượng nộp thuế lớn nhất, chiếm khoảng 45% số lượng doanh nghiệp. Chi cục Thuế thường xuyên kiểm soát dữ liệu, rà soát đối

tượng quản lý theo loại hình doanh nghiệp thông qua rà soát mã số thuế, đảm bảo nắm bắt kịp thời đối tượng người nộp thuế để đưa vào diện theo dõi, quản lý thuế.

Nhìn chung, số lượng các doanh nghiệp theo loại hình kinh tế đều tăng qua các năm, tuy nhiên loại hình công ty TNHH có số lượng mới thành lập tăng cao nhất, chiếm trên 60% tổng loại hình kinh tế. Loại hình này thường được ưa chuộng vì sự linh hoạt trong quản lý và trách nhiệm pháp lý hạn chế.

2.3.2. Thực trạng công tác lập và thực hiện dự toán thu thuế TNDN

Chi cục Thuế TP Hạ Long thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2022 theo Quyết định số 12228/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND TP Hạ Long về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 và Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND TP Hạ Long về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách thành phố năm 2022, trong đó:

- Tỉnh giao: Dự toán pháp lệnh là 8.790 tỷ đồng, bằng 113% so với thực hiện năm 2021. Cụ thể: Dự toán tiền sử dụng đất là 4.575 tỷ đồng (bằng 98% so với thực hiện năm 2021); Dự toán thuế, phí là 4.215 tỷ đồng (bằng 137% so với thực hiện năm 2021).

- Địa phương giao: Dự toán Thành phố là 8.830 tỷ đồng, bằng 100,46% so với dự toán tỉnh giao và bằng 113,51% so với thực hiện năm 2021. Cụ thể: Dự toán tiền sử dụng đất là 4.575 tỷ đồng (bằng 100% so với dự toán tỉnh giao và bằng 98% so với thực hiện năm 2021); Dự toán thuế, phí là 4.255 tỷ đồng (bằng 101% so với dự toán tỉnh giao và bằng 138% so với thực hiện năm 2021).

Theo số liệu của Chi cục Thuế TP Hạ Long, nhìn chung dự toán thuế được giao năm sau cao hơn năm trước, tương đối phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của địa phương, cũng như cả nước. Tuy nhiên, năm 2023 dự toán thuế TNDN giảm là do chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với các Doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh Covid – 19 như: gia hạn thời gian nộp thuế

TNDN năm 2021, một số khoản chi ủng hộ, hỗ trợ dịch bệnh được tính vào Chi phí được trừ. Điều này được thể hiện rõ qua bảng 2.2 dưới đây:

Bảng 2.3. Bảng giao dự toán thu thuế TNDN năm 2022 – 2024

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Số giao (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Số giao (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Số giao (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Dự toán thu NSNN	8.790.000		6.956.000		9.025.000	
Dự toán Thuế NQD	760.000	8,65	860.000	12,36	829.000	9,19
Trong đó: Dự toán thu thuế TNDN	80.000	10,52	135.000	15,69	150.000	18,09

(Nguồn: Chi cục Thuế Thành Phố Hà Long)

Dự toán thu thuế TNDN tăng dần qua các năm, tuy nhiên tỷ lệ thực hiện so với dự toán giảm dần. Một phần do chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với các Doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh Covid – 19, bên cạnh do sự xuất hiện và hiện diện với quy mô ngày càng lớn của các mô hình kinh doanh mới cũng đang tiềm ẩn các nguy cơ “chèn lấn” các hoạt động kinh doanh truyền thống, dẫn đến rủi ro làm xói mòn cơ sở thuế trong nước. Đây là một thách thức không nhỏ, đòi hỏi Việt Nam cần có những ứng phó trong cải cách chính sách thuế TNDN một cách phù hợp, qua đó đảm bảo sự bền vững của thu NSNN. Cần hoàn thiện hệ thống chính sách thu để cơ cấu lại nguồn thu ngân sách, thúc đẩy tăng thu hợp lý kết hợp nuôi dưỡng nguồn thu bền vững. Đẩy mạnh các biện pháp khai thác dư địa thu, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế, mở rộng cơ sở thuế”.

Bảng 2.4. Kết quả thu thuế TNDN năm 2022 – 2024*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Năm	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2022/2021 (%)	2023/2022 (%)	2024/2023 (%)
Dự toán	80.000	135.000	150.000	105,26	168,75	111,11
Thực hiện	150.731	130.419	103.870	198,33	86,52	79,64
% thực hiện so với dự toán	188,41	96,61	69,25			

*(Nguồn: Đội Tổng hợp- Nghiệp vụ - Dự toán - Pháp chế, Chi cục Thuế TP Hạ Long)***Bảng 2.5. Kết quả thu thuế TNDN theo loại hình kinh tế năm 2022 – 2024***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	DNTN	Công ty cổ phần	Công ty TNHH	Hợp tác xã	Tổng
Năm 2022					
Dự toán	1.788	25.607	51.095	1.510	80.000
Thực hiện	2.169	41.247	105.270	2.045	150.731
% thực hiện/dự toán	121,31	161,08	206,03	135,45	188,41
Năm 2023					
Dự toán	2.776	41.873	87.896	2.455	135.000
Thực hiện	2.182	36.452	89.513	2.272	130.419
% thực hiện/dự toán	78,60	87,05	101,84	92,56	96,61
Năm 2024					
Dự toán	3.349	45.241	98.713	2.696	150.000
Thực hiện	1.819	29.238	71.356	1.457	103.870
% thực hiện/dự toán	54,31	64,63	72,29	54,04	69,25

(Nguồn: Đội Tổng hợp- Nghiệp vụ - Dự toán - Pháp chế, Chi cục Thuế TP Hạ Long)

Ngay từ đầu năm, Chi cục Thuế đã lãnh đạo, chỉ đạo các bộ phận tập trung, quyết liệt, triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ công tác thuế căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy trình của Ngành thuế và quy định của Luật Quản lý thuế. Xây dựng kế hoạch giao thu hàng tháng, hàng quý đến từng bộ phận và từng cán bộ công chức. Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu NSNN hàng ngày, đặc biệt thời điểm cuối tháng, cuối quý, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện cụ thể nhiệm vụ thu theo từng loại hình kinh tế, khu vực, khoản thu, sắc thuế, chi tiết NNT, dự báo nguồn thu, khai thác dư địa tăng thu, đánh giá nguyên nhân, vướng mắc, đề có giải pháp triển khai thực hiện

Qua biểu Kết quả thu thuế TNDN theo loại hình kinh tế năm 2022 – 2024, loại hình doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn luôn chiếm tỷ trọng cao trong việc đóng góp số thu vào NSNN. Năm 2022, loại hình này chiếm 206,03%; năm 2023 tuy sụt giảm nhưng vẫn tăng so với các loại hình còn lại, đạt 101,84%; năm 2024 do ảnh hưởng chung của nền kinh tế toàn cầu sụt giảm dẫn đến số nộp vào NSNN của các công ty TNHH giảm, đạt 72,29% so với dự toán.

2.3.3. Thực trạng Công tác quản lý đăng ký, kê khai thuế, quyết toán thuế

Quản lý đăng ký thuế

Để quản lý tốt các nguồn thu từ thuế thì việc quản lý đúng, đủ đối tượng nộp thuế và quản lý chính xác các thông tin cơ bản về người nộp thuế là rất quan trọng. Tại Chi cục Thuế không cấp mã số thuế cho người nộp thuế. Từ ngày 01/6/2010, trên toàn quốc thống nhất mã số thuế là mã số doanh nghiệp được cấp tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh. Sau khi cấp mã số doanh nghiệp, thông tin hồ sơ đối tượng nộp thuế được chuyển đến Cục thuế tỉnh Quảng Ninh để cập nhật vào danh bạ của chương trình ứng dụng quản lý thuế để theo

đổi tình hình thực hiện kê khai nộp thuế của từng đối tượng nộp thuế. Tất cả các đối tượng nộp thuế ngừng hoạt động đều được chuyển thủ tục hồ sơ về cấp Cục thuế để xử lý việc ngừng và đóng mã số thuế.

Tình hình cấp mã số cho DN trên địa bàn trong các năm từ 2022 đến năm 2024 thể hiện qua biểu sau:

Bảng 2.6. Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp ở thành phố Hạ Long giai đoạn 2022 - 2024

TT	Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	So sánh 2023/2022		So sánh 2024/2023	
					(+/-)	%	(+/-)	%
1	Số DN được cấp mã số thuế mới	816	687	693	-129	84,19	6	100,87
2	Số DN ngừng nghỉ kinh doanh	524	352	781	-172	67,18	429	221,88
3	Số DN giải thể	198	178	150	-20	89,90	-28	84,27
4	Số DN bỏ kinh doanh	335	379	220	44	113,1	-159	58,05

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2022 -2024)

Từ năm 2022 đến năm 2024 công tác quản lý đăng ký thuế có những biến động không đồng đều, cụ thể năm 2023 số doanh nghiệp cấp mới giảm đồng thời doanh nghiệp ngừng, bỏ kinh doanh và giải thể tăng. Đến năm 2024 số lượng doanh nghiệp giải thể và bỏ kinh doanh có xu hướng giảm nhưng doanh nghiệp ngừng nghỉ kinh doanh vẫn còn nhiều. Đến năm 2024 sau khi thoát khỏi dịch covid 19 số lượng doanh nghiệp thành lập nhiều nhưng với điều kiện kinh tế đang hồi phục khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Chi cục Thuế luôn triển khai công tác chuẩn hóa dữ liệu, bộ phận đăng ký thuế thường xuyên rà soát, cập nhật thông

tin thay đổi của người nộp thuế vào hệ thống để kịp thời phục vụ cho công tác quản lý thuế.

Công tác kê khai, quyết toán thuế

Ngành Thuế đã triển khai dịch vụ khai thuế điện tử từ năm 2009. Dịch vụ khai thuế điện tử cung cấp cho người nộp thuế công cụ có thể kê khai các loại tờ khai trên ứng dụng hỗ trợ khai thuế tại máy trạm của người nộp thuế và gửi dữ liệu tờ khai qua mạng hoặc khai trực tiếp trên hệ thống khai thuế điện tử của ngành Thuế.

Chi cục Thuế thành phố Hạ Long đã triển khai triệt để tới các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố về việc sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai (cung cấp phần mềm và hỗ trợ cài đặt miễn phí). Đối với doanh nghiệp, khi sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai có nhiều tiện ích: phần mềm được tích hợp với các phần mềm kế toán nên số liệu trên các hồ sơ khai thuế khi gửi đến cơ quan Thuế là hoàn toàn chính xác và doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm đối với số liệu đã kê khai. Với cơ quan Thuế đã giảm được khối lượng công việc nhập dữ liệu rất lớn bằng việc sử dụng mã vạch để nhận dữ liệu kê khai của doanh nghiệp, tránh được việc sai sót trong quá trình xử lý dữ liệu trước đây.

Việc hỗ trợ người nộp thuế trong việc khai thuế qua mạng đã được đông đảo người nộp thuế đồng tình ủng hộ. Đến năm 2021 thì 100% doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hạ Long khai thuế qua mạng.

Việc triển khai dịch vụ khai thuế điện tử đã giúp các doanh nghiệp thuận lợi trong việc thực hiện các thủ tục khai, nộp thuế giảm sự tiếp xúc giữa cán bộ thuế với doanh nghiệp và tiết kiệm được thời gian thực hiện các thủ tục về thuế.

Việc triển khai hoá đơn điện tử đến cuối năm 2021 tỉnh Quảng Ninh phấn đấu 100% các doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử và đã hoàn thành.

Bảng 2.7. Tình hình DN nộp hồ sơ kê khai nộp thuế giai đoạn 2022 - 2024

ĐVT: Lượt

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	So sánh 2023/2022		So sánh 2024/2023	
					(+/-)	%	(+/-)	%
1	Lượt DN phải nộp HSKT	47.176	44.706	45.517	-2.470	94,76	811	101,81
2	Lượt DN đã nộp HSKT	47.165	44.651	45.375	-2.514	94,67	724	101,62
3	Lượt DN không nộp HSKT	11	55	142	44	500,00	87	258,18

(Nguồn: Đội Kê khai – Kế toán thuế & Tin học Chi cục Thuế thành phố Hạ Long)

Công tác kê khai, kế toán thuế thực hiện theo quy trình quản lý thuế. Tỷ lệ hồ sơ khai thuế, nộp thuế ổn định ở mức cao: Tỷ lệ hồ sơ khai thuế đúng hạn/đã nộp năm 2022: 99,97%, năm 2023: 99,87% và năm 2024: 99,68% (cao hơn chỉ tiêu giao của Cục Thuế 98%).

Công tác quản lý kê khai, nộp thuế điện tử tiếp tục được duy trì hiệu quả: Tỷ lệ nộp thuế điện tử luôn ở mức 99% (cao hơn chỉ tiêu giao của Cục Thuế 95%).

Bảng 2.8: Công tác kê khai quyết toán thuế TNDN giai đoạn 2022-2024

Tiêu chí	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2023/20 22 (%)	2024/20 23 (%)
Số tờ khai thuế TNDN phải nộp (TK)	4.195	4.390	4.083	104,65	93,01
Số tờ khai đã nộp (TK)	4.124	4.333	4.046	105,07	93,38
Tỷ lệ (đã nộp/ phải nộp) (%)	98,3	98,7	99,1		

Tiêu chí	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2023/20 22 (%)	2024/20 23 (%)
Số tờ khai nộp đúng hạn (TK)	3.642	3.898	3.917	107,04	100,47
Tỷ lệ (đúng hạn/ đã nộp) (%)	88,32	89,97	96,8		
Số tờ khai không có lỗi (TK)	3.891	4.100	3.893	105,37	94,95
Tỷ lệ trên tổng tờ đã khai nộp (%)	94,36	94,63	96,22		

Nguồn: Đội Tổng hợp- Nghiệp vụ - Dự toán-Pháp chế, Chi cục Thuế TP Hạ Long)

Số liệu Bảng 2.6 cho thấy, số lượng Doanh nghiệp đã nộp tờ khai thuế TNDN trong 3 năm (2022-2024) đạt trung bình 98% so với số tờ khai phải nộp. Tỷ lệ nộp tờ khai đúng hạn tăng dần qua các năm cùng với tỷ lệ số tờ khai nộp không có lỗi trên tổng tờ khai đã nộp cũng tăng dần.

Điều này cho thấy công tác tuyên truyền và đôn đốc doanh nghiệp tự khai của Chi cục Thuế thực hiện khá tốt và đạt mục tiêu của Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh đề ra là từ năm 2021 tỷ lệ tờ khai phải nộp đạt từ 98% trở lên. Tuy nhiên công tác kiểm soát hồ sơ khai thuế phải nộp của từng người nộp thuế còn chưa chặt chẽ, công tác rà soát, đối chiếu số liệu còn chưa thường xuyên nên tỷ lệ tờ khai nộp không có lỗi đạt trung bình 3 năm là 95,07%, cao nhất năm 2024 đạt 96,22%.

Theo Luật quản lý thuế việc Quyết toán thuế TNDN: “NNT phải thực hiện quyết toán thuế TNDN với CQT (mẫu số 03/TNDN). Thời hạn nộp quyết toán thuế TNDN và báo cáo tài chính là ngày thứ chín mươi, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch năm năm tài chính. Riêng trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động kinh doanh, chậm nhất là ngày thứ bốn mươi lăm kể từ ngày phát sinh”. Tuy nhiên, việc chấp hành nộp hồ sơ khai

thuế của NNT chưa nghiêm túc, một số NNT còn chây ỳ trong việc kê khai thuế.

2.3.4. Thực trạng Quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế

Công tác thu nợ và cưỡng chế nợ thuế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, chủ yếu để đánh giá chất lượng công tác quản lý thuế. Chi cục Thuế thành phố Hạ Long đã triển khai đồng bộ các biện pháp từ việc rà soát, phân loại nợ, đơn đốc thu nộp và cưỡng chế nợ thuế theo đúng quy định. Tiến hành đánh giá nợ theo tiêu chí phân loại nợ hợp lý, từ đó có giải pháp quản lý thu nợ, đã tăng cường công tác thu nợ, thường xuyên đơn đốc thu hồi nợ thuế, xử lý các trường hợp dây dưa, chây ỳ nộp thuế như: phối hợp với ngân hàng, KBNN để thu nợ thuế; tạm ngừng hoá đơn, tạm hoãn xuất nhập cảnh... Đồng thời, các doanh nghiệp được phân kỳ nộp dần số thuế nợ đọng vào NSNN, tạo điều kiện cho các DN này duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với NSNN. Tuy nhiên, bên cạnh một số doanh nghiệp có ý thức chấp hành tốt nghĩa vụ thuế, một số doanh nghiệp nợ đọng thuế do thực sự có khó khăn về tài chính thì còn một bộ phận DN này chưa chấp hành tốt các luật thuế. Tình trạng nợ thuế của các đối tượng nộp thuế còn khá phổ biến, một số DN còn cố tình chây ỳ, dây dưa nộp thuế làm ảnh hưởng đến công tác thu nộp NSNN.

Mặc dù cơ quan quản lý thuế đã cố gắng thu đúng, thu đủ, song số nợ thuế do chây ỳ của các doanh nghiệp do Chi cục Thuế thành phố quản lý trên địa bàn đến 31/12/2023 là 36,449 tỷ đồng, tỷ lệ nợ 4,53%.

**Bảng 2.9. Tình hình nợ thuế của doanh nghiệp tại Chi cục Thuế
Thành phố Hạ Long giai đoạn 2022-2024**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	So sánh 2023/2022		So sánh 2024/2023	
					(+/-)	%	(+/-)	%
1	Tổng thu NQD	829.489	809.433	829.000	- 20.056	97,58	19.567	102,42
2	Nợ có khả năng thu	34.000	36.449	38.750	2.449	107,2	2.301	106,31
3	Nợ thuế TNDN có khả năng thu	5.253	6.595	8.765	1.342	125,55	2.170	132,9
4	Tỷ lệ nợ động (%)	4,1	4,5	4,67				
5	Tỷ lệ nợ TNDN/Nợ KNT (%)	15,45	18,09	22,62				

(Nguồn: Đội Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế-Chi cục Thuế Thành phố Hạ Long)

Từ bảng trên cho thấy, số tiền nợ thuế có khả năng thu từ năm 2022 đến 2024 tăng dần. Tỷ lệ nợ động (nợ có khả năng thu/tổng thu ngân sách) từ năm 2022 đến năm 2024 đều dưới 5%, so với chỉ tiêu Cục thuế giao là 5%. Tỷ lệ nợ động thuế TNDN chiếm 15,45% vào năm 2022 với 5.253 triệu đồng, và tăng dần qua các năm, đến năm 2023 đạt 18,09% và năm 2024 chiếm 22,62% với số nợ thuế TNDN có khả năng thu là 8.765 triệu đồng.

Chi cục Thuế thành phố đã xây dựng chi tiết phương án xử lý nợ động thuế và biện pháp cưỡng chế nợ thuế thực hiện xuyên suốt từ năm 2023 đến năm 2024: Ban hành thông báo tiền thuế nợ, thực hiện công khai thông tin nợ

thuế, cưỡng chế tài khoản, cưỡng chế hoá đơn, cưỡng chế bên thứ 3, tạm hoãn xuất cảnh, ban hành thông báo mời làm việc. Thành lập các đoàn chống nợ đọng của Chi cục, phối hợp các cơ quan ban ngành nhằm thu hồi nợ thuế. Căn cứ tình hình quản lý nợ thực tế, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long ban hành các chỉ thị kịp thời để xử lý nợ đọng. Thành lập các tổ chống nợ thuế trên địa bàn các Đội thuế, các phường; phối hợp với các cơ quan ban ngành như Công an, Kho bạc nhà nước thành phố Hạ Long, phòng Tài chính thành phố Hạ Long và Ủy ban nhân dân các phường trên địa bàn nhằm đôn đốc thu nợ.

2.3.5. Thực trạng Công tác thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi cục Thuế thành phố Hạ Long đã triển khai công tác kiểm tra thuế bằng nhiều giải pháp, tập trung đổi mới nội dung, phương pháp kiểm tra, thực hiện đúng quy định của Luật quản lý thuế, quy trình kiểm tra thuế để nâng cao được năng lực và hiệu quả quản lý thuế.

Công tác kiểm tra thuế bao gồm:

*** Kiểm tra tại trụ sở cơ quan Thuế:**

Trên cơ sở phân tích rủi ro ngay tại Chi cục, lập kế hoạch kiểm tra trong các quý và năm, đội kiểm tra chú trọng chấn chỉnh sai sót, kiểm tra ngay từ khi tiếp nhận hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp nhằm tăng cường giám sát việc kê khai thuế của người nộp thuế, đấu tranh làm giảm âm thuế, tăng số thuế kê khai.

Tại bộ phận kiểm tra thuế của cơ quan Thuế, khi tiến hành kiểm tra thì nguồn thông tin chủ yếu dựa vào sự cung cấp của người nộp thuế và các dữ liệu kê khai thuế của người nộp thuế được lưu vào hệ thống dữ liệu của ngành thuế. Những dữ liệu này bao gồm thông tin về người nộp thuế, tình hình nộp hồ sơ khai thuế, tình hình nợ thuế.

Sau khi bộ phận Kế khai và kế toán thuế xử lý hồ sơ quyết toán thuế TNDN, bộ phận Kiểm tra thuế thực hiện kiểm tra đối chiếu các chỉ tiêu trên hồ sơ quyết toán thuế TNDN, báo cáo tài chính, phân tích rủi ro qua ứng dụng phân tích rủi ro (TPR) để tìm ra các đơn vị có rủi ro về thuế TNDN. Trường hợp phát hiện NNT không khai đầy đủ các chỉ tiêu khai thuế, chưa phản ánh được nghĩa vụ thuế. Cán bộ thuế đề xuất ra Thông báo yêu cầu NNT giải trình bổ sung thông tin tài liệu. Trong thời hạn mười ngày kể từ ngày nhận được thông báo trên, NNT có trách nhiệm làm văn giải trình CQT. Nếu NNT không chứng minh được các vấn đề vướng mắc trong nội dung hồ sơ cần giải trình, cán bộ thuế đề xuất Lãnh đạo ra quyết định ấn định thuế hoặc tiến hành kiểm tra tại trụ sở NNT

Bảng 2.10. Kết quả kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm	Tổng số NNT đã kiểm tra	Tổng số HS đã KT	Hs chấp nhận	Hs điều chỉnh	Tổng số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng	Giảm khấu trừ	Giảm lỗ	Tiền nộp chậm	Tổng số hồ sơ chuyển kỳ sau
1	Năm 2022	256	553	514	39	1.403	133	3.868	1	0
2	Năm 2023	261	1520	1515	5	535		39	12	0
3	Năm 2024	128	823	811	6	208		3.046	11	0
	Tổng cộng	645	2.896	2.840	50	2.145	133	6.953	23	0

(Nguồn: Chi cục Thuế TP Hạ Long năm 2022 - 2024)

*** Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế:**

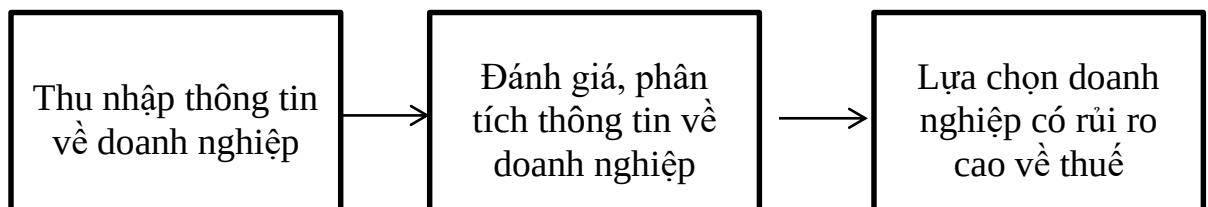
Nếu công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan Thuế có nhiều điều nghi vấn thì cơ quan Thuế sẽ phải thực hiện việc kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở của người nộp thuế. Ngoài ra, để đánh giá mức độ chính xác của công tác kiểm tra tại trụ sở cơ quan Thuế, Chi cục cũng thực hiện kiểm tra ngẫu nhiên, trường hợp phát sinh ngoài kế hoạch như kiểm tra đột xuất, kiểm tra trước hoàn thuế giá trị gia tăng...

Việc kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế được tiến hành dựa trên cơ sở người nộp thuế không thực hiện giải trình thông tin tài liệu theo thông báo của Chi cục Thuế, hoặc giải trình nhưng không chứng minh được số thuế khai là đúng. Ngoài ra việc kiểm tra còn thực hiện theo danh sách Cục thuế phê duyệt theo lựa chọn của Chi cục đã xây dựng từ cuối năm trước. Và việc lựa chọn danh sách phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế thường dựa trên các tiêu chí như:

- NNT nộp hồ sơ khai thuế không đầy đủ, không đúng hạn.
- Hồ sơ khai thuế hay sai sót, khai bổ sung điều chỉnh nhiều lần, cơ quan Thuế đã nhiều lần nhắc nhở nhưng chậm khắc phục.
- NNT không nộp đầy đủ số thuế đã kê khai, thường xuyên có tình trạng nợ thuế và chậm nộp tiền thuế.
- NNT có doanh thu lớn nhưng thu nhập thấp hoặc lỗ kéo dài.
- NNT có số thuế giá trị gia tăng âm liên tục nhưng không xin hoàn hoặc có xin hoàn nhưng hồ sơ khai thuế không đầy đủ và đã được cơ quan Thuế yêu cầu bổ sung hồ sơ hoàn nhưng không thực hiện - Qua phân tích, đánh giá hồ sơ khai thuế, cán bộ thuế phát hiện các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính qua các năm của NNT có dấu hiệu nghi vấn như: tỷ trọng các khoản mục chi phí trên doanh thu của từng năm có sự biến động lớn, hay tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thấp, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nhiều trong khi tài khoản

khách hàng trả tiền trước dư có lớn...thì cũng lựa chọn đưa vào danh sách phải kiểm tra tại trụ sở NNT.

Lựa chọn doanh nghiệp cần thanh tra, kiểm tra thuế là tập hợp các bước từ thu nhập thông tin về doanh nghiệp đến đánh giá, phân tích các thông tin liên quan đến doanh nghiệp và cuối cùng lựa chọn doanh nghiệp có rủi ro cao về thuế để thực hiện thanh tra, kiểm tra thuế tại DN, được thể hiện qua sơ đồ 2.2.:



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ lựa chọn doanh nghiệp thanh tra kiểm tra thuế

(Nguồn: Chi cục Thuế TP Hà Long)

Công tác kiểm tra thuế của Chi cục Thuế TP Hà Long được các bộ phận kiểm tra thuế nghiêm túc.Đẩy mạnh kiểm tra thuế theo phương pháp quản lý rủi ro trên cơ sở thu thập, phân tích thông tin về NNT; Kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi, thủ đoạn gian lận của NNT. Tăng cường cung cấp trao đổi thông tin với các cơ quan có liên quan trong công tác quản lý thu thuế trên địa bàn.

Tập trung phân tích và đánh giá dữ liệu kiểm tra tại Cơ quan thuế trên cơ sở, tài liệu đã thu thập (thông tin, dữ liệu về người nộp thuế trên các ứng dụng quản lý của ngành thuế, thông tin dữ liệu về người nộp thuế ngoài ngành thuế, thông tin thu thập từ người nộp thuế) xác định và lựa chọn các nội dung có dấu hiệu rủi ro để tập trung thực hiện kiểm tra; loại trừ các yếu tố không có rủi ro hoặc rủi ro rất thấp không cần thiết vừa kém hiệu quả, mất thời gian.

Triển khai kiểm tra tại trụ sở NNT: Quan tâm kiểm tra và đối chiếu chứng từ, tài liệu đối với những nội dung rủi ro theo kết quả phân tích hồ sơ,

trọng tâm là các chứng từ, tài liệu được lựa chọn qua kiểm tra; áp dụng phương pháp kiểm tra phù hợp đối với đặc điểm, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của NNT, tạo điều kiện cho NNT trong hoạt động kiểm tra; rút ngắn thời gian tiếp xúc trực tiếp với doanh nghiệp.

Thời gian qua, Chi cục Thuế đã triển khai công tác kiểm tra thuế bằng nhiều giải pháp, tập trung đổi mới nội dung, phương pháp kiểm tra, đặc biệt là quy trình. Đã chú trọng việc giám sát hồ sơ khai thuế của DN tại cơ quan Thuế nhằm kịp thời phát hiện ngay các trường hợp kê khai không đúng, không đủ số thuế phải nộp. Ưu tiên tập trung kiểm tra các lĩnh vực có khả năng khai thác nguồn thu cao như khách sạn, ăn uống, dịch vụ du lịch, quảng cáo, san lấp mặt bằng, tư vấn thiết kế, doanh nghiệp có số hoàn thuế lớn, doanh nghiệp quyết toán lỗ liên tục, lỗ vượt quá số vốn chủ sở hữu nhưng vẫn mở rộng sản xuất kinh doanh.

Việc kiểm tra phát hiện người nộp thuế thường khai sai khai thiếu thuế chủ yếu là sắc thuế TNDN. Theo các Báo cáo tổng kết, đánh giá việc thực hiện công tác kiểm tra thuế hàng năm tại Chi cục Thuế thành phố Hạ Long cho thấy các sai phạm thường phát hiện qua kiểm tra thuế TNDN tại trụ sở NNT là:

- Kê khai không đầy đủ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Hạch toán sai các khoản mục giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Hạch toán chi phí lãi vay vượt quy định khi chưa góp đủ vốn kinh doanh.

Tất cả các sai phạm thường nhằm mục đích giảm doanh thu, tăng chi phí khi xác định nghĩa vụ thuế phải nộp ngân sách Nhà nước.

Do yếu tố chủ quan của doanh nghiệp, mà chính là nhân viên kế toán một là vừa mới ra trường nên thiếu kinh nghiệm và hiểu biết về Luật thuế

TNDN theo thông tư mới nhất, hai là do một kế toán có thể làm kế toán của nhiều doanh nghiệp dẫn đến việc hạch toán còn nhầm lẫn số liệu từ doanh nghiệp này sang doanh nghiệp khác. Chủ doanh nghiệp giao toàn bộ cho kế toán thậm chí đi thuê kế toán mang tính chất chống chế với cơ quan Thuế. Một số vi phạm mang tính chất đặc thù của ngành như ngành xây lắp tính đội chi phí nhân công, chi phí khấu hao, chi phí vật liệu.

Một phần do yếu tố thuộc về cơ quan Thuế trong quản lý, do lực lượng mỏng nên không thường xuyên kiểm tra đôn đốc kịp thời thực hiện Luật thuế TNDN.

Từ kết quả trên, cũng có thể thấy rằng, công tác kiểm tra đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng đang dần hoàn thiện hơn, số thuế truy thu và xử phạt trong những năm gần đây cũng phù hợp với tình hình kinh tế chung.

Tuy nhiên việc lựa chọn doanh nghiệp để kiểm tra những doanh nghiệp có hành vi trốn thuế gian lận vẫn chưa kịp thời, số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh hoặc bỏ kinh doanh trước khi được thanh kiểm tra thuế khá lớn.

Vấn đề tồn tại trong chính sách thuế cũng như công tác quản lý thuế đó là với quy trình khai thuế chung cho mọi doanh nghiệp như hiện nay, khó quản lý được sự thất thoát nguồn thu cho NSNN. Quyền hạn điều tra, tiếp xúc doanh nghiệp của công chức thuế còn hạn chế nên việc đấu tranh với các biểu hiện sai phạm của các doanh nghiệp chưa sâu sát. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng chưa đồng bộ, thiếu thống nhất dứt khoát. Chức năng nhiệm vụ của Đội kiểm tra thuế chưa được độc lập theo Luật quản lý thuế mà còn gắn với việc đôn đốc thực hiện dự toán thu, do đó có sự chi phối và ảnh hưởng lớn đến tính độc lập trong công tác kiểm tra. Thực tế với yêu cầu khối lượng công việc lớn, do đó đã ảnh hưởng hiệu quả công tác kiểm tra.

Kết quả kiểm tra thuế theo kế hoạch của Chi cục Thuế TP Hạ Long từ năm 2022 đến năm 2024 được thể hiện qua bảng 2.11 như sau:

Bảng 2.11. Kết quả kiểm tra chấp hành pháp luật thuế tại trụ sở NNT

Đơn vị tính: Cuộc

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023/2022		Năm 2024/2023	
				Tăng, giảm (+,-)	Tỷ lệ (%)	Tăng, giảm (+,-)	Tỷ lệ (%)
Kế hoạch kiểm tra (Số DN)	221	230	219	9	104	-11	95
Thực hiện kiểm tra (Số DN)	266	240	242	-26	90	2	101
Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)	120	106	110				
Số thuế TNDN truy thu (tỷ đồng)	15,7	12,8	12,2	-2,9	82	- 0,6	95

(Nguồn: Chi cục Thuế TP Hạ Long năm 2022 - 2024)

2.3.6. Thực trạng Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế là một trong bốn chức năng quản lý của ngành thuế đã mang lại nhiều kết quả quan trọng trong công tác quản lý thuế cả nước nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng. Mặc dù, không trực tiếp tác động tới nguồn thu Ngân sách nhà nước, nhưng thông qua các hình thức tuyên truyền hỗ trợ NNT, công tác này đã truyền tải và cung cấp các thông tin đa chiều tới NNT để họ có được những kiến thức cơ bản về thuế. Từ đó đã giúp NNT tăng tính chủ động, tự chịu trách nhiệm trong việc tính thuế, khai thuế và tạo ý thức tự giác chấp hành pháp luật thuế, hạn chế những sai sót không cố ý của NNT cũng như tránh được những sai phạm

không đáng có và hướng NNT tới việc thực hiện đúng chính sách pháp luật thuế.

Công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế đã được xây dựng kế hoạch triển khai định kỳ theo từng tháng, quý và năm hay kế hoạch đột xuất trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao và gắn với công tác triển khai chính sách của ngành cũng như yêu cầu của địa phương cũng luôn được chú trọng hướng đến cải cách hành chính về thuế được hiệu quả. Với sự tham gia của các phòng, các Chi cục Thuế nhằm gắn thực tế phát sinh từ công tác quản lý thuế ở các bộ phận, đơn vị đã tạo hình ảnh tuyên truyền hỗ trợ mang tính đa dạng, phong phú và tính thực tiễn cao.

Đơn vị luôn quán triệt tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế và UBND tỉnh, thành phố trong việc nâng cao chất lượng công tác cải cách thủ tục hành chính thuế, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thuế nhanh chóng, tạo thuận lợi, giảm chi phí cho doanh nghiệp và NNT khi thực hiện nghĩa vụ; Chi cục Thuế thành phố Hạ Long đã tổ chức hội nghị tập huấn chính sách mới về thuế, như là: Tổ chức 2 lớp tập huấn Dịch vụ Thuế điện tử (eTax) cho các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố với số lượng 600 doanh nghiệp; Hội nghị tuyên dương người nộp thuế chấp hành tốt chính sách và đối thoại doanh nghiệp; thông qua các hội nghị, Chi cục đã tuyên truyền về các thủ tục và quy định pháp luật mới, đồng thời lắng nghe, khuyến khích doanh nghiệp và người nộp thuế mạnh dạn trao đổi các khó khăn, vướng mắc phát sinh để cùng nhau tháo gỡ.

Ngoài việc tổ chức các hội nghị tập huấn đối thoại thường niên, Chi cục Thuế thành phố Hạ Long cũng tổ chức tập huấn chính sách thuế cho các cán bộ Ủy nhiệm thu thuế đối với thuế Sử dụng đất phi nông nghiệp các phường nhằm trao đổi, chấn chỉnh, rút kinh nghiệm và nâng cao hiệu quả trong công tác thu, công tác quản lý thuế. Các hình thức giải đáp qua số điện thoại và

đường dây nóng, trả lời bằng văn bản cũng luôn được quan tâm thực hiện tốt, giải đáp nhiều thắc mắc đa dạng của người nộp thuế. Bên cạnh đó, để đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, trong năm Chi cục đã phối hợp với Phòng Tuyên truyền hỗ trợ Cục Thuế, Đài phát thanh và truyền hình tỉnh QTV và báo Quảng Ninh thực hiện các phóng sự, các chuyên đề tư vấn chính sách thuế.

Trong năm 2022: Hỗ trợ trực tiếp tại cơ quan thuế 4.486 lượt. Trong đó: Trả lời điện thoại 1.688 lượt; Trực tiếp tại cơ quan thuế 2.798 lượt.

Viết tin bài đăng trên trang web Cục thuế tỉnh Quảng Ninh 21 tin bài, đạt 131,25% kế hoạch Cục Thuế giao tại Công văn 08/CTQNI-TTHT ngày 04/01/2022 và Công văn số 2320/CTQNI-TTHT ngày 06/4/2022. Phối hợp với Trung tâm truyền thông văn hóa tỉnh Quảng Ninh và Cục Thuế thực hiện 06 phóng sự.

Giải đáp thắc mắc chính sách thuế trong năm: 65 văn bản. Phát 1.065 tờ rơi tuyên truyền hướng dẫn chính sách pháp luật về thuế. Gửi 75.344 lượt email tuyên truyền chính sách pháp luật về thuế.

Tổ chức hội nghị: 02 hội nghị đối thoại, hỗ trợ giải đáp chính sách thuế cho NNT; 02 cuộc khảo sát vướng mắc về chính sách thuế và các thủ tục hành chính thuế cho người nộp thuế; 02 hội nghị triển khai sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền.

Trong năm 2023, kết quả tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thuế của người nộp thuế theo cơ chế một cửa tại cơ quan Thuế đạt 40.158 hồ sơ, trong đó: 1.210 hồ sơ đăng ký thuế; 26.062 hồ sơ khai thuế; 674 hồ sơ hoàn thuế; 8 hồ sơ miễn giảm; 11.488 hồ sơ về hóa đơn; 279 công văn của NNT (23 văn bản vướng mắc, hướng dẫn về chính sách thuế, Chi cục đã trả lời bằng văn bản đúng thời hạn; 63 văn bản có kết quả khác; 193 văn bản không có kết quả); 5 hồ sơ gia hạn; 298 hồ sơ xác nhận số thuế phải nộp và xác nhận khác; 134 hồ sơ khác.

Trong năm 2024: Tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của ngành thuế 26 tin bài (đạt 144,4% kế hoạch năm 2024). Phối hợp với Báo lao động đăng 01 tin bài; Phối hợp với Truyền hình Công an nhân dân -ANTV đăng 01 phóng sự; Phối hợp với Thời báo tài chính đăng 01 tin bài; Phối hợp với Trung tâm truyền thông và văn hóa TP Hạ Long phát thanh 10 nội dung. Thực hiện 05 phóng sự; Đăng trên Báo Quảng Ninh và Cổng thông tin điện tử TP Hạ Long 01 tin bài; Phối hợp với Trung tâm truyền thông và văn hóa tỉnh Quảng Ninh thực hiện 03 phóng sự; Phối hợp với UBND xã, phường phát thanh 03 nội dung.

Hỗ trợ tại cơ quan thuế 9.480 lượt. Trả lời chính sách thuế 14 văn bản; Giải đáp thắc mắc tại mục Hỏi đáp trên trang Thuế điện tử 29 câu hỏi đảm bảo thời gian quy định. Trả lời câu hỏi trên App Hạ Long Smart: 01 câu hỏi. Trả lời câu hỏi kiến nghị trên Cổng dịch vụ công Quốc gia: 03 câu hỏi. Tuyên truyền qua email: tuyên truyền 21 nội dung, 90.780 email, với 365 lượt gửi. Phối hợp với các Đội chức năng gửi tin nhắn SMS tuyên truyền, thông báo 34 nội dung, đến 3.825 NNT.

Tổ chức 02 Hội nghị, với 414 NNT tham gia; giải đáp 43 vướng mắc. Thực hiện 02 cuộc điều tra khảo sát, gửi 11.860 mail khảo sát trước hội nghị và phiếu điều tra trong hội nghị.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được như: đã tạo được những điều kiện thuận lợi hỗ trợ, khuyến khích NNT ý thức chấp hành nghĩa vụ nộp thuế và gián tiếp tác động tới việc huy động nguồn thu thuế cho Ngân sách Nhà nước. Công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT còn một số tồn tại là chưa tổ chức được nhiều buổi hội nghị đối thoại với NNT, phương pháp tuyên truyền hỗ trợ chưa được hiện đại hoá, thời gian hỗ trợ chưa kịp thời...

2.4. Đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp của Chi cục thuế TP Hạ Long tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022-

2024

2.3.1. Những kết quả đạt được

Nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao từ các cấp Ủy Đảng cũng như của Chính quyền địa phương cùng với sự cố gắng của tất cả cán bộ công chức, viên chức trong Chi cục. Trong những năm qua, công tác quản lý thuế TNDN đối với NSNN tại Chi cục Thuế Thành phố Hạ Long cơ bản đã thực hiện đúng theo các quy định, quy trình của ngành và đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần hoàn thành kế hoạch thu ngân sách chung của toàn Chi cục, cụ thể:

- Công tác quản lý đăng ký thuế: đã được thực hiện nhanh gọn và hiệu quả từ khâu tiếp nhận hồ sơ đăng ký, cấp mã số thuế đến khâu đóng cửa mã số thuế NNT. Cho nên đối tượng NNT được lập Sổ bộ, cập nhật và đôn đốc, theo dõi trên các Ứng dụng quản lý thuế tương đối kịp thời, chính xác. Vì vậy, việc quản lý thuế của Chi cục đã giảm được việc theo dõi đối tượng ảo và giảm tỷ lệ nợ chờ xử lý của NNT đã bỏ trốn, mất tích, không tồn tại tại địa chỉ kinh doanh đăng ký với cơ quan Thuế.

- Công tác quản lý khai thuế, nộp thuế: ngày càng được đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm hỗ trợ quản lý như: kê khai thuế qua mạng, nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử... Do đó, các phần mềm này đã phần nào nâng cao chất lượng công tác quản lý khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế tại Chi cục. Tỷ lệ NNT không nộp hồ sơ khai thuế, khai sai, khai chậm giảm dần qua các năm. Đến nay, 100% NNT thuộc phân cấp quản lý thuế của Chi cục Thuế thành phố Hạ Long đã thực hiện kê khai thuế qua mạng internet, đã giảm tải được khối lượng và thời gian xử lý công việc cho cán bộ thuế, đồng thời chất lượng công việc theo đó cũng hiệu quả hơn, chính xác hơn. Mặt khác, việc kết nối đồng bộ hoá dữ liệu giữa Chi cục Thuế và Kho bạc nhà nước thành phố đã giúp cho việc theo dõi thu nộp được thực hiện kịp

thời và chính xác.

- Công tác kiểm tra NNT: số tiền thuế phát hiện và truy thu qua công tác kiểm tra tăng dần qua từng năm, đặc biệt số thuế truy thu đối với sắc thuế TNDN tại Chi cục Thành phố Hạ Long chiếm tỷ trọng khá lớn trên tổng truy thu NNT, điều này cho thấy chất lượng của công tác kiểm tra thuế và tính hiệu quả của việc quản lý thuế TNDN thực hiện qua công tác này khá tốt. Với nhiều giải pháp trong công tác kiểm tra, tập trung đổi mới nội dung, phương pháp kiểm tra, thực hiện đúng quy định của Luật quản lý thuế và đặc biệt là quy trình kiểm tra thuế từ đó nâng cao được năng lực và hiệu quả quản lý thuế. Đã chú trọng trong việc giám sát hồ sơ khai thuế của DN tại cơ quan Thuế nhằm kịp thời phát hiện ngay các trường hợp kê khai không đúng, không đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước để có biện pháp xử lý đúng quy định; tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu ngân sách, mở rộng đối tượng và phạm vi kiểm tra đối với doanh nghiệp; thực hiện kiểm tra theo chuyên đề lĩnh vực sản xuất kinh doanh có dấu hiệu thất thu ngân sách lớn.

- Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế: kết quả thu nợ thuế đã góp phần hoàn thành kế hoạch thu ngân sách chung của toàn Chi cục Thuế thành phố Hạ Long. Công tác giải quyết các khoản nợ chờ xử lý, chờ điều chỉnh đã được Đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế phối hợp với Đội Kê khai

- Kê khai - Kế toán thuế và Tin học rà soát, đối chiếu, xử lý kịp thời nên số nợ thuế chờ xử lý chiếm tỷ trọng rất ít trong tổng nợ. Đồng thời, công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đã được phối hợp với Công an thành phố và Chi cục quản lý thị trường cùng các Ngân hàng trên địa bàn nên đã phần nào thu hồi bớt nợ cũ và nợ mới phát sinh.

- Công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT: thông qua các hình thức tuyên truyền hỗ trợ như: các ấn phẩm, bản tin, bài viết, các buổi tập huấn, hội thảo

giải đáp vướng mắc... đã truyền tải và cung cấp các thông tin đa chiều tới NNT giúp họ kịp thời nắm bắt, cập nhật những kiến thức cơ bản về các chính sách pháp luật thuế. Từ đó góp phần tăng tính chủ động cho NNT trong việc tính thuế, khai thuế và hạn chế những sai sót, hướng NNT tới việc thực hiện đúng chính sách pháp luật thuế. Vì vậy đã tăng tính hiệu quả của công tác quản lý thuế, giảm thất thu cho NSNN.

Bên cạnh đó Chi cục Thuế thành phố Hạ Long đã được cấp chứng nhận tiêu chuẩn ISO trong việc xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với toàn bộ hoạt động liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn Thành phố.

2.3.2. Những tồn tại, hạn chế

- Công tác quản lý kê khai, kế toán thuế và nộp thuế:

Công tác xử lý dữ liệu trong quản lý khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế tại Chi cục Thuế Thành phố Hạ Long thời gian vừa qua đã được hiện đại hóa, đạt được một số hiệu quả nhất định. Song việc thực hiện quy trình vẫn còn một số tồn tại như: Chưa thực hiện xử phạt đối với NNT nộp chậm hồ sơ khai thuế qua mạng internet, chưa đôn đốc NNT nộp đầy đủ các phụ lục phải đính kèm theo hồ sơ khai thuế, chưa thực hiện ấn định thuế đối với NNT nộp chậm hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định hoặc NNT không nộp hồ sơ khai thuế. Vì vậy, chưa chấn chỉnh được NNT thực hiện đúng các quy định của Luật quản lý thuế và còn gây thất thu cho NSNN. Đối với công tác kế toán thu nộp NSNN chưa yêu cầu NNT thực hiện điều chỉnh kịp thời mục lục NSNN trong trường hợp NNT nộp tiền thuế sai chương loại khoản mục, dẫn đến công tác lập sổ theo dõi nợ của NNT đôi khi chưa chính xác, chưa phản ánh đúng số nợ thuế của NNT. Đồng thời, do đặc thù của sắc thuế TNDN là tạm nộp trước 80% số thuế TNDN phải nộp trong năm và thực hiện quyết toán vào cuối năm

tài chính, nhưng nếu chậm nộp thì bị tính tiền chậm nộp trên số thuế nợ.

- Công tác kiểm tra NNT:

Bên cạnh những kết quả đạt được như phát hiện, ngăn chặn và xử lý nhiều hành vi vi phạm pháp luật thuế của một bộ phận không nhỏ NNT, góp phần đẩy lùi những hành vi gian lận, trốn thuế, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho NNT, công tác này vẫn bộc lộ những hạn chế nhất định như:

Lực lượng CBCC làm công tác kiểm tra thuế vẫn còn mỏng (tại văn phòng Cục Thuế chiếm tỷ trọng khoảng 30% tổng số CBCC trong cơ quan, trong khi khối lượng công việc kiểm tra lớn, nhiệm vụ số thu nộp thuế ngày càng nặng nề, khó khăn. Với yêu cầu hiện nay, biên chế cho bộ phận này phải đạt từ 60% tổng số CBCC toàn ngành. Trong những năm gần đây, Tổng cục Thuế triển khai nhiều nội dung thực hiện cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hoá công tác quản lý thuế TNDN như: thay đổi tần suất kê khai điện tử, nộp thuế điện tử, chuyển đổi ứng dụng quản lý thuế tập trung, hoàn thuế điện tử, sử dụng hoá đơn điện tử... vì vậy, phải tập trung nhân lực để triển khai những nhiệm vụ này.

Nguyên nhân: Vì theo quy định về Công tác tuyển dụng cán bộ công chức của Bộ Tài chính, Tổng cục thuế thì trong thời gian dài (thường là 02 năm) mới có 01 cuộc thi tuyển cán bộ công chức cho ngành thuế. Hơn nữa, số lượng công chức mỗi lần trúng tuyển vào Cục thuế tỉnh Quảng Ninh rất ít, khoảng 40 - 50 cán bộ. Dẫn đến việc chia thiếu cán bộ công chức, đặc biệt là cán bộ trong công tác kiểm tra (những người có kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ).

Công tác phân tích hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan Thuế khi đánh giá rủi ro còn thiếu cơ sở và tính chính xác cũng là do CBCC còn mới nên khả năng đánh giá rủi ro của doanh nghiệp chưa tốt nên kết quả mang lại không cao, không phát hiện được nhiều các trường hợp gian lận, trốn thuế.

- Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế:

Việc thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế còn chưa được quyết liệt. Hiện nay việc thực hiện đồng loạt tính tiền chậm nộp thuế đối với tất cả các khoản nợ và kể cả nợ khó thu, chờ xử lý là không khả thi CBCC thuế còn chưa bao quát được hết các trường hợp phải xem xét xoá nợ tiền thuế, tiền phạt, dẫn đến vướng mắc trong thực hiện làm gia tăng tỷ lệ nợ đọng thuế, gây khó khăn cho công tác quản lý thuế.

Nguyên nhân: Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khó khăn, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hạ Long là các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn bị hạn chế về vốn, lao động và công nghệ, khả năng định hướng và thay đổi ngành nghề kinh doanh theo thời đại còn chưa nhanh khiến cho một loạt các DN phải ngừng hoạt động, giải thể trong thời gian qua”.

- Công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT:

Công tác tuyên truyền hỗ trợ, hướng dẫn chính sách thuế cho NNT đã được đẩy mạnh song cần phải hoàn thiện hơn nữa. Việc lắng nghe ý kiến, thấu hiểu khó khăn của NNT thông qua công tác tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Chi cục Thuế với NNT chưa được thường xuyên.

Cách thức, phương pháp tuyên truyền hỗ trợ NNT chưa thực sự phong phú, kịp thời và chưa được hiện đại hóa, chủ yếu là tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, hoặc tư vấn tại chỗ khi NNT tự giác và chủ động liên lạc. Các ấn phẩm tuyên truyền, tờ rơi phát cho NNT thường bị đọng, do Cục thuế cấp phát nên thông tin tư vấn thường không cập nhật kịp thời các thay đổi của chính sách pháp luật thuế mới được ban hành hoặc sửa đổi bổ sung. Nội dung tư vấn, trả lời NNT đôi khi còn chung chung chưa rõ ràng, cụ thể nên chưa có sức thuyết phục, chưa đáp ứng được nhu cầu của NNT.

2.4.3. Nguyên nhân của hạn chế

- Ứng dụng hỗ trợ kê khai qua mạng chưa hoàn thiện

Khối lượng dữ liệu quá nhiều trong khi các ứng dụng hỗ trợ kê khai chưa hoàn thiện, chưa linh hoạt cập nhật hết các yêu cầu của thực tiễn. Trong khi chính sách thuế thường xuyên thay đổi, các cơ quan Thuế địa phương là người thực hiện vận hành ứng dụng lại không có khả năng viết và sửa đổi ứng dụng.

- Chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ cán bộ chưa đồng đều

Số lượng cán bộ làm công tác kiểm tra còn hạn chế, năng lực chuyên môn nghiệp vụ không đồng đều, kỹ năng xử lý công việc đôi khi chưa khoa học.

- Ý thức đối tượng nộp thuế chưa cao

NNT thường có tâm lý né tránh, không cung cấp đủ hồ sơ, chứng từ, sổ sách liên quan đến nội dung của cuộc kiểm tra tạo cho cơ quan Thuế không đủ cơ sở để xác định tính chính xác trong việc khai thuế, tính thuế.

Vẫn còn tồn tại số ít NNT chấp hành chưa nghiêm chế độ hạch toán kế toán và quản lý sử dụng Hoá đơn chứng từ không, bất hợp pháp. Khiến việc xác minh đối chiếu hóa đơn giữa các cơ quan Thuế phục vụ công tác kiểm tra còn gặp nhiều khó khăn. Do đó chưa kịp thời phát hiện sai phạm của NNT trong quá trình kiểm tra tính trung thực của việc hoạch toán doanh thu, chi phí, thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ.

- Các chính sách thuế hiện hành thường xuyên sửa đổi, bổ sung Cơ chế chính sách cũng thường xuyên thay đổi, sự ổn định và tính nhất quán không cao, nhiều quy định còn mở, không bao trùm hết các tình huống phát sinh trên thực tế nên cũng gây không ít khó khăn cho công tác quản lý thuế, kiểm soát nguồn thu và cũng tạo không ít khó khăn cho cán bộ thuế khi trả lời, giải đáp vướng mắc của NNT

- Công tác phối kết hợp với các sở ban ngành liên quan quản lý thuế chịu

tác động của rất nhiều yếu tố. Vì vậy, để công tác quản lý thuế đạt được hiệu quả thì không thể thiếu sự phối kết hợp của các cơ quan liên quan. Công tác này tại Chi cục Thuế vừa qua chưa thực sự đạt hiệu quả cao, bởi lẽ mới chỉ có sự liên kết trao đổi thông tin hai chiều giữa Chi cục Thuế với Kho bạc Nhà nước thành phố trong công tác thu nộp. Sự phối hợp giữa Công an thành phố, Chi cục quản lý thị trường chỉ dừng lại ở công tác thành lập đoàn đơn đốc thu nợ mà chưa có sự cung cấp thông tin đa chiều liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của NNT. Các hoạt động buôn bán mua hàng hóa trôi nổi, không rõ xuất xứ không được NNT kê khai tính thuế, cũng không được Chi cục quản lý thị trường phản ánh thông tin tới cơ quan Thuế. Các Ngân hàng thương mại mở tài khoản và thực hiện các giao dịch cho NNT cũng hạn chế cung cấp thông tin cho cơ quan Thuế.

Tiểu kết chương 2

Công tác quản lý thu NSNN nói chung và thuế TNDN nói riêng luôn được các cấp quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên và nhận được đồng thuận của người dân, xã hội và cộng đồng NNT. Mặc dù có nhiều thuận lợi, tuy nhiên vẫn còn một số khó khăn:

- Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, các Ngân hàng Trung ương trên thế giới tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ để kiểm soát lạm phát, khiến mặt bằng lãi suất trên thế giới tăng cao, cuộc chiến Nga - Ukraine, Israel - Hamas chưa có hồi kết, giá xăng dầu, giá nguyên vật liệu và một số loại hàng hóa cơ bản tăng; một số ngân hàng ở Mỹ và châu Âu phá sản.

- Ở trong nước, trong 6 tháng đầu năm hệ thống các ngân hàng điều chỉnh tăng lãi suất cho vay, thắt chặt tín dụng, thị trường trái phiếu, thị trường bất động sản kém sôi động, gặp nhiều khó khăn, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế và mọi mặt của đời sống xã hội

của nhân dân trên địa bàn.

- Dư âm ảnh hưởng của dịch Covid-19 trong 3 năm vừa qua, dẫn đến việc một số doanh nghiệp vẫn đang vượt qua khó khăn giảm lỗ, phục hồi hoạt động kinh doanh trở lại trạng thái kinh tế bình thường. Các hạn chế trong chính sách xuất nhập cảnh khiến thị trường khách du lịch Trung Quốc đến thành phố Hạ Long còn ảm đạm.

- Siêu bão Yagi ảnh hưởng giảm thu 160 tỷ đồng. Đây là cơn bão lịch sử trong 30 năm qua, tác động lớn đến hoạt động kinh doanh, nhất là lĩnh vực dịch vụ du lịch, nhà hàng, khu ẩm thực, nhà nghỉ, khách sạn, vận tải... Các cơ sở kinh doanh bị tàn phá nghiêm trọng. Các tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh đang trong giai đoạn tập trung nguồn lực kinh tế, khắc phục khó khăn sau dư âm của dịch Covid 19 những năm vừa qua và ảnh hưởng của bão Yagi để ổn định sản xuất kinh doanh, tác động giảm thu NSNN.

Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023, Nghị định số 64/2024/NĐ-CP ngày 17/6/2024 của Chính phủ về việc gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, Thuế TNCN và tiền cho thuê đất năm 2023, 2024 ảnh hưởng đến tiền độ thu.

Từ những thuận lợi, khó khăn nêu trên. Ngay từ những ngày đầu năm, bám sát Nghị quyết của Đảng bộ Cục Thuế; Nghị quyết của Thành ủy Hạ Long; Đảng bộ Chi cục Thuế, Chi cục Thuế TP Hạ Long đã xây dựng Chương trình công tác năm và Kịch bản thu NSNN năm để lãnh đạo chỉ đạo các bộ phận, công chức người lao động thuộc Chi cục Thuế triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ công tác thuế.

Đồng thời bám sát sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh, Thường trực Thành ủy, HĐND, UBND TP Hạ Long; Sự phối hợp chặt chẽ của các phòng, ban, cơ quan đơn vị trên địa bàn; Sự đồng thuận khắc phục khó khăn của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong việc duy trì

sản xuất kinh doanh, chấp hành các chính sách pháp luật thuế, thực hiện nộp đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí vào NSNN, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của cán bộ, công chức Chi cục Thuế trong việc triển khai đồng bộ các nhiệm vụ công tác thuế.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HẠ LONG TỈNH QUẢNG NINH

3.1. Mục tiêu định hướng hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN của Chi cục thuế TP Hạ Long tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030

3.1.1. Mục tiêu của công tác quản lý thuế TNDN

Mục tiêu công tác quản lý thuế đến năm 2030 là hiện đại hoá toàn diện công tác quản lý thuế; khắc phục những hạn chế trong công tác quản lý thuế TNDN như việc các chức năng quản lý còn chồng chéo, số lượng cán bộ chưa đảm bảo, số nợ đọng cao hơn mức 5% ngành giao ... Nhằm hướng đến một cơ chế quản lý theo cơ chế minh bạch, đơn giản, dễ thực hiện dựa trên ba nền tảng cơ bản: Thể chế chính sách thuế minh bạch, quy trình thủ tục hành chính thuế đơn giản; nguồn nhân lực có chất lượng, liêm chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại nhằm giảm chi phí tuân thủ pháp luật thuế của người dân và doanh nghiệp. Tạo cơ sở pháp lý để xây dựng cơ quan thuế hiện đại, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả, liêm chính, đủ năng lực để thực hiện và quản lý tốt các mục tiêu và nội dung cải cách hệ thống thuế đã đề ra, đảm bảo mức độ hài lòng của người nộp thuế với sự phục vụ của cơ quan thuế đạt tối thiểu 98%.

3.1.2. Định hướng hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN

Trong bối cảnh sẽ áp dụng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian tới, Chi cục Thuế TP Hạ Long đang tích cực triển khai công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Trung ương và các chỉ đạo liên quan từ Ban Chỉ đạo Trung ương, Bộ Tài chính. Việc đổi mới mô hình tổ chức nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản

lý thuế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số và hội nhập quốc tế. Để đáp ứng hiệu quả nhiệm vụ mới đến năm 2030, Chi cục thuế thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh có những định hướng như sau:

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu, tham gia ý kiến, hoàn thiện Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, trong đó đơn giản hoá các thủ tục hành chính, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn giảm thuế và thực hiện các giao dịch trong lĩnh vực thuế trên môi trường điện tử phù hợp với thông lệ quốc tế; vai trò chủ động của cơ quan thuế trong thu hồi nợ thuế, thủ tục rút gọn nhằm tự động xóa nợ/thu hồi các khoản nợ nhỏ; tiếp tục nghiên cứu xây dựng các quy định về khoan nợ/xóa nợ đối với các khoản nợ của người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước.

Thứ hai, hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu tự động trong nội bộ cơ quan thuế và với các bên thứ ba có liên quan nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế đầy đủ, chính xác, tập trung thống nhất trên phạm vi toàn quốc, đảm bảo thông tin phục vụ cho quản lý rủi ro, dự toán thu thuế và một số nghiệp vụ đặc thù như việc phân tích giá chuyển nhượng, thương mại điện tử.

Ba là, Chi cục Thuế thường xuyên rà soát tình hình hoạt động của doanh nghiệp, lắng nghe, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp. Đối với công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, đơn vị chỉ đạo, tăng cường giám sát việc triển khai công tác quản lý nợ cũng như tăng cường quản lý, chống thất thu thuế; thực hiện giám sát chặt chẽ hồ sơ khai thuế, đơn đốc nộp tiền thuế phát sinh, tránh để tiền thuế phát sinh trở thành nợ thuế; thực hiện phân loại nợ thuế; đơn đốc người nộp thuế nộp tiền nợ thuế; ban hành thông báo nợ thuế và tiền chậm nộp gửi người nộp thuế.

Bốn là, cùng với đó, đơn vị cũng tăng cường biện pháp cưỡng chế nợ thuế, như cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, yêu cầu phong tỏa

tài khoản của người nộp thuế mở tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác, khấu trừ một phần tiền lương và thu nhập; ngừng sử dụng hóa đơn; tạm hoãn xuất nhập cảnh đối với cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Năm là, trong thời gian tới, đơn vị tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, mục tiêu chống thất thu thuế, trong đó, tập trung trọng điểm vào công tác quản lý thuế, thu thuế trong các lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, căn hộ du lịch, cho thuê mặt bằng kinh doanh; hoạt động vận tải; khai thác khoáng sản; các lĩnh vực xây dựng; kinh doanh bất động sản; kinh doanh xăng dầu...

Sáu là, đồng thời chỉ đạo các bộ phận chuyên môn theo dõi, nắm chắc diễn biến, tình hình thu nộp NSNN và đánh giá tác động của việc thực hiện các chính sách thuế và kết quả triển khai các biện pháp quản lý thu, kết quả thu trên địa bàn. Trên cơ sở đó, sẽ dự báo khả năng thực hiện nhiệm vụ thu NSNN, rà soát các nguồn thu, các khoản thu còn dư địa, tiềm năng để khai thác tăng thu, đảm bảo các chỉ tiêu thu.

Bảy là, Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính: Đơn giản hóa các thủ tục hành chính, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn, giảm thuế và thực hiện các giao dịch trong lĩnh vực thuế trên môi trường điện tử phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; công khai thủ tục hành chính; công tác giải quyết thủ tục hành chính công tại các Trung tâm dịch vụ hành chính công và công tác thông tin tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính. Tiếp tục cử công chức thường trực tiếp nhận 25 thủ tục hành chính tại Trung tâm hành chính công thành phố Hạ Long cơ sở 1 và cơ sở 2.

Tăng cường các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp thành lập từ hộ, cá nhân kinh doanh.

Chủ động nắm bắt thông tin phản hồi của doanh nghiệp, nhất là những thông tin không tích cực để kịp thời xử lý nhằm hạn chế lan rộng những thông tin ảnh hưởng đến cộng đồng doanh nghiệp và môi trường đầu tư kinh doanh.

Tiếp tục công tác tuyên truyền hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp, người nộp thuế trên địa bàn sử dụng hóa đơn điện tử và các đơn vị mới phát sinh thực hiện khai, nộp thuế điện tử, sử dụng hóa đơn điện tử.

Phấn đấu hoàn thành thu NSNN ở mức cao nhất; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế TNDN, trốn thuế TNDN, nợ thuế TNDN.

Kiểm tra chấp hành pháp luật thuế tại trụ sở NNT: Triển khai kế hoạch kiểm tra theo kế hoạch năm được giao, theo các chuyên đề về thuế, hóa đơn đã duyệt và các cuộc đột xuất để đảm bảo hoàn thành 100% kế hoạch Cục Thuế giao. Tuân thủ và thực hiện đúng các yêu cầu, nguyên tắc, trình tự, thủ tục, nội dung của công tác kiểm tra theo quy định của Luật Quản lý thuế và các quy trình.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế ngay tại trụ sở cơ quan thuế. Tăng cường đôn đốc NNT nộp số thuế truy thu, tiền phạt sau kiểm tra vào NSNN; phối hợp với bộ phận quản lý nợ thuế thực hiện các biện pháp thu nợ thuế theo quy định; đảm bảo số nộp ngân sách sau kiểm tra đạt tối thiểu 85% số thuế truy thu và tiền phạt của các quyết định xử lý sau kiểm tra.

Đảm bảo các DN trên địa bàn thành phố nghiêm chỉnh thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế không có tình trạng trốn thuế, gian lận thuế, mua bán hoá đơn diễn ra.

3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN của Chi cục thuế TP Hạ Long tỉnh Quảng Ninh

3.2.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy và tăng cường đào tạo đội ngũ công chức ngành thuế

Giải pháp then chốt đó là phải nâng cao được trình độ, năng lực, kỹ năng nghiệp vụ của cán bộ trong toàn ngành. Với tiến trình cải cách, đến nay chúng ta đã xây dựng được những nội dung nền tảng quan trọng, đó là cơ sở pháp lý cho cải cách, hiện đại hoá, chuyển đổi tổ chức bộ máy quản lý sang mô hình quản lý tiên tiến, hình thành được hệ thống qui trình quản lý thuế mới, triển khai nhiều ứng dụng tin học trong quản lý thuế. Nhưng để triển khai, vận hành được và đi tiếp theo chiều sâu của cải cách thành công thì yếu tố con người có trình độ, năng lực là quyết định. Do đó, việc đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ có ý nghĩa rất quan trọng trong giai đoạn này.

Phải xây dựng bộ giáo trình chuẩn về thuế để đào tạo cán bộ công chức thuế. Xây dựng bộ chuẩn mực đạo đức công chức thuế. Những tố chất cần có đối với cán bộ công chức thuế: Khách quan và trung thực; nhẫn nại, tận tụy và tinh thần trách nhiệm; chính xác và cẩn thận.

Cụ thể hoá trách nhiệm, nghĩa vụ và chế tài xử lý các hành vi vi phạm của cán bộ công chức thuế.

Đào tạo cán bộ là mấu chốt để có được ngành Thuế chuyên nghiệp.

Trên phương diện này cần phân tích kỹ nhu cầu của chính hệ thống và mỗi nhân viên để đảm bảo công tác phù hợp với nhu cầu. Nội dung đào tạo là kỹ năng quản lý thuế hiện đại: Kiến thức cơ bản về thuế, kỹ năng công việc quản lý thuế, công tác hành chính, văn hoá ứng xử. Nội dung đào tạo cụ thể, có trao đổi và xử lý các tình huống thực tế. Thời gian đào tạo nghiệp vụ thuế không ít hơn 3 tháng đối với ứng viên được tuyển dụng.

Lãnh đạo ngành thuế chủ động rà soát sắp xếp các cán bộ công chức không đáp ứng đủ yêu cầu để vận động đưa vào danh sách nghỉ hưu sớm nhưng có chế độ hỗ trợ thoả đáng, đồng thời tăng biên chế với những người có trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức, từng bước trẻ hoá đội ngũ công chức để có đủ nguồn lực phục vụ cho công tác quản lý.

Tổ chức tuyển dụng khoa học và chuyên nghiệp, tránh tình trạng công chức được tuyển dụng vào làm việc hiệu quả thấp.

Tổ chức bộ máy ngành thuế trước mắt cần củng cố bộ phận phân tích và dự báo thu, có bộ phận đề xuất và tham gia hoàn thiện chính sách thuế và tài chính quốc gia, bổ sung lực lượng tinh nhuệ cho thanh tra, kiểm tra và cưỡng chế nợ thuế.

3.2.2. Hiện đại hoá công nghệ thông tin ngành thuế

Thiết kế lại tổng thể hệ thống tin học theo hướng tập trung nhằm đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ cải cách bao gồm: hệ thống mạng và hạ tầng truyền thông; cơ sở dữ liệu, hệ thống phần mềm ứng dụng và trang thiết bị tin học. Rà soát các thông tin hiện có của ngành thuế trên các cơ sở dữ liệu quản lý thuế tại tất cả các cấp. Phân tích các yêu cầu về thông tin quản lý thuế của các bộ phận chức năng quản lý thuế, chú trọng yêu cầu về thông tin cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Xác định mô hình hệ thống thông tin thuế và mô hình cơ sở dữ liệu đối tượng nộp thuế của ngành theo hướng tập trung dữ liệu từ trong và ngoài ngành thuế. Xây dựng cơ sở dữ liệu tại từng cấp, mô hình trao đổi dữ liệu trong ngành thuế và tạo lập kho cơ sở dữ liệu tập trung toàn ngành thuế.

Xây dựng, nâng cấp, tích hợp và chuyển đổi hệ thống các phần mềm ứng dụng xử lý thông tin thuế như: kê khai đăng ký thuế, kê khai thuế và kế toán tài khoản nộp thuế của từng đối tượng nộp thuế. Xây dựng hệ thống phần mềm phân tích, lựa chọn đối tượng cần thanh tra, kiểm tra thuế hoặc cưỡng

chế thuế.

Nâng cấp website ngành thuế, cung cấp các dịch vụ kê khai thuế điện tử trên mạng Internet; tạo thêm các kênh giao tiếp giữa NNT với cơ quan Thuế như hệ thống quản lý trao đổi thư tín điện tử, hỏi đáp trực tuyến, điện thoại tự động...

Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan Thuế các cấp: nâng cấp và xây dựng các phần mềm quản lý kinh phí, nhân lực, tiền lương, hành chính, đào tạo, quản lý chất lượng công việc...

3.2.3. Hoàn thiện công tác lập và thực hiện dự toán thu thuế TNDN

Với nhiệm vụ, chức năng của Chi cục Thuế, trước tiên để hoàn thành tốt công tác quản lý thuế và kế hoạch thu NSNN mà Cục thuế tỉnh và ủy ban nhân dân thành phố giao phó, thiết nghĩ cần phải bám sát sự chỉ đạo điều hành để có những định hướng công việc một cách chính xác, hiệu quả.

Đồng thời, ban lãnh đạo Chi cục cần thường xuyên đánh giá, phân tích và dự báo những yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thu thuế trên tất cả các lĩnh vực, các sắc thuế, đặc biệt là sắc thuế TNDN - một sắc thuế dễ bị ảnh hưởng và chịu nhiều tác động của nền kinh tế. Để tìm ra các giải pháp cụ thể và có những kiến nghị, hỗ trợ phối hợp thực hiện đồng bộ, kịp thời.

Từ đó tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tạo thuận lợi cho công tác quản lý thu đạt hiệu quả cao.

Các bộ phận nhận dự toán thu của Chi cục cần khai thác các nguồn thu qua việc triển khai đồng bộ các biện pháp tổ chức quản lý thu trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực thuế TNDN để tăng thu NSNN, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu những năm tiếp theo. Phát động phong trào thi đua, phấn đấu toàn diện trong toàn Chi cục ngay từ những tháng đầu, quý đầu của năm.

Đồng thời bám sát tình hình thực hiện thu nộp hàng tháng để điều hành và điều chỉnh những khoản thu đạt thấp, hoặc có khả năng thu nhưng chưa

tiến hành đốc thu. Đối với các khoản thuế TNDN được gia hạn nộp thuế cần theo dõi chặt chẽ và đôn đốc kịp thời khi đến hạn.

Chủ động khai thác tìm nguồn thu qua việc tăng cường rà soát và theo dõi hoạt động của NNT đã có Thông báo tạm ngừng kinh doanh để phát hiện kịp thời các hoạt động kinh doanh, buôn bán trốn thuế bất hợp pháp. Hoặc thực hiện phối hợp giữa các Đội thuế văn phòng và Đội thuế xã phường, chính quyền địa phương để rà soát các tổ chức, cá nhân không đăng ký kinh doanh nhưng thực tế có kinh doanh, hay các cửa hàng cửa hiệu trực thuộc công ty không khai báo nộp thuế hộ kinh doanh và cũng không khai báo vào hoạt động SXKD của doanh nghiệp để đưa vào diện quản lý thuế.

Chủ động đánh giá, phân tích và dự báo những yếu tố tác động tới nguồn thu để tăng cường theo dõi, đôn đốc các nguồn thu. Đối với những lĩnh vực kinh doanh thương mại, dịch vụ cần khuyến khích người tiêu dùng lấy Hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ và tiến hành kiểm kê hàng hóa tồn kho, điều tra doanh thu bán hàng khi thấy cần thiết. Thành lập đường dây nóng và các hòm thư điện tử công cộng để người tiêu dùng dễ dàng phản ánh các sai phạm của NNT và tố cáo các hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

3.2.4. Hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Quản lý đăng ký, kê khai thuế, quyết toán thuế

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các khâu của quá trình quản lý thuế, tăng cường các biện pháp hỗ trợ kê khai, nâng cấp đảm bảo đường truyền nhận dữ liệu trong cơ quan Thuế được ổn định để tạo thuận lợi cho NNT thực hiện kê khai, nộp HSKT qua mạng được nhanh chóng, đạt kết quả cao. Đồng thời, với đặc thù của công tác kê khai thuế qua mạng internet là dữ liệu được cập nhật tự động vào hệ thống các phần mềm quản lý của Ngành thuế. Vì vậy, cán bộ làm công tác kê khai thuế phải thường xuyên duy trì và tăng cường công tác rà soát các Hồ sơ khai thuế của NNT. Trường hợp

phát hiện NNT nộp không đầy đủ các HSKT phải tiến hành đôn đốc kịp thời. Kiên quyết xử phạt đối với các trường hợp NNT nộp chậm HSKT và cần thực hiện ấn định thuế đối với NNT nộp chậm hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định hoặc NNT không nộp hồ sơ khai thuế, nhằm nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế cũng như tạo sự công bằng, bình đẳng trong thực hiện nghĩa vụ thuế đối với tất cả NNT.

Đối với cán bộ làm công tác kế toán thu nộp NSNN cần yêu cầu NNT thực hiện điều chỉnh kịp thời mục lục NSNN trong trường hợp NNT nộp tiền thuế sai chương loại khoản mục, để đảm bảo công tác lập sổ theo dõi nợ thuế của NNT được chính xác và ánh đúng số nợ thuế của NNT. Định kỳ, cần đối chiếu số thu nộp với NNT bằng phương pháp gửi thư xác nhận nghĩa vụ thuế qua email. Nếu NNT nào phát hiện có sự sai lệch thì liên hệ đến trực tiếp cơ quan Thuế đối chiếu cụ thể.

Đẩy mạnh việc triển khai nộp thuế điện tử tới NNT để tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo thuận lợi cho NNT có thể nộp thuế vào mọi lúc, mọi nơi góp phần thực hiện cải cách hiện đại hóa ngành thuế.

Quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế

Để giảm nợ thuế và ngăn ngừa chuyển thành nợ khó thu cần nắm bắt tình hình tài chính của NNT, thu thập thông tin và mở sổ theo dõi riêng để dự đoán khả năng trả nợ thực tế, biết thời gian nào NNT có khả năng thanh toán nợ để có biện pháp nợ thích hợp, kịp thời.

Đa dạng hoá và áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế phù hợp: Chi cục Thuế có thể phối hợp với Viễn thông triển khai dịch vụ nhắn tin đôn đốc nợ thuế, tiền phạt chậm nộp đến số điện thoại của người đại diện theo pháp luật của công ty; gửi tin nhắn điện tử qua mail, qua zalo ...

Công tác kiểm tra thuế

Công tác kiểm tra cần được tiến hành trên cơ sở phân tích thông tin hồ

sơ khai thuế, thu thập thông tin, từ đó chia ra các nhóm hành vi vi phạm của doanh nghiệp: Nhóm hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng hoá đơn; nhóm hành vi vi phạm kê khai và nộp thuế; nhóm hành vi vi phạm chế độ kế toán. Từ đó lựa chọn phương thức kiểm tra có hiệu quả nhất.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao năng lực hoạt động kiểm tra theo hướng: bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác kiểm tra đảm bảo tính chuyên sâu, chuyên nghiệp, hiệu quả; đẩy mạnh áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong tất cả các khâu; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để phân tích, đánh giá rủi ro tuân thủ pháp luật của NNT; áp dụng hiệu quả các kỹ năng thanh tra, kiểm tra để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi chuyển giá, gian lận, trốn thuế.

Kiểm tra các doanh nghiệp có tỷ lệ thu nhập chịu thuế trên doanh thu thấp; doanh nghiệp có số thu lớn;

Phối hợp với các cơ quan kiểm toán, thanh tra cục thuế ... phân định rõ chức năng nhiệm vụ từng cơ quan để tránh sự chồng chéo trong công tác kiểm tra, gây phiền hà và ảnh hưởng không tốt đến hoạt động sản xuất kinh doanh của NNT.

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Tiếp tục đổi mới và hiện đại hóa công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật thuế tới NNT theo hướng tiết kiệm thời gian, chi phí và nhanh gọn như thay đổi phương pháp tuyên truyền hỗ trợ NNT bằng cách thiết lập hòm thư điện tử và thực hiện trao đổi, tư vấn, tuyên truyền qua email, qua mạng internet. Cụ thể: Khi chính sách, pháp luật thuế mới được ban hành, sửa đổi, bổ sung cán bộ làm công tác tuyên truyền cần nhanh chóng cập nhật và sao gửi tới email của NNT. Hoặc khi ban hành các hướng dẫn thực hiện luật thuế và khi trả lời các vướng mắc thường phát sinh trong quá trình thực hiện các văn bản pháp quy về thuế, cần sao gửi tới mọi NNT giúp NNT cập nhật

thông tin, tránh các sai sót không cố ý. Đồng thời các thông tin về NNT bỏ trốn, mất tích, không tồn tại tại địa chỉ kinh doanh đăng ký với cơ quan Thuế cũng cần được gửi tới NNT để tránh việc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, gây thất thu cho NSNN,...

Tăng cường tổ chức các Hội nghị đối thoại với NNT để kịp thời tháo gỡ khó khăn, giải đáp các vướng mắc cho NNT. Việc trả lời bằng văn bản và các nội dung thực hiện tư vấn cho NNT cần cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu. Chú trọng phát triển công tác tư vấn thuế cho NNT. Tư vấn thuế là một nhiệm vụ quan trọng của cơ quan Thuế nhằm nâng cao trình độ hiểu biết về chính sách pháp luật thuế và tăng cường ý thức tự giác tự nguyện chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của NNT. Do đó thúc đẩy tư vấn thuế trong điều kiện hiện nay là yêu cầu cần thiết, song phải có những biện pháp đồng bộ nhằm khuyến khích và phát triển hoạt động này như: thực hiện đào tạo, nâng cao năng lực cho những cán bộ làm công tác tuyên truyền, hỗ trợ về thuế.

Đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, pháp luật chính sách thuế phải đến được người dân thông qua truyền hình, Đài phát thanh, báo chí, cổ động, băng rôn, áp phích. Đề xuất và đẩy mạnh và nhân rộng triển khai đồng bộ chương trình “Tuần lễ lắng nghe ý kiến NNT”, “Tuần lễ hướng dẫn quyết toán thuế”. Nghiên cứu, đề xuất tổ chức cuộc thi tìm hiểu về pháp luật thuế, phối hợp thực hiện chương trình đưa chính sách thuế vào vào trường học cho học sinh nắm bắt được ý nghĩa, mục tiêu của thuế và thẩm quyền trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.

3.3. Kiến nghị

3.3.1. Đối với Tổng cục thuế

Một là, hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật thuế TNDN:

Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, nên cơ chế chính sách về thuế thường xuyên có sự thay đổi, điều

chính cho phù hợp với điều kiện nền kinh tế hội nhập. Do vậy, khi xây dựng chính sách thuế cần có cách tiếp cận mới, nhìn nhận mọi vấn đề trong dài hạn, phân tích thấu đáo mọi khả năng cùng với tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước và những ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các tập đoàn kinh tế để chính sách thuế có tính đồng bộ, ổn định, minh bạch, bao quát được những vấn đề phát sinh từ thực tiễn nhằm nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của chính sách, góp phần vào thành công chung của công cuộc cải cách và hiện đại hoá hệ thống chính sách thuế, thu hút đầu tư, khuyến khích doanh nghiệp mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo hài hoà các mục tiêu của công tác quản lý thuế, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu. Đồng thời cần nghiên cứu bổ sung vào luật chức năng điều tra cho cơ quan Thuế để nâng cao hiệu lực của cơ quan Thuế khi thực thi nhiệm vụ.

Nên sửa đổi, bổ sung luật thuế theo hướng giảm nghĩa vụ, tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp tích tụ vốn để đầu tư cho sản xuất kinh doanh và đổi mới công nghệ. Đảm bảo phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế và thông lệ quốc tế, đảm bảo tính đơn giản, rõ ràng, minh bạch, công khai, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính và hiện đại hoá công tác quản lý thuế. Việc sửa đổi Luật thuế TNDN tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

- + Về đối tượng chịu thuế: Áp dụng thống nhất đối với mọi loại hình DN, không phân biệt thành phần kinh tế, nguồn vốn đầu tư và chủ sở hữu.
- + Về thu nhập chịu thuế: Quy định mọi hình thức thu nhập, mọi khoản thu nhập, kể cả thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền thuê đất đều là thu nhập chịu thuế để đảm bảo tính thống nhất, công bằng và bình đẳng về nghĩa vụ thuế đối với mọi đối tượng.

+ Về các khoản chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập DN: Quán triệt nguyên tắc chi phí cho sản xuất, kinh doanh để tạo ra thu nhập của DN sẽ được trừ khi đảm bảo các điều kiện: thực tế có chi ra, liên quan đến việc tạo ra thu nhập, mức chi đảm bảo tính hợp lý, có đủ hoá đơn, chứng từ và bổ sung điều kiện về thanh toán không dùng tiền mặt. Đồng thời nên bổ sung quy định về không chế chi phí lãi tiền vay không được trừ vào chi phí đối với khoản vay vượt quá nhiều lần vốn chủ sở hữu.

Mở rộng thực hiện cơ chế tự khai - tự nộp, cơ chế tự khai - tự nộp chỉ có thể thực hiện thành công trên cơ sở đạt được sự đồng thuận trong xã hội, khi doanh nghiệp thấy được lợi ích và muốn thực hiện cơ chế này, cơ quan Thuế quyết tâm thực hiện và có sự đồng thuận, ủng hộ của chính quyền địa phương. Do đó, cần phải tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, trong và ngoài ngành thuế để có được sự thống nhất cao về nhận thức, tư tưởng trong quá trình thực hiện mở rộng thí điểm cơ chế này, tiến tới thực hiện trên toàn quốc.

Hai là, xây dựng quy định về đánh giá, thu thập thông tin từ DN:

Từ việc xác định các tiêu chí để đánh giá rủi ro trong công tác thanh tra, cưỡng chế thu nợ thuế; yêu cầu tuyên truyền theo từng nhóm đối tượng; rà soát lại tờ khai đăng ký thuế, tờ khai thuế giá trị gia tăng, tờ khai quyết toán thuế thu nhập DN, báo cáo sử dụng hóa đơn..., nghiên cứu bổ sung sửa đổi hệ thống chỉ tiêu trên tờ khai đăng ký thuế, tờ khai thuế giá trị gia tăng, TNDN và các tờ khai thuế khác. Pháp luật hoá trách nhiệm nộp báo cáo tài chính cho cơ quan Thuế.

Những chỉ tiêu cần thiết nhưng chưa có trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp thì kiến nghị Bộ Tài chính chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiên cứu bổ sung sửa đổi báo cáo tài chính của DN nhằm đáp ứng được yêu cầu về thông tin phục vụ quản lý thuế. Các tờ khai và báo cáo này được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của ngành Thuế thường xuyên. Như vậy, hệ thống thông tin về

DN sẽ là một hệ thống thông tin luôn luôn được cập nhật, đảm bảo tính chính xác và được cơ quan Thuế kiểm soát mỗi khi nhận được hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế và báo cáo tài chính.

Ba là, xây dựng cơ chế thu thập thông tin từ các nguồn bên ngoài ngành thuế:

Trên cơ sở xây dựng các quy chế phối hợp cung cấp thông tin với các Bộ, Ngành liên quan, ngành Thuế sẽ có thêm thông tin về doanh nghiệp để bổ sung những thông tin cần thiết phục vụ quản lý thuế, như thông tin từ cơ quan đăng ký kinh doanh, thông tin về tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá của doanh nghiệp từ cơ quan Hải quan, thông tin về tình hình thanh toán và tài khoản của DN, thông tin về số nợ từ Kho bạc... Quy chế phải quy định rõ: cơ chế, nội dung thông tin, trách nhiệm và hình thức cung cấp..., từ đó xây dựng phần mềm tin học để nhập hoặc nối mạng với các cơ quan cung cấp thông tin. Bắt đầu hình thành cơ sở dữ liệu thông tin về DN bao gồm: thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh, thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật, thông tin liên quan đến các hoạt động kinh tế và giao dịch của các DN... Có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu quản lý thuế theo cơ chế tự khai - tự nộp. Kho dữ liệu này không chỉ phục vụ cho chức năng thanh tra mà cả các chức năng khác như phân tích rủi ro trong cưỡng chế thu nợ thuế, chức năng tuyên truyền hỗ trợ DN.

Bốn là, xây dựng các quy chế phân quyền, phân cấp khai thác và sử dụng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu, đảm bảo bí mật thông tin cho DN:

Đẩy nhanh việc thực hiện cải cách hành chính thuế theo lộ trình, xây dựng các quy trình QLT theo hướng đơn giản, rõ ràng, công khai, từng bước hiện đại hóa, vi tính hóa. Văn bản hướng dẫn chính sách thuế phải nhất quán, kịp thời, rõ ràng; xây dựng các quy trình quản lý thu thuế theo chức năng không chồng chéo.

Năm là, nâng cao công tác đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực:

Chú trọng công tác đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực, tập trung bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu theo từng chức năng quản lý cho cán bộ, công chức Thuế; công tác đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo gắn kết với việc xem xét động viên, khích lệ và bổ nhiệm nhằm khuyến khích cán bộ tăng cường học tập và tự học tập. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức chuyên nghiệp, chuyên sâu, liêm chính. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức thuế.

Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu theo chức năng quản lý cho cán bộ công chức thuế theo chương trình của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế và kế hoạch của Cục Thuế tỉnh nhằm nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ thuế. Tạo điều kiện cho cán bộ công chức được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận.

Sáu là, quan tâm đến chế độ thi đua khen thưởng

Công tác thi đua khen thưởng không những phải được thực hiện đối với các cán bộ quản lý thuế có thành tích trong công tác thu thuế mà còn phải chú trọng đến các doanh nghiệp có đóng góp lớn số thuế hàng năm vào ngân sách.

Khen thưởng công khai qua các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, báo chí, đài truyền thanh... Thông qua đó có thể nâng cao uy tín của các doanh nghiệp trên thị trường, cho thấy khả năng vững mạnh về tài chính trong việc tìm đối tác cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình. Đây cũng là một chính sách đòn bẩy kinh tế có lợi cho doanh nghiệp và Nhà nước. Đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế, thực hiện cơ chế liên thông giữa thủ tục hành chính thuế với một số thủ tục hành chính khác có liên quan, nhằm tạo thuận lợi và giảm thời gian thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký khai thuế cho doanh nghiệp và người dân. Sửa đổi, bổ sung Luật quản lý thuế theo hướng dẫn sửa đổi quy định về thời gian khai

thuế, nộp thuế để giảm tần suất kê khai, nộp thuế, chi phí của người nộp thuế; thay đổi phương pháp tính thuế, mức thuế theo hướng đơn giản, phối hợp thu thuế thu nhập cá nhân với cơ quan bảo hiểm xã hội nghiên cứu cơ chế phối hợp thu thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp qua cơ quan bảo hiểm... chia sẻ thông tin giữa cơ quan Thuế và cơ quan bảo hiểm xã hội, nâng cao hiệu quả thu và quản lý nguồn thu từ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nhằm bảo vệ quyền lợi của người lao động.

Bây là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp:

Ứng dụng công nghệ tin học nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, ứng dụng tin học trong hầu hết các chức năng quản lý của cơ quan Thuế với hệ thống thông tin thuế từ cơ sở dữ liệu đối tượng nộp thuế tập trung, đầy đủ theo yêu cầu quản lý của cơ chế tự khai - tự nộp. Muốn vậy các giải pháp cần tập trung là:

- Rà soát các thông tin hiện có của ngành thuế trên các cơ sở dữ liệu quản lý thuế tại tất cả các cấp. Phân tích các yêu cầu về thông tin quản lý thuế của các bộ phận chức năng quản lý thuế, chú trọng yêu cầu về thông tin cho công tác thanh tra thuế. Xác định mô hình hệ thống thông tin thuế và mô hình cơ sở dữ liệu đối tượng nộp thuế của ngành theo hướng tập trung dữ liệu từ trong và ngoài ngành thuế.

- Xây dựng, nâng cấp, tích hợp và chuyển đổi hệ thống các phần mềm ứng dụng xử lý thông tin thuế như: kê khai đăng ký thuế, kê khai thuế và kế toán tài khoản nộp thuế của từng DN.

- Xây dựng các ứng dụng hỗ trợ chức năng kiểm soát tình trạng thực hiện nghĩa vụ thuế, phân tích và quản lý các trường hợp vi phạm về thuế.

- Xây dựng hệ thống phần mềm phân tích, lựa chọn đối tượng cần thanh tra, kiểm tra thuế hoặc cưỡng chế thuế. Quản lý chất lượng công tác thanh tra,

kiểm tra thuế.

- Nâng cấp trang thông tin điện tử ngành thuế; nghiên cứu, thiết kế hệ thống và chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện đăng ký thuế, kê khai thuế qua mạng Internet; tạo thêm các kênh giao tiếp giữa NNT với cơ quan Thuế như hệ thống quản lý trao đổi thư tín điện tử, hỏi đáp trực tuyến, điện thoại tự động...

Đồng thời, để góp phần đảm bảo ổn định nguồn thu cho NSNN hàng năm, kiến nghị ủy ban nhân dân thành phố tạo điều kiện để ngành thuế hoàn thành nhiệm vụ thông qua việc giao nhiệm vụ cho các ban, ngành chức năng phối hợp với ngành thuế tăng cường tuyên truyền pháp luật thuế, hướng dẫn, giải quyết thỏa đáng mọi khó khăn vướng mắc về chính sách thuế cho doanh nghiệp.

Tạo môi trường đầu tư thông thoáng, ưu đãi, hỗ trợ DN trong việc thuê đất, mặt bằng để phục vụ SXKD, cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin cho DN để DN nắm bắt thị trường nhằm xây dựng định hướng SXKD.

Tập trung công tác khuyến khích phát triển SXKD, tạo môi trường kinh doanh ổn định, thu hút đầu tư. Chỉ đạo công tác hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua các chính sách về tín dụng, ưu đãi đầu tư.

3.3.2. Kiến nghị với Cục thuế Quảng Ninh và Chi cục Thuế thành phố Hạ Long

Về công tác luân chuyển cán bộ:

Trong các đơn vị hành chính, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý thuế việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ quản lý là đòi hỏi bắt buộc đối với mỗi cán bộ, nhân viên. Ngoài ra, mỗi cán bộ, nhân viên ngành thuế cũng cần phải học tập, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc và mỗi cán bộ, nhân viên đều phải thực hiện được nhiều công việc khác nhau. Do đó, việc luân chuyển cán bộ từ vị trí này sang vị trí khác, từ bộ phận này sang bộ

phận khác là một việc hết sức cần thiết. Việc luân chuyển sẽ giúp cho các cán bộ không làm việc theo thói quen, lười suy nghĩ cho các cán bộ thuế. Vì vậy, đề nghị Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh cần thực hiện việc luân chuyển cán bộ thường xuyên, theo đúng quy định, đảm bảo được tính công bằng, khách quan trong việc đánh giá năng lực, trình độ của các cán bộ quản lý thuế, đặc biệt là quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp.

Về công tác đào tạo cán bộ:

Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ lẫn đạo đức và bản lĩnh chính trị cho cán bộ thuế. Chấn chỉnh ý thức trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật đối với cán bộ, xử lý nghiêm các cán bộ không thực hiện đúng quy trình quản lý thuế.

Tăng cường công tác đối thoại, gặp gỡ DN để thông qua đó nắm bắt được những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế của DN nhằm tìm biện pháp tháo gỡ cho DN.

Tổ chức công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, phổ biến chính sách Thuế khi có thay đổi nhằm giúp DN tiếp cận được các chủ trương, chính sách mới để DN thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ của mình.

Chi cục Thuế Thành phố Hạ Long phải củng cố và hoàn thiện cơ cấu tổ chức của các Đội thuế để phù hợp với Luật quản lý thuế. Cải tiến tổ chức bộ máy đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận. Tăng cường cán bộ kiểm tra đảm bảo đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ.

Tăng cường công tác tuyên truyền vận động, cung cấp dịch vụ thuế cho DN một cách tốt nhất, thực sự coi NNT là người bạn đồng hành với cơ quan Thuế trong việc tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

Tiểu kết chương 3

Trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên mới, thương mại điện tử phát triển, đòi hỏi ngành Thuế phải sửa đổi Luật Quản lý thuế để đáp ứng yêu cầu quản

lý. Song song với đó, thực hiện điều chỉnh dần cơ cấu công chức theo chức năng quản lý và theo đối tượng quản lý đảm bảo hiệu quả, phù hợp nhiệm vụ quản lý thuế tại Chi cục Thuế TP Hạ Long. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân cấp, góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai công việc, thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm tra, giám sát thực hiện công tác tổ chức cán bộ. Thực hiện luân phiên, luân chuyển và chuyển đổi vị trí công tác đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ.

KẾT LUẬN

Ở bất kỳ thời điểm nào, giai đoạn nào hay cơ chế chính sách nào thì thuế cũng đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Nó được xem là giữ vai trò chủ đạo, then chốt để Nhà nước điều hành kinh tế vĩ mô. Đặc biệt trong giai đoạn toàn cầu hóa, đa phương hóa như hiện nay thì các chính sách điều tiết vĩ mô của Nhà nước đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Việc quản lý tốt thuế nói chung và thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng là tiền đề, là động lực quan trọng để nước ta có thể hòa nhập, hội nhập sâu rộng với các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước phát triển. Điều này sẽ tạo ra môi trường cạnh tranh tốt, bình đẳng đối với các doanh nghiệp, chính sách thuế phù hợp sẽ tạo lợi thế để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo tiền đề để phát triển các ngành kinh tế phát triển.

Thông qua mục tiêu nghiên cứu từ phần mở đầu và trong quá trình triển khai thực hiện phân tích, đánh giá và đưa ra những biện pháp cụ thể để hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn TP Hạ Long. Để thực hiện được điều đó, Đề án đã giải quyết được những vấn đề sau:

Một là: Đề án đã khái quát được những lý luận cơ bản về quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp hiện nay ở nước ta;

Hai là: tác giả đã đánh giá, phân tích về thực trạng quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn 2022-2024. Từ thực trạng đó, tác giả đã nêu ra được những kết quả đạt được, những kết quả chưa đạt được, còn tồn tại và nguyên nhân tồn tại làm cơ sở để đưa ra những biện pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế tại Chương 3.

Ba là: Trên cơ sở đánh giá, phân tích và đưa ra được những hạn chế và tìm ra được nguyên nhân hạn chế. Tác giả đã đưa ra một số biện pháp cụ thể

nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn TP Hạ Long trong giai đoạn tới.

Việc hoàn thiện công tác quản lý thuế là một việc vô cùng khó khăn, đặc biệt là thuế thu nhập doanh nghiệp. Vì đây là một loại thuế đặc thù, trong hoạt động của mình các doanh nghiệp thường không chủ động trong việc nộp thuế, nhiều doanh nghiệp còn có hiện tượng chây ì, trốn nộp thuế cho ngân sách nhà nước. Vì vậy, để hoàn thành mục tiêu đã đề ra Chi cục Thuế TP Hạ Long cần phải sớm hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp sớm nhất có thể để công tác thu thuế được tốt hơn, tránh thất thu thuế và tăng nguồn ngân sách nhà nước.

Sau quá trình nghiên cứu, triển khai dưới sự hướng dẫn của PGS.TS.Phạm Văn Hùng và TS. Phạm Thị Thu Trang, bản thân cũng đã hoàn thành được Đề án và trình hội đồng thẩm định. Do thời gian có hạn, nên quá trình nghiên cứu và triển khai Đề án chưa thực sự được như mong muốn. Vì vậy, có thể có những sai sót, hạn chế. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo, các bạn và đồng nghiệp để Đề án được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2006), Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Quốc hội ban hành ngày 03 tháng 6 năm 2008
2. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi năm 2013
3. Luật sửa đổi các Luật về thuế 2014
4. Luật Quản lý thuế 2019.
5. Nghị định 218/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
6. Nghị định 91/2014/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định quy định về thuế.
7. Nghị định 12/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.
8. Nghị định 146/2017/NĐ-CP về sửa đổi Nghị định 100/2016/NĐ-CP và 12/2015/NĐ-CP.
9. Nghị định 126/2020/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Quản lý thuế.
10. Nghị định 44/2021/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19.
11. Nghị định 57/2021/NĐ-CP bổ sung Điểm g Khoản 2 Điều 20 Nghị định 218/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP) về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ
12. Thông tư số 78/2014 /TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 218/2013/NĐ-CP quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014
13. Thông tư số 96/2015 /TT-BTC hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư 151/2014 ngày 10/10/2014, Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.
14. Thông tư 25/2018/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 146/2017/NĐ-CP sửa đổi Thông tư 78/2014/TT-BTC, 111/2013/TT-BTC.

15. Thông tư 71/2021/TT-BTC hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa chưa truy thu theo Nghị quyết 63/NQ-CP do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

16. Thông tư 80/2021/TT-BTC hướng dẫn Luật Quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (có hiệu lực ngày 01/01/2022)

17. Đảng uỷ Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh (2022), *Báo cáo Tổng kết thực hiện nhiệm vụ công tác thuế năm 2022, nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2023*

18. Đảng uỷ Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh (2023), *Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác thuế năm 2023, nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2024*

19. Đảng uỷ Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh (2024), *Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác thuế năm 2023, nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2025*

20. Quyết định số 1404/QĐ-TCT về việc ban hành quy trình thanh tra thuế, Tổng cục Thuế ban hành ngày 28 tháng 7 năm 2015.

21. Quyết định số 746/QĐ-TCT về việc ban hành quy trình kiểm tra thuế, Tổng cục Thuế ban hành ngày 20 tháng 4 năm 2015

22. Quyết định số 970/QĐ-TCT về việc ban hành quy trình kiểm tra thuế, Tổng cục Thuế ban hành ngày 14 tháng 7 năm 2023.

23. Quyết định số 1401/QĐ-TCT về việc ban hành quy trình quản lý nợ thuế, Tổng cục Thuế ban hành ngày 20 tháng 4 năm 2015.

24. Quyết định số 1129/QĐ-TCT về việc ban hành quy trình quản lý nợ thuế, Tổng cục Thuế ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2022.

25. Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 508/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030;

26. Bộ Tài chính (2022), Quyết định số 2438/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 phê duyệt Chương trình hành động triển khai thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030

27. Âu Đình Hoài Phương (2024) với đề tài “*Tăng cường quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng*”.

28. Đặng Thị Cẩm Dung (2024) với đề tài “*Một số giải pháp nâng cao sự tuân thủ pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục Thuế TP Hải Phòng*”.

29. Lê Hữu Trí (2023) với nghiên cứu “*Pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*”.

30. Hà Phạm Phương Ngân (2023) với nghiên cứu “*Xác định thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp và thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh*”.

31. Trần Thị Dung (2022) với nghiên cứu “*Hoàn thiện công tác quản lý thu thuế TNDN trên địa bàn quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng*”.

32. Nguyễn Bảo Trang (2021) với đề tài “*Một số giải pháp về quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Cục Thuế tỉnh Hưng Yên*”.

33. Nguyễn Văn Tâm (2020) với nghiên cứu “*Quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội*”. Đề tài nghiên cứu tập trung vào các nội dung chủ yếu của công tác quản lý thu thuế TNDN đó là, quản lý đăng ký thuế, quản lý thu thuế, công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế, công tác kiểm tra, quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế.

34. Lê Thị Minh Phượng (2019) với nghiên cứu “*Hoàn thiện thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay*”.

35. Bùi Ngọc Toàn (2018) với nghiên cứu “*Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập của doanh nghiệp - Nghiên cứu thực nghiệm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*”.

